



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Hoàng hậu Maya hạ sanh thái tử Sĩ Đạt Ta

Trong số này

* Thư chúc tết Chôl Chhnăm Thmây

03

1. TIÊU ĐIỂM

- Tết Chôl Chhnăm Thmây - TTThs. Danh Lung
- PG TP. HCM với sự nghiệp phát triển -
- HT. Thích Phổ Tuệ - VOV
- Một số vấn đề về PGNT - Dũng, Thắm, Huyền
- PV HT. Thiện Tâm về Hội nghị đối thoại - Khắc Chiếu
- Thông điệp của Đức Pháp Chủ
- Diễn văn Đại lễ Phật Đản
- Ý nghĩa Đại lễ Phật Đản - HT. Thích Bảo Nghiêm

04
07
10
12
14
16
17
19

2. KINH TẠNG

- Tiểu kinh Khổ uẩn - HT. Thích Minh Châu

22

3. LUẬT TẠNG

- Giới luật của người xuất gia - Nguyệt Thiên

23

4. THIỀN HỌC

- Trung tâm thiền Pa Auk - Hạnh Thúc

25

5. LUẬN TẠNG

- Một số vấn đề trong Atỳđàm - Hạnh Viên

27

6. VĂN HÓA

- Sự khác biệt giữa - TTTS. Bửu Chánh
- Bộ đội Việt Nam - Đà Trang
- Tết cổ truyền các dân tộc - Bách Khoa toàn thư

30
32
34

7. ĐỐI THOẠI

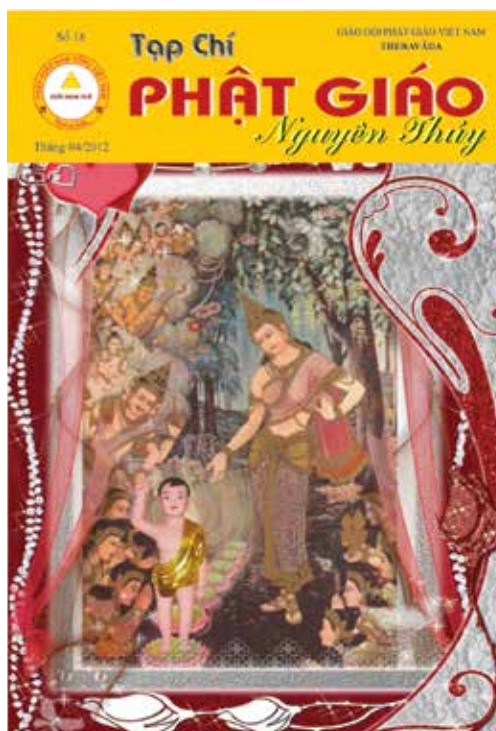
- Tiếng chuông chùa nơi Trường Sa - Hải Sơn

36

8. SUY NGẪM

- Nhịn - Duy Thiện

38



9. VĂN THƠ

- Kham nhẫn Khổ hạnh - TK. Trung Thiện
- Sen hồng nâng gót tịnh - B.C.T
- Dấu xưa - B.C.T
- Cõi mộng - Hiền Khánh
- Cõi về - NT
- Trần Tử Văn nhà báo khiêm - ĐĐTS. Thiện Minh

22
23
25

39
41
41
41
41
42

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- Im lặng và khiêm tốn - ĐĐ. Thiện Minh
- Giọt máu cứu đời - Định Phúc

27

44
48

11. VĂN HỌC PALI

- PG và truyền thống chú giải - Nguyễn Cửu Long

30

50

12. CHÙA THÁP

- Sóc Trăng lễ hoàn công bảo Tháp - Khemrinh

32

52

13. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- 4 loại dinh dưỡng nếu thiếu dễ gây ung thư - Eva

34

53

14. PHÁP LUẬT

- Luật Hôn nhân Gia đình - Lâm Thị Mai

36

54

15. THEO DÒNG

55



VŨ VĂN NINH
PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TÂY NAM BỘ

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Số: 82/LĐCP

THƯ CHÚC MỪNG
TẾT CHÔL CHNAM THMÂY NĂM 2012

Kính gửi: Đồng bào, các vị sư sãi, cán bộ, chiến sĩ, kiều bào
và các cháu thiếu niên, nhi đồng dân tộc Khmer Nam Bộ.

Nhân dịp Tết Chôl Chnam Thmây năm 2012, thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và nhân danh cá nhân, tôi thân ái xin gửi đến đồng bào, các vị sư sãi, cán bộ, chiến sĩ, kiều bào và các cháu thiếu niên, nhi đồng dân tộc Khmer Nam Bộ lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Năm 2011 và những tháng đầu năm 2012, Chính phủ, các Bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục triển khai, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong vùng. Các chính sách đặc thù cho vùng dân tộc thiểu số được các cấp, các ngành thực hiện tích cực và có hiệu quả. Đồng bào và sư sãi dân tộc Khmer đã phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, hăng hái lao động sản xuất và học tập, tạo được chuyển biến khá toàn diện trên tất cả các mặt. Tôi trân trọng biểu dương những nỗ lực và đóng góp quý báu đó.

Tuy vậy, vùng đồng bào dân tộc Khmer vẫn còn nhiều khó khăn. Các Bộ, ngành ở Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành trong vùng đồng bằng sông Cửu Long cần tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống cho đồng bào nhiều hơn nữa.

Tôi tin tưởng rằng, đồng bào, sư sãi Khmer Nam Bộ tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, ra sức khắc phục khó khăn, tích cực lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Chúc đồng bào, các vị sư sãi, cán bộ, chiến sĩ, kiều bào và các cháu thiếu niên nhi đồng dân tộc Khmer đón Tết Chôl Chnam Thmây năm 2012 vui tươi, đoàn kết, an toàn và tiết kiệm./.

Thân ái,



Vũ Văn Ninh

TẾT CHÔL CHHNĂM THMÂY CỦA ĐỒNG BÀO KHMER NAM BỘ

Hàng năm, cứ sau thanh minh 7 ngày, tức từ ngày 12, 13, 14 và 15 tháng 4 dương lịch, theo lịch Khmer thường giao động từ mồng 6 tháng 5 (khe chét) đến mồng 6 tháng 6 (khe Pisakh = Ve sak) là ngày Tết Chôl chhnăm Thmây (tết Nguyên đán) cổ truyền của đồng bào Khmer Nam Bộ. Tết Chôl Chhnăm Thmây năm nay sẽ vui hơn mỗi năm vì:

- Trước ngày đón năm mới mấy ngày, là ngày 5 tháng 4, Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ tổ chức họp mặt hơn 500 đại biểu là chư tôn giáo phẩm, chư đại đức tăng, đại diện tăng sinh trường Bồ tát Văn hoá trung cấp Pāli Nam Bộ, đại diện Tăng sinh Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, cùng Ban quản trị, các vị āchāriya đại diện 458 ngôi chùa Khmer trong 14 tỉnh – thành Nam Bộ, các vị cán bộ Khmer hưu trí, cán bộ Khmer đương chức, các nhân sĩ trí thức, đại diện gia đình có công và đại diện gia đình tiêu biểu trong thời kỳ đổi mới v.v... cùng các đoàn nghệ thuật Khmer của các tỉnh – thành đến phục vụ, tổng số người đến tham dự khoảng trên dưới 1000 người. Về dự buổi họp mặt mừng năm mới năm nay gồm:

Về phía chư tôn giáo phẩm, có Hoà thượng Dương Nhơn, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng.

- Hoà thượng Thạch Sok Xane, Ủy viên Thường trực HĐTS, Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Trà Vinh.

- Hoà thượng Đào Như, Ủy viên Thư ký HĐTS, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo thành phố Cần Thơ.

- Hoà thượng Lý Sa Muth, Ủy viên HĐTS, Chủ tịch Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu (ĐKSSYN) nước tỉnh Bạc Liêu.

- Thượng tọa Danh Lân, Ủy viên HĐTS, Phó Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo kiêm Chánh Thư ký Hội ĐKSSYN tỉnh Kiên Giang.

- Thượng tọa Danh Lung, Ủy viên HĐTS, Phó ban Văn hoá TW GHPG, Ủy viên Ủy ban TW

TT Ths. Danh Lung,

Ủy viên HĐTS, Phó ban Văn hoá TW GHPGVN

MTTQVN, Chánh Văn phòng Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer. Cùng chư tôn giáo phẩm là ủy viên HĐTS, là Trưởng, Phó ban trị sự, đại diện chức sắc của các tỉnh thành về dự.

Về phía chánh quyền Trung ương và địa phương:

- Ông Vũ Văn Ninh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.

- Ông Nguyễn Phong Quang, Phó ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.

- Ông Bùi Ngọc Sương, Phó Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ cùng đại diện các Bộ, Ngành, quân khu, đại diện Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Ủy ban Nhân dân Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc, Ban Tôn giáo, Ban Dân tộc các tỉnh thành cùng nhiều vị đại biểu khách mời khác về dự.

Niềm vui mừng được ông Vũ Văn Ninh sau khi nghe báo cáo của Ban Chỉ đạo và phát biểu của Hoà thượng Thạch Huôn đại diện đại biểu, ông phát biểu chỉ đạo mấy điểm trọng tâm yêu cầu Tỉnh uỷ - Thành uỷ, Ủy ban Nhân dân, các cơ quan ban ngành của các tỉnh thành có đồng bào Khmer sinh sống phải làm thật tốt mấy điểm sau đây:

- + Các Bộ, Ngành, các cấp Ủy địa phương cần tạo mọi điều kiện thuận lợi, giúp đỡ nhiều hơn nữa đến an sinh xã hội, mặt bằng dân trí của chư tăng và đồng bào Khmer Nam Bộ.

- + Các Tỉnh uỷ, Thành uỷ, Ủy ban Nhân dân và các cơ quan cần quan tâm giúp đỡ để sư sãi, đồng bào Khmer phát triển đời sống, kinh tế, giáo dục, y tế, sinh hoạt văn hoá lễ hội.

- + Tiếp tục động viên chư tăng, đồng bào thực hiện tốt nếp sống văn minh phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, phát huy truyền thống đoàn kết trong địa phương.

+ Các tỉnh – thành trong vùng có kế hoạch thăm hỏi, chăm lo cho những gia đình nghèo khó khăn có Tết Chôl Chhnăm Thmây vui tươi, đầm ấm và không thiếu ăn trong thời giáp hạt, thiếu đất sản xuất.v.v...

- Vui bởi năm nay đồng bào Phật tử được mùa, sản phẩm được giá, nhà nhà, người người, ai ai cũng vui đón Tết Chôl Chhnăm Thmây.

Tết Chôl Chhnăm Thmây của đồng bào Khmer khác hơn tết Nguyên Đán của một số dân tộc trong khu vực Đông Nam Á, nhất là Việt Nam và Trung Hoa, đón Chư thiên năm mới (đón giao thừa) vào lúc 24 giờ, ngày 30 hoặc 29 tháng chạp và không thay đổi.

Đối với đồng bào Khmer Nam Bộ, đón mừng năm mới trong tháng 4 dương lịch trùng với một số nước như: Lào, Campuchia, Thái Lan... Lễ đón Chư thiên năm mới của đồng bào Khmer năm nay vào lúc 19 giờ 11 phút, ngày 13 tháng 4 dương lịch. Theo Kinh điển Mahāsamkāsūtra, kể về câu chuyện thách đố giữa Đại Phạm Thiên Kapila và cậu bé Dhammapāla (Hộ pháp), Đại Phạm Thiên thua cuộc, giữ lời hứa nên phải cắt lấy thủ cấp của mình dâng cho cậu bé Dhammapāla. Bắt nguồn từ đó, tết cổ truyền Chôl Chhnăm Thmây của Phật tử Khmer tổ chức trong 3 ngày đêm, hay đúng hơn trong 12 năm tổ chức 3 ngày đêm 9 lần và 4 ngày đêm 3 lần, ba ngày đêm ấy có tên gọi như sau:

Trước Tết mấy ngày, Phật tử Khmer rủ nhau đến chùa để cùng với chư tăng làm cỏ quét dọn, sơn Tháp, Tăng xá v.v... người không đi chùa thì cũng quét dọn nhà cửa, bàn thờ trong nhà, bàn Chư thiên trước nhà, mua sắm các lễ vật chuẩn bị đón năm mới, người còn cha mẹ thì mua sắm quần áo mới để cho cha mẹ đến chùa, còn người cha mẹ đã quá vắng thì tùy theo từng phum sóc, có nơi có cốt ông bà trong nhà thì thỉnh chư Tăng cầu siêu trước mấy ngày, hết nhà người này thì đến nhà người kia cho đến ngày tết Chôl Chhnăm, còn những nơi có tháp cốt ông bà trong chùa thì thường đến ngày năm cũ (như ngày 29 tháng thiếu và 30 tháng đủ của tết Nguyên đán Việt Nam), tập trung thân tộc thỉnh chư tăng đến cầu siêu tại tháp và cũng có địa phương chờ tới ngày bước sang năm mới mới làm lễ cầu siêu. Chiều ngày cuối cùng của năm cũ, con cháu qui tụ lại tắm cho ông bà, cha mẹ thay quần áo mới, làm mâm cơm mời ông bà cha mẹ dùng cơm, sau đó, đưa ông bà cha mẹ đến chùa, tụng kinh, nghe pháp, còn thanh thiếu niên sau khi nghe pháp xong thì ca hát vui chơi theo truyền thống; còn có những phum sóc có con em đi tu gieo duyên hay tu tạ lệ có nơi thì tu trong năm cũ, có nơi thì tu trong năm mới.

1. Thơ ngay săng cran, ngày thứ nhất có nghĩa là “Ngày rời khỏi, ngày bước sang”, tức là ngày đầu tiên chúng ta sắm sửa trang hoàng lễ vật để cúng dường, để đón mừng vị “Tân Thần vệ Nữ hay tân Quân thể Thiên” theo truyền thống từ xa xưa. Theo lời giải trong kinh điển có ghi: Chu trình của mặt Trăng đi giáp một vòng “Ria Sây Chăc” (tuyến luân xa), phải mất thời gian là 365 ngày 06 giờ 20 phút được gọi là một năm. Vị tân Quân thể Thiên năm nay giáng trần vào lúc 19 giờ 11 phút, tên là Kimirādevī (Kế Mế Ra Tê Vi), là con thứ sáu của Đại Phạm thiên Kapila. Mỗi năm mỗi vị con giáng trần, năm nay là người con thứ sáu có những trang sức, ẩm thực và phương tiện khác hơn mỗi năm. Năm nay Kimirādevī mặc y phục màu trắng “Bạch Y”, cài hoa Sen Cúc, tai đeo đôi bông bằng Ngọc ngũ sắc, dùng chuỗi Lá Xiêm và chuỗi Nước là ẩm thực chính, tay phải cầm gương, tay trái cầm cây đàn ba dây và giáng trần với tư thế nằm mở mắt trên lưng Ngưu Thần (con Trâu Thần). Do đó, để đón năm mới Phật tử Khmer mua sắm các lễ vật phù hợp với từng năm cúng đón chư thiên năm mới, và ngày hôm nay cũng được gọi là ngày bước vào, ngày “Tiên Hành”. Trước khi đón chư thiên, ngoài lễ vật chuẩn bị sẵn thì chiều hoặc tối hôm ấy tùy theo điều kiện từng chùa, từng địa phương, chư tăng Phật tử trang trí kiệu thật lộng lẫy, để phần đầu tượng bốn mặt (Kapila) và cuốn kinh điển Mahāsamkāra, đi nhiều Phật ba vòng chánh điện hay đưa từ phum sóc vào chùa, có nhạc ngũ âm hay chhay-dăm cung tiễn linh đình.

2. Thơ ngay Vāravapata (Via rắc vắn nắc bót, năm nhuận thì hai ngày), ngày thứ hai có nghĩa là ngày rỗng, ngày bàn giao, năm nay nhằm ngày thứ bảy, 14 tháng 4 dương lịch, là ngày 24 tháng 3 âm. Theo quan niệm người Khmer còn gọi ngày này là ngày bàn giao giữa Thần vệ nữ năm cũ và Thần vệ nữ năm mới. Từ sáng đến trưa, Phật tử ai cũng đem ẩm thực, tứ sự từ nhà đến chùa cúng chư tăng, trai tăng cầu siêu hồi hướng phước báu đến các bậc hữu ân cũng như tất cả các vong linh của chúng sanh đã quá vãng. Buổi tối, trước khi tụng kinh, là lễ đắp núi Cát, núi Đất, núi Gạo, núi Lúa đã được các vị Achāriya hay chư tăng hướng dẫn chuẩn bị và trang trí từ sáng. Các núi này được đắp tám núi nhỏ ở tám hướng (thường đắp xung quanh chánh điện) tượng trưng cho vũ trụ, núi thứ chín lớn hơn nằm ở giữa tượng trưng cho núi Sumeru (Tu Di Sơn). Trên từng ngọn núi được trang trí bằng cây, hoa lá tùy có và đặt con vật bằng bột, đất, hay sành sứ... trên núi, tượng trưng trong vũ trụ luôn có sự sống của chúng sanh, của hoa lá cỏ cây, để cho mọi người đến dự lễ ý thức bảo vệ và tôn trọng sự sống, nên có tâm từ, bi với muôn loài vạn vật, mặt khác, đó cũng là ước mơ của Phật tử Khmer mong năm mới dồi dào vật chất cao như núi, xong do vật cúng với Kusalacetanā tác

ý thiện, chư tăng lấy đất, cát san lấp mặt bằng, cất chùa; lúa, gạo để nuôi chư tăng tu học, Phật tử đã có thiện ý, nhờ đó sẽ được an vui trong hiện tại cũng như trong tương lai; một điều quan trọng trong lễ đắp núi cát, đó là tượng nhớ và thể hiện lòng cung kính đến những dấu chân Đức Phật trên núi cát Nimmadā, đắp núi đất là tượng nhớ, cung kính những xương tiền thân Đức Phật suốt 4 A Tăng Kỳ và một trăm ngàn Đại Kiếp luân hồi tu tập trên trái đất này, Phật tử sám hối trước núi cát, núi đất vì e rằng hàng ngày có phóng uế, tiểu tiện sợ mang tội. Sau khi đắp núi xong, Phật tử tập trung trong Sa la hay chánh điện, tụng kinh Tam bảo, thọ Tam qui ngũ giới, thỉnh chư tăng tụng kinh chúc phúc năm mới và thuyết pháp; sau đó, có những chùa làm lễ Mahāchhaka (đại lễ cầu siêu) nhằm hồi hướng phước báu đến các bậc hữu ân, các vong linh của tất cả chúng sanh và cuối cùng, là văn nghệ của thanh thiếu niên giúp vui trong ngày Tết.

3. Thờ ngày Via rắc lông sặc (ngày Thiên can) Via Rắc Lông Sặc năm nay vào lúc 23 giờ 43 phút và 48 giây.

Thường trong ngày này ngoài việc cúng dường trai tăng, cầu siêu, có những chùa tổ chức đặt bát hội, sau đó, chư tăng Phật tử làm lễ sám hối, tắm Phật, sau tắm Phật thì cung thỉnh trụ trì, chư tăng cao niên an tọa lễ đài, các vị đệ tử, achāriya, Phật tử làm lễ sám hối và tắm cho chư tăng, nhằm cầu xin cho những điều không may mắn, rủi ro năm cũ sẽ qua, bệnh tật sẽ tiêu trừ, cầu xin năm mới luôn được an vui. Song, đây cũng là xin sám hối với Đức Phật, với thầy, nguyện từ nay về sau sẽ không dám làm điều chi sai trái nữa, và chính đây cũng là dịp chư tăng, Phật tử bày tỏ thân, khẩu, ý báo hiếu với các bậc thầy tổ. Khi về nhà con cháu cũng làm lễ sám hối, tắm và thay quần áo mới cho ông bà, cha mẹ, cầu xin ông bà, cha mẹ sống thọ với con cháu, song họ cũng cầu xin ông bà, cha mẹ tha thứ những lỗi lầm bởi thân, khẩu và ý, nhờ những việc báo hiếu này cầu xin cho con cháu được mãi mãi an vui và hạnh phúc...

Tóm lại, Tết Chôl Chhnăm Thây của đồng bào Khmer Nam Bộ, ngoài việc mừng năm mới cổ truyền, vui chơi giải trí nó còn thể hiện đậm nét tính nhân văn, tinh thần đoàn kết thân thiết với cộng đồng, thể hiện ở chỗ mọi người đều tập trung tại chùa, song song đó, trong suốt mấy ngày Tết luôn gắn liền với Phật giáo bằng những việc cúng dường, tạo phước đức, sám hối tắm Phật, tắm cho ông bà, cha mẹ và cho thầy tổ... Có thể nói Tết Chôl Chhnăm Thây của Phật tử Khmer thể hiện đậm nét tính dân tộc và tính Phật giáo.■



Quang cảnh buổi họp mặt



Chư tôn Giáo phẩm và quý vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước



Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh, Tặng quà đến chư tôn Giáo phẩm PG Nam tông Khmer



TT. Danh Lung, UV. HĐTS, Phó ban Văn hóa TW.GHPGVN, UV. UBTTWMTTQVN, Chánh Văn phòng Học viện PG Nam tông Khmer.



Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh

với sự nghiệp phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Bằng những hoạt động và thành quả đạt được, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. HCM đã khẳng định tính mẫu mực trong hoạt động theo định hướng và phương châm của Hiến chương Giáo hội, phù hợp với Hiến pháp Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam... đã thể hiện tính năng động và hội nhập cùng với tầm nhìn lớn lao trong định hướng hoạt động, phát triển trong xu thế làm mới không ngừng của Quốc gia và Giáo hội.

Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển khoảng 2000 năm trên mảnh đất Việt Nam anh hùng tôn trọng đạo nghĩa, Phật giáo luôn hài hòa và đồng hành cùng dân tộc. Với những giá trị văn hóa truyền thống, phụng đạo yêu nước, giáo lý Phật đã không chỉ dừng lại với ý niệm từ bi hỷ xả, tự lợi, lợi tha trong lòng mọi người, mà nó còn đi vào thực tiễn trong cuộc sống, hòa nhập với những phong tục tập quán tại địa phương..., từ đó đạo Phật đã trở thành một tôn giáo thân thiện của dân tộc Việt Nam.

Phật giáo được du nhập vào đất nước Việt Nam từ rất sớm, ngay từ đầu công nguyên với truyền cổ tích Chữ Đồng Tử học đạo của một nhà sư Ấn Độ. Địa phận Luy Lâu (thuộc tỉnh Bắc Ninh) là trụ sở của quận Giao Chỉ sớm trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng. Đến đời nhà Lý, nhà Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh và được coi là quốc giáo, có sức ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống. Đến đời nhà Hậu Lê thì Nho giáo được coi là quốc giáo và Phật giáo đã đi vào giai đoạn suy thoái. Đến đầu thế kỷ XVIII, vua Quang Trung cố gắng chấn hưng đạo Phật, chỉnh đốn xây chùa, nhưng vì mất sớm nên việc này không có nhiều kết quả. Đến thế kỷ XX, mặc dù ảnh hưởng mạnh của quá trình Âu hóa, Phật giáo Việt Nam lại phát triển mạnh mẽ, khởi đầu từ các đô thị miền Nam với các đóng góp quan trọng của các nhà sư Khánh Hòa và Thiện Chiếu.

Thành hội Phật giáo TP. HCM

Cho đến thời điểm thống nhất Việt Nam năm 1975, tại miền Bắc và miền Nam có nhiều tổ chức Phật giáo hoạt động. Với mục đích thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo tại Việt Nam thành một tổ chức duy nhất, cuộc vận động thống nhất Phật giáo đã được tiến hành. Năm 1980, Ban vận động Thống nhất Phật giáo ra đời do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm trưởng ban.

Năm 1981, Đại hội các tổ chức Phật giáo được tổ chức tại chùa Quán Sứ - Hà Nội. Một tổ chức mới ra đời, lấy tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là hợp nhất của 9 tổ chức: Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Ban liên lạc Phật giáo Yêu nước, Giáo hội Thiên thai Giáo quán Tông, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ, Hội Phật học Nam Việt. Đại hội đã thông qua Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đồng thời suy tôn suy cử giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội, bao gồm Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là Giáo hội Phật giáo duy nhất được Chính phủ Việt Nam công nhận, được thành lập tại Đại hội Phật giáo Việt Nam tổ chức tại chùa Quán Sứ, Hà Nội vào ngày 7 tháng 11 năm 1981 nhằm thống nhất tất cả sinh hoạt Phật giáo của Tăng Ni, Phật tử Việt Nam. Phương châm của Giáo hội là: "Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội".

Hòa trong nhịp đập phát triển 30 năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh đã không ngừng nỗ lực vươn lên, từng bước củng cố và lớn mạnh về mọi mặt. Tiêu chí hoạt động của Ban Trị sự Thành hội là "Đoàn kết hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội", góp phần xây

dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, luôn đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước, nêu cao gương hạnh đạo đức và thuần phong mỹ tục, sống tốt đời đẹp đạo.

Trải qua gần 6 nhiệm kỳ, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh đã gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp: nếp sống Tăng đoàn ngày càng ổn định và phát triển, các cơ sở thờ tự trực thuộc Giáo hội ngày một trang nghiêm, số lượng tín đồ Phật tử ngày càng tăng trưởng; công tác tổ chức, Thành hội Phật giáo luôn kiện toàn thành phần nhân sự lãnh đạo Ban Trị sự đều là các bậc tu hành phẩm hạnh, có đầy đủ nhiệt tâm và trách nhiệm, hoàn thành tốt các nghị quyết của Trung ương Giáo hội đề ra và tham gia tích cực các hoạt động xã hội tại địa phương. Về mặt hoạt động của 9 ban ngành trực thuộc Thành hội Phật giáo đã có nhiều thành quả đáng kể, cụ thể là trong các lĩnh vực:

1. Thiết lập một hệ thống giáo dục cho Tăng Ni và lối sống đúng đắn cho các Phật tử

Số lượng Tăng Ni: Có 6.845 Tăng Ni (trong đó 6.205 Tăng Ni Bắc tông, 395 Tăng Ni Hệ phái Khất sĩ, 31 chư Tăng Nam tông Kinh, 19 chư Tăng Nam tông Khmer, 195 Tăng Ni Phật giáo người Hoa). Chư Tăng Phật giáo Bắc Tông, hệ phái Khất sĩ, Phật giáo người Hoa và hệ phái Nam tông đã có nhiều dịp trao đổi, học hỏi kinh nghiệm tu tập và công tác Giáo hội.

Số lượng tự viện: Có 1.121 cơ sở Tự viện (1.008 Tự viện Bắc tông, 41 Tịnh xá, 17 chùa Nam tông Kinh, 02 chùa Nam tông Khmer, 53 chùa Phật giáo người Hoa).

Về lĩnh vực Giáo dục Phật giáo, rèn luyện phẩm hạnh, giảng dạy cho Tăng Ni về Phật học cũng như thế học, nghiêm trì giới luật, giữ gìn sự thanh tịnh và hòa hợp, tạo được niềm tin cho tín đồ Phật tử. Mỗi năm, Ban Trị sự Thành hội đều lập kế hoạch tổ chức khoảng 40 trường Hạ an cư tập trung cho các hành giả an cư và 50 Hạ trường an cư kiết hạ tại chỗ tại 24 Ban đại diện Phật giáo quận huyện cho hàng ngàn Tăng Ni thúc liễm thân tâm, tấn tu tam vô lậu học. Mỗi nhiệm kỳ kiến lập 2 đại Giới đàn, và trong 30 năm Thành hội Phật giáo đã tổ chức trên 9 đại giới đàn, hơn 1 vạn giới tử cầu thọ giới pháp để tu học.

Bằng những nỗ lực không mệt mỏi của chư tôn đức Giáo thọ sư, trải qua 3 thập niên đã giảng dạy cho khoảng 10.000 Tăng Ni sinh đã tốt nghiệp và đang theo học tại các trường Cao - Trung Phật học, lớp Sơ cấp Phật học và Học viện Phật giáo. Cho đến nay, Ban giáo dục Tăng Ni đã và đang đào tạo được 8 khóa Trung cấp Phật học, 5 khóa Cao đẳng Phật học và 9 khóa Cử nhân Phật học, hàng trăm Tăng Ni du học sinh theo học các chương trình Cao học thạc sĩ, tiến sĩ tại các nước và khu vực như: Ấn Độ, Nhật Bản,



Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Myanmar, Srilanka... Giới thiệu Tăng Ni sinh theo học khóa Thiện Hoa, Trí Thủ, lớp Cao - Trung cấp giảng sư do Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức.

Giúp đỡ và khuyến khích giới Tăng Ni trẻ luôn tấn đạo nghiêm thân, xứng đáng là trưởng tử của Như Lai, duy trì mạng mạch giáo pháp của Đức Thế Tôn, kế thừa sự nghiệp hoằng hóa của Tổ Thầy.

Nhận thức được trách nhiệm thiêng liêng cao quý là "Hoằng pháp lợi sanh", Ban Hoằng pháp Thành hội rất quan tâm và nỗ lực đem đạo vào đời, ngõ hầu tuyên dương chánh pháp, lời Phật dạy được phổ biến muôn nơi. Chư tôn đức thành viên giảng sư đoàn đã thuyết giảng trên 100 giảng đường Phật học, và khoảng 150 các đạo tràng tu tập bất phân trai giới, đạo tràng niệm Phật, lớp Phật học hàm thụ có khoảng 5.000 lượt Phật tử tham dự khóa học. Các buổi giảng đều truyền tải thông điệp từ bi trí tuệ của đức Phật, được các vị Pháp sư, giảng sư khai thác và giảng dạy dưới góc nhìn tâm lý đạo đức Phật giáo khiến thính giả dễ tiếp thu và ứng dụng lời Phật dạy "Sống đạo trong đời".

Hoằng dương Phật pháp cũng như hướng dẫn Phật tử tu hành đúng chánh pháp là trách nhiệm của chư Tăng Ni. Thành hội Phật giáo luôn quan tâm đến lĩnh vực này vì Phật tử luôn là nhân tố tích cực trong nhiều công tác Giáo hội. Thường trực Ban Trị sự đã chỉ đạo Ban hướng dẫn Phật tử Thành phố tạo nhiều mô hình sinh hoạt tu học, đề cao nếp sống hiền thiện và đạo đức. Từ đó, có nhiều tín đồ Phật tử đến chùa để lễ Phật, hành thiện hay tham dự các khóa học giáo lý, khóa tu một ngày an lạc, khóa tu mùa hè dành cho giới trẻ, các đơn vị sinh hoạt Gia đình Phật tử, các Câu lạc bộ thanh thiếu niên Phật tử tu học. Điều này đã tạo sự tĩnh lặng, sáng suốt và làm phong phú thêm đời sống tâm linh của mọi người. Hướng dẫn Phật tử làm lành lánh dữ, hành thiện tránh ác, góp phần vào việc ổn định cho xã hội, tạo môi trường sống lành mạnh trong cuộc sống, từng bước khắc phục và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

2/ Truyền bá chánh pháp và thể hiện rõ tính tích cực của Phật giáo

Những ấn phẩm Phật giáo như báo Giác Ngộ, Tạp chí Văn hóa, Đạo Phật Ngày Nay được phát hành rộng rãi khắp các tỉnh thành trong cả nước là những tài liệu quý cho độc giả tìm hiểu về giáo lý đạo Phật. Đặc biệt, báo Giác Ngộ là cơ quan ngôn luận của Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, trung bình mỗi kỳ phát hành 12.000 số, mỗi năm phát hành 576.000 số. Bên cạnh đó, tòa soạn báo đã phối hợp với Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam tổ chức trao các kỷ lục về các công trình văn hóa, mỹ thuật và nghiên cứu các thể tài Phật giáo.

Bên cạnh đó, Ban Văn hóa Thành hội Phật giáo phối hợp với Sở Văn hóa - Thông tin thành phố tiến hành khởi công xây dựng và hoàn tất tượng đài Bồ tát Quảng Đức tại ngã tư Cách mạng tháng 8 - Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3 để tưởng nhớ công đức vị pháp thiêu thân để bảo vệ Đạo pháp, giành độc lập cho Tổ quốc của Hòa thượng Thích Quảng Đức - Thánh tử đạo trong mùa pháp nạn 1963. Nhà truyền thống văn hóa Phật giáo thành phố được đặt tại Chùa Phổ Quang để phục vụ cho các lễ hội, tập trung hàng ngàn Tăng Ni và Phật tử về tham dự.

Tổ chức trang nghiêm và trọng thể đại lễ Kính mừng Phật Đản và đại lễ Vu Lan báo hiếu gắn với các hoạt động: Diễu hành xe hoa, thuyết giảng Phật pháp cho đồng bào Phật tử tại lễ đài, triển lãm thư pháp, trình diễn văn nghệ, từ thiện xã hội, ủy lạo đến đồng bào nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

3/ Nhằm tăng cường truyền thống yêu nước của Phật giáo Việt Nam, mối liên hệ, gắn bó của Phật giáo với nhân dân Việt Nam và sự đóng góp tích cực của Phật giáo vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Là một thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Thành hội Phật giáo luôn phối hợp với Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố trong mọi hoạt động xã hội. Động viên giới Tăng Ni và Phật tử hoàn thành tốt các phong trào ích nước lợi dân, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn dân cư. Nhiều tấm gương điển hình người tốt việc tốt của chư tôn đức Tăng Ni được Nhà nước tặng thưởng Huân chương cao quý, các cấp chính quyền và ban ngành đoàn thể biểu dương khen tặng.

Về lĩnh vực từ thiện xã hội, với tinh thần "Phục vụ chúng sanh là thiết thực cúng dường chư Phật", lấy từ bi cứu khổ làm phương châm hoạt động tự độ, độ tha, tinh thần tương thân tương ái. Trong những năm vừa qua, Thành hội Phật giáo đã hướng ứng các phong trào xây dựng hàng ngàn ngôi nhà tình thương, những hoạt động ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa với số tiền lên đến hàng trăm tỷ đồng. Các chương trình mổ mắt từ thiện, tặng xe lăn xe lắc, xây dựng cầu bê tông nông thôn, ủng hộ kinh phí đào giếng... cũng được triển khai thực hiện thường xuyên. Các Tuệ Tĩnh đường, phòng thuốc y học dân tộc miễn phí, các lớp học tình thương, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ

giáo, nhà nuôi trẻ mồ côi, khuyết tật, cứu trợ đồng bào thiên tai lũ lụt, góp phần làm vơi đi những khó khăn về mặt vật chất cũng như tinh thần của người dân.

Trải nghiệm 30 năm, thuật ngữ "Kinh tế học Phật giáo" được bàn luận, nghiên cứu khá nhiều trên các diễn đàn hội thảo. Với mục đích tạo sự ổn định bền vững cho kinh tế nhà chùa nhằm cải thiện điều kiện sinh hoạt của Tăng Ni và đóng góp tạo phồn vinh cho đất nước... Ban Kinh tế Tài chánh Thành hội Phật giáo đã phối hợp tổ chức hệ thống nhà hàng Việt Chay, các phòng phát hành kinh sách Phật giáo phục vụ cho Tăng Ni, Phật tử và các sản phẩm du lịch hành hương tâm linh chiêm bái các thắng tích Phật giáo trong nước cũng như quốc tế.

Đứng trước bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa giao lưu mọi mặt trong đời sống, Phật giáo cũng có những bước chuyển mình đầy tích cực và ngoạn mục theo xu hướng phát triển của thời đại. Với mục đích tăng cường mối liên hệ hữu nghị với Phật tử và các tổ chức Phật giáo trên thế giới, tham gia xây dựng hòa bình và hạnh phúc cho nhân loại, Ban Phật giáo Quốc tế đã thực hiện chương trình đối ngoại và thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị, trong thời gian qua Thành hội Phật giáo phối hợp với Văn phòng 2 TWGH tiếp các phái đoàn Phật giáo các nước: Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản Thái Lan, Lào, Sri Lanka; thăm hữu nghị và chiêm bái thánh tích tại Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan; tham dự Hội nghị Phật giáo thế giới tại Trung Quốc, Ấn Độ và tham dự Hội nghị hợp tác hữu nghị 2 nước Việt Nam - Campuchia tại TP. Hồ Chí Minh... Các công tác quốc tế Phật giáo đã từng bước kiện toàn khả năng hoạt động và giới thiệu hình ảnh Phật giáo Việt Nam ra ngoài thế giới, thắt chặt tình thân đoàn kết ngoại giao, hợp tác hữu nghị.

Các bậc Cổ đức có dạy "Ôn cố tri tân", nghĩa là ôn lại việc đã qua để rút kinh nghiệm cho những việc của ngày hôm nay. Cũng vậy, trong đại lễ kỷ niệm này, chúng ta ngồi lại với nhau để thảo luận và tán dương những thành quả mà 30 năm qua Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã từng bước chuyển mình phát triển theo chiều hướng tích cực, phụng đạo yêu nước, đồng hành cùng dân tộc.

Bằng những hoạt động và thành quả đạt được, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh đã khẳng định tính mẫu mực trong hoạt động theo định hướng và phương châm của Hiến chương Giáo hội, phù hợp với Hiến pháp Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam... đã thể hiện tính năng động và hội nhập cùng với tầm nhìn lớn lao trong định hướng hoạt động, phát triển trong xu thế làm mới không ngừng của quốc gia và Giáo hội. Và để có những thành quả lớn lao này, trong đó có một phần nhỏ sự đóng góp của Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh với việc hoằng pháp độ sinh, trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội, giúp cho Phật giáo Việt Nam ngày một kiện toàn, ngõ hầu xây dựng đất nước Việt Nam ngày một giàu đẹp, văn minh và phồn thịnh. ■



Hòa thượng Thích Phổ Tuệ Lão nông Tăng trong ngôi cổ tự

VOV

Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Đệ tam Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, người đã gần 100 tuổi đời, vẫn ngày đêm mang giáo lý nhà Phật, đức hạnh cao dày của bậc chân tu giáo hóa chúng sinh.

Từ Hà Nội xuôi Quốc lộ 1A về phía nam chừng 35 cây số là đến thị trấn Phú Xuyên, đất Hà Tây cũ, nay thuộc Hà Nội. Rẽ trái theo con đường nhựa 10 cây số, qua Ủy ban xã Quang Lãng một đoạn, hướng về phía sông Hồng, giữa cánh đồng vừa qua vụ gặt còn thơm mùi rơm, hiển hiện một ngôi cổ tự với mái ngói cong cong xếp chồng lên nhau, trông xa xa như một đóa sen khổng lồ giữa xanh ngắt một vùng bờ bãi. Ấy là Chùa Giáng.

Không như những gì tôi tưởng tượng về nơi trụ trì của một bậc cao tăng đang ở ngôi cao nhất của Giáo hội, chùa Giáng, tên dân dã của Viên Minh cổ tự tọa lạc trong một không gian vắng vẻ đến lạ thường. Ngoài 4 cây nhãn cổ thụ trên trăm tuổi xù xì, gân guốc, oằn mình qua sương gió, tất cả đều là cây trái vườn nhà do chính thầy trò vị sư trụ trì vun trồng. Mấy cây bưởi mọng quả, mấy cây ngọc lan bắt đầu ra hoa tỏa hương thơm ngát, này là vườn ngô vừa mảy hạt, ruộng khoai đang phủ xanh vồng, những luống cải bẹ, rau muống, su hào đang bén lá xanh non... gợi cho tôi hình ảnh đầu tiên về cuộc sống thanh bạch của bậc chân tu. Trừ Bảo Điện, Tổ đường, Bảo tháp là uy nghi nhờ vừa được trùng tu, nhà khách, khu Tăng chúng, bếp ăn, trai đường, lối đi... chỉ là những mái nhà đơn sơ như cảnh chợ quê Bắc bộ mấy mươi năm trước.

Vị sư già mảnh khảnh ra chào khách. Tôi cúi đầu đánh lễ và theo cụ vào trai phòng. Nếu không xem sách báo, thật khó nhận ra đây là đức Pháp chủ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong chiếc áo nâu sồng giản dị, trông vị sư già như một lão nông thứ thiệt. Khô gầy, khắc khổ. Chỉ có đôi mắt lộ rõ vẻ tinh anh và nụ cười hiền hậu, thanh thoát, bước đi nhàn nhã khoan thai, một phong thái mà không dễ ai, ngót trăm tuổi còn giữ được.

Sinh ra trong một gia đình thuần thành theo đạo Phật tại làng Phùng Thiện, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. 5 tuổi, cậu bé Bùi Đình Quý đã bén duyên cửa Phật. Trên đường tu học, dấu chân của vị sư trẻ trải khắp các Tổ đình vùng châu thổ sông Hồng. Năm 1936, Tỳ kheo Thích Phổ Tuệ chính thức là Pháp tử của Tổ đình Viên Minh, trở thành người truyền thừa chính thống của sơn môn Đa Bảo một trong 3 sơn môn lớn nhất miền Bắc lúc ấy (nhất Đọi, nhì Đa, thứ ba Khê Hối) và là người kế thừa duy nhất di sản của Viên Minh Pháp hội Đạo tràng, một Học viện Phật giáo nổi tiếng, tồn tại suốt 12 năm, do Đại Pháp sư Nguyên Uẩn sáng lập và chủ trì. Từ đó đến nay, đã 65 năm, Hòa thượng Thích Phổ Tuệ an trụ ở chùa Giáng nên còn được Phật tử mọi miền gọi là Tổ Giáng.

Cả đời gắn bó với vùng ruộng đồng quê kiểng, lúc tự trào, Hòa thượng nhận mình là một Lão nông

tăng, tức là nhà sư nông dân. Bởi nói như Pháp chủ: Tôi trụ thế đã 95 năm, nghiệp là tu hành, nhưng nuôi thân chủ yếu bằng nghề làm ruộng". Thật vậy, ngoài giờ hành lễ hay đi hoằng pháp, Cụ cùng môn đệ xắn tay cày cấy nuôi thân, đến 80 tuổi mới thôi. Trong mắt người dân vùng này thì Hòa thượng Thích Phổ Tuệ không chỉ là một vị cao tăng uyên thâm Phật Pháp, đức hạnh vẹn toàn mà còn là một nông dân thực thụ với đức tính hay lam hay làm, cần cù và giản dị. Ngắm lại thấy hạnh phúc trên đời của người thường, trong một chừng mực nào đó, cũng giống như sự đạt đạo của bậc chân tu. Đó là không phụ thuộc quá nhiều, nếu không muốn nói cực đoan là hoàn toàn độc lập với hoàn cảnh, với phương tiện sống. Có lẽ vì thế, nên các bậc vĩ nhân xưa nay đều sống trong một điều kiện vật chất rất tối thiểu và rất mực thành thực, nhiều khi như mè hoặc, mộ sùng.

Ngắm lại, nếu đầu những năm 50 của thế kỷ trước, giữa những ngày quê hương bị giặc Pháp chiếm đóng, làng mạc điêu tàn, chùa chiền sụp đổ, nếu Tỳ kheo Thích Phổ Tuệ cùng các tăng sinh đồng hương như Thanh Kiểm, Tâm Giác xuất dương du học, thì có lẽ bây giờ, trên cương vị Pháp Chủ, Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ cũng có học vị nọ kia trong lĩnh vực khoa học tôn giáo. Thế nhưng ông vẫn một lòng son sắt với cửa Phật, với thiện tín quê nhà, nguyện làm sáng rõ sự nghiệp của Đệ nhị Tổ Thích Quảng Tổn, duy trì mạng mạch, giữ gìn nền nếp Thiền gia, truyền thừa sơn môn Đa Bảo - Viên Minh Pháp hội. Thế nên, tuy không qua một trường lớp chính quy nào, nhưng nhờ kiên trì tự học, Hòa thượng Thích Phổ Tuệ đã trở thành vị lão tăng có vốn kiến thức uyên thâm về Phật học và Hán học. Nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật về Phật học như Đại Luật, Đại tạng kinh Việt Nam, Đại từ điển Phật học, Đề cương kinh Pháp Hoa, kinh Bách Dụ, Phật Tổ Tam kinh, Phật học là tuệ học có sự đóng góp không nhỏ của Hòa thượng.

Tuy đạo cao đức cả, lâu thông kinh kệ, nhưng vị Sư già Thích Phổ Tuệ vẫn khiêm tốn, giản dị và luôn ẩn mình. Ngày được Đại hội suy tôn lên ngôi Đệ tam Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng nói rằng: "Ngôi vị Pháp chủ theo nghĩa cứu cánh tuyệt đối thì chỉ có một vị có đầy đủ phúc đức, trí tuệ để gìn giữ, đó là đức Thích Ca Mâu Ni. Còn tôi, vì tập thể chư Tăng ủy thác nên phải cố gắng gìn giữ. Điều này, đối với phép tương đối của thế gian có thể coi là sở đắc, còn với phép tuyệt đối xuất thế thì vô sở đắc mới là bản nguyện. Tôi không dám lấy việc làm giữ ngôi vị cao quý này làm vinh hạnh".

Cuộc đời là một chuyến đi dài, học là cách để đạt đến sự thông tuệ. Nhắc đến sự học, vị tăng già

quan niệm: "Sự học đâu cần chùa to cảnh lớn; giảng đường đẹp, phòng ốc sang trọng cũng chỉ là phương tiện. Linh hồn của nó là Thầy và Trò trong quan hệ tu tập, hành trì". Thầy thì kiến thức phải sâu, thuyết giảng bằng sự chiêm nghiệm của mình, dạy học trò phải nhiệt thành, gương mẫu để có thể "Dĩ thân vi giáo"; coi việc giúp đỡ học trò là nuôi dưỡng hậu thân của mình; cần tâm niệm "Học không biết chán, dạy không biết mỏi". Người học cần phải nhiệt tình tu học, rèn luyện lý tưởng của người xuất gia". Nói đến đây, giọng Hòa thượng như chùng xuống, Cụ bảo: "Lo nhất vẫn là những người không chịu tu tập hoặc giả vờ tu tập, để rồi cái tâm quyền luyến việc thế gian, ganh đua với thế gian về tri thức, bằng cấp, hưởng thụ". Từng là Hiệu trưởng Trường Phật học, đảm nhận việc đào tạo tăng chúng, nay lại ở ngôi đứng đầu Giáo luật, nỗi lo của Hòa thượng đâu phải không có nguyên do.

Về những việc chưa vui của Giáo hội, giọng Cụ trầm buồn: "Cũng tại cái ngã còn lớn đó thôi". Rồi như thấy mình lỡ lời, Cụ bảo: "Tôi sai rồi, không nên nói về người khác như thế". Là Pháp chủ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, gần 100 tuổi đời, 90 năm nương tựa Bồ Đề, Hòa thượng hoàn toàn có đủ tư cách để nói về một sự đổ vỡ nào đó. Thế mà không, Cụ lại nhận mình sai khi nói về người khác. Thật là một bài học thấm thía về đức tính khiêm nhường của bậc phượng trượng nơi Viên Minh cổ tự.

Cùng Cụ dạo bước ra vườn, chiếc bóng liêu xiêu trên nền gạch đỏ, trông tấm áo nâu sồng giản dị Cụ khoác trên mình, không biết 2.500 năm trước, Phật Thích Ca ăn mặc thế nào, và không biết trên thế giới này có vị Pháp chủ nào lại giản dị mà uyên bác đến thế không.

Tiến tới ra cổng Tam quan trong buổi chiều nhạt nắng, sương thu quện với khói đồng mùa gặt giăng kín cả một vùng bờ bãi ven sông Hồng. Lên xe mà vẫn còn nghe văng vẳng bên tai lời tâm sự như trút cạn cõi lòng của Đức Pháp chủ: "Sống được bao nhiêu năm, không phải là thước đo giá trị của đời người. Vấn đề là sống để thực hiện sứ mệnh gì, mang lại lợi ích gì cho Đời, cho Đạo. Ngài Trần Nhân Tông chỉ ở đời có 51 năm, Ngài Pháp Loa có 47 năm mà công nghiệp thì bất khả tư nghị. Tôi trụ thế đến gần trăm năm, ở chùa 90 năm, thụ đại giới 75 năm, nghiệp là tu hành, nuôi thân chủ yếu bằng nghề làm ruộng, chưa từng dám lạm dụng một bát gạo, một đồng tiền của tín thí thập phương, khi nào chư Phật, chư Tổ cho gọi thì về thôi".

Mặt trời đã khuất hẳn sau rừng tre già, ngôi cổ tự cũng ảo mờ trong sương khói. Tiếng chuông chiều ngân nga trên Bào điện cứ xa dần, xa dần... ■

Một số vấn đề về Phật giáo Nam Tông Khmer Trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Nguyễn Đức Dũng
Ngô Quang Thắm
Lê Thị Huyền
(tiếp theo & hết)

II.4. Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ sửa chữa, làm mới cơ sở thờ tự, đồ dùng việc đạo của Phật giáo Nam tông Khmer

Thực hiện chính sách tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc dân tộc Khmer, những năm qua tỉnh Kiên Giang đã hỗ trợ việc xây dựng, trùng tu sửa chữa chùa, với kinh phí hàng tỷ đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước, từ đó, nhiều chùa đã được xây dựng khang trang hơn, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của chức sắc, nhà tu hành và đồng bào Phật tử. Tuy nhiên, vẫn còn một số chùa sử dụng kinh phí sửa chữa chưa thật hiệu quả, một số chùa trong xây dựng, sửa chữa chưa thực hiện đúng quy định về thủ tục xây dựng cơ bản.

Để tiếp tục thực hiện tốt chính sách tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc Khmer, trong thời gian tới cần khảo sát thực tế ở các cơ sở chùa chiền để có chính sách hỗ trợ phù hợp, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ cho các chùa di tích, chùa có công trong kháng chiến, mà tín đồ xung quanh khu vực chùa còn nghèo, không có điều kiện để sửa chữa cơ sở thờ tự.
- Hướng dẫn thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính về xây dựng cơ bản, đảm bảo chất lượng công trình phục vụ sinh hoạt tôn giáo.

II.5. Chính sách đối với kinh sách của Phật giáo Nam tông Khmer miền Tây Nam bộ

Phật giáo Nam tông Khmer miền Tây Nam bộ nói chung, tỉnh Kiên Giang nói riêng, đã có nhiều hoạt động trong việc giáo dục giáo lý cho chức sắc, nhà tu hành và đồng bào Phật tử, nhưng cùng với thời gian số kinh sách cũ đã bị thất lạc, rách nát, không còn đủ để đáp ứng nhu cầu tu học của chức sắc, nhà tu hành. Những năm qua, tỉnh đã quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ cho Ban Trị sự Tỉnh hội nhập về 27 bộ Tam Tạng kinh từ Campuchia, nhận của Ban Tôn giáo Chính phủ hỗ trợ 25.510 quyển kinh sách.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc tu, học,

đối với những chùa hiện chưa đảm bảo kinh sách thì tiếp tục xem xét, tạo điều kiện cho in ấn thêm kinh sách, đặc biệt là Tam Tạng kinh, để đáp ứng nhu cầu tu học của tu sĩ và đồng bào Phật tử Nam tông Khmer.

II.6. Việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của Phật giáo Nam tông vùng đồng bào dân tộc Khmer miền Tây Nam bộ.

Để tiếp tục giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của đồng bào dân tộc Khmer, cần nghiên cứu hỗ trợ cho đồng bào Khmer, một số vấn đề sau:

- Tạo điều kiện cho các chùa tổ chức các lớp dạy chữ Khmer, để duy trì chữ viết của đồng bào dân tộc.
- Hỗ trợ cho các chùa xây dựng các lò hỏa táng, phục vụ nhu cầu tang tế của đồng bào.
- Nâng cao chất lượng dạy và học các trường Dân tộc nội trú ở vùng đồng đồng bào dân tộc.
- Tạo điều kiện để các chùa có được ghe Ngo và dàn nhạc ngũ âm, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của đồng bào.

II.7. Nghiên cứu bổ sung chính sách bảo đảm bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ, đối với dân tộc Khmer vùng Tây Nam bộ.

Đồng bào dân tộc Khmer vùng miền Tây Nam bộ là một bộ phận không thể tách rời trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Những năm qua, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh đã triển khai nhiều dự án, hỗ trợ phát triển đời sống của đồng bào dân tộc Khmer, để theo kịp với sự phát triển chung của tỉnh và các vùng miền trong cả nước. Tuy nhiên, sự vươn lên trong một số vùng đồng bào dân tộc Khmer không đồng đều, tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với cộng đồng.

Để đảm bảo sự công bằng xã hội, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thời gian tới cần nghiên cứu thực hiện thêm một số chính sách như sau:

- Tiếp tục thực hiện chính sách về nhà ở, cung cấp nước sạch cho đồng bào.
- Triển khai thực hiện thêm một số công trình phúc lợi xã hội như cầu, đường, trường, trạm, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.
- Khai thác, triển khai và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc phát triển đời sống kinh tế của đồng bào.
- Huy động 90% trở lên trẻ em dân tộc Khmer đi học.
- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, trong vùng đồng bào dân tộc Khmer được biết, được bàn, được kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc.

II. 8. Nghiên cứu khai thác và xây dựng hệ thống tài liệu tuyên truyền, giáo dục trong vùng đồng bào Khmer miền Tây Nam bộ

Để tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức, cần nghiên cứu, xây dựng một hệ thống tài liệu tuyên truyền, giáo dục trong đồng bào, như:

- Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lịch sử vùng đất Tây Nam bộ. Đây là tài liệu quan trọng trong việc tuyên truyền giáo dục con em đồng bào dân tộc, cần có tài liệu phiên dịch bằng tiếng dân tộc, để tuyên truyền vào các điểm chùa, nơi đồng bào có điều kiện học tập.
- Các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cần được phiên dịch sang tiếng Khmer, để tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân.
- Có tài liệu thống nhất bằng tiếng Khmer trong việc đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển đời sống của đồng bào.
- Cần nâng thời lượng phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình với những nội dung phong phú, đa dạng hơn, góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức của đồng bào dân tộc Khmer.
- Cần có hệ thống sách giáo khoa chính thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong dạy và học chữ Khmer.

II. 9. Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần nghiên cứu xây dựng chính sách về hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer

Phật giáo Nam tông Khmer là một trong những tổ chức hệ phái, thành viên sáng lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay chưa có tổ chức trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặc trách hệ phái Nam tông Khmer, do đó, vai trò của hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam mờ nhạt, chưa tương xứng với vị trí của nó. Trong khi lịch sử Phật giáo Nam tông Khmer đã từng có cả hai hệ thống tổ chức Giáo hội từ Trung ương đến tận Cơ sở (hệ thống Phật giáo Theravāda và Khemaranikay).

Do đặc điểm biệt truyền của Phật giáo Nam tông Khmer, đề nghị Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập tổ chức đặc trách Phật giáo Nam tông Khmer trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, từ cấp Trung ương, đến cấp tỉnh, cấp huyện để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt và hoạt động của Phật giáo Nam tông.

II. 10. Nghiên cứu xây dựng chính sách về dân tộc Khmer và Phật giáo Nam tông Khmer miền Tây Nam bộ Việt Nam trong mối quan hệ với Phật giáo Nam tông Campuchia

Để tạo điều kiện cho mối quan hệ của đồng bào người Khmer và Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam bộ - Việt Nam có mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị cùng có lợi với người Khmer và Phật giáo Nam tông Khmer ở Campuchia, cần nghiên cứu thực hiện một số chính sách sau:

- Hướng dẫn chức sắc, nhà tu hành Phật giáo Nam tông Khmer miền Tây Nam bộ, thực hiện quan hệ đối ngoại với Phật giáo Nam tông ở Campuchia phải đúng quy định của pháp luật và chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta theo truyền thống sơn môn của Phật giáo Nam tông.
- Không xem Phật giáo Campuchia và Phật giáo Nam tông Khmer miền Tây Nam bộ có cùng một tổ chức Giáo hội, mà mỗi nước có hệ thống tổ chức Giáo hội riêng, quan hệ với nhau trên tinh thần hữu nghị theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên và thông lệ quốc tế. ■

Tài liệu tham khảo

1. Lê Hương. *Sử liệu Phù Nam*. 1974. Sài Gòn. Nguyên Nhiều.
2. Ngô Văn Lê. *Các tôn giáo bản địa và ảnh hưởng của nó đến đời sống văn hóa của người Việt Nam bộ*. Tháng 10/2008. Tham luận tại Hội nghị Thông báo kết quả nghiên cứu KHXH Nam bộ. TP. HCM.

Phỏng vấn Hòa thượng Thiện Tâm về Hội nghị Đối thoại Liên Tín ngưỡng khu vực lần 6 tại Indonesia

(The Sixth Regional Interfaith Dialogue in Indonesia)

từ ngày 11 đến ngày 15/3/2012

Khắc Chiêu - Tấn Phát

Nhằm mục đích giúp độc giả có thêm những thông tin liên quan đến Hội nghị "Đối thoại liên Tín ngưỡng lần 6" tổ chức tại Indonesia từ ngày 11 đến ngày 15-3-2012, phóng viên Tạp chí PGNT đã có buổi phỏng vấn trực tiếp Hòa thượng (HT) Thiện Tâm – Ủy viên TT HĐTS-GHPGVN, được cử đại diện GHPGVN tham gia đoàn Đại biểu Tôn giáo Việt Nam tham dự Hội nghị:

1. PV: Thưa Hòa thượng (HT), xin HT cho biết ý tưởng nào dẫn đến việc tổ chức cuộc đối thoại Liên Tín ngưỡng lần 6 này? Và mong HT cung cấp một số thông tin về Đoàn Việt Nam tham gia đối thoại?

HT. Thiện Tâm: Tình hình mâu thuẫn giữa các dân tộc, các tôn giáo trong cùng một nước như tại Indonesia hay ở miền Nam Thái Lan, và một số nước trong khu vực châu Á Thái Bình Dương xảy ra thường xuyên gần đây cho thấy cần thiết phải có những cuộc đối thoại hòa bình nhằm thúc đẩy tăng cường hợp tác cộng đồng và an ninh khu vực. Do vậy, theo thông lệ 6 năm nay, mỗi năm các quốc gia trong khu vực châu Á Thái Bình Dương đều cùng tổ chức hội nghị đối thoại liên tín ngưỡng khu vực (gọi tắt là RID) với sự tham dự của các đoàn Đại biểu Chính phủ và Tôn giáo của các quốc gia trong vùng. Đối thoại có mục đích tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các tôn giáo và các nền văn hóa dị biệt, cùng tiến tới sự hợp tác cộng đồng, thúc đẩy hòa bình và an ninh khu vực, hay nói khác đi là phát huy tinh thần "Liên tín ngưỡng và văn hóa trong hành động". Tham gia đối thoại lần thứ 6 này có tất cả 15 quốc gia, riêng đoàn Việt Nam gồm 5 đại biểu thuộc "Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Ngoại giao và đại diện các tôn giáo lớn tại Việt Nam". Tôi được đề cử thay mặt cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham dự đối thoại lần này.

2. PV: Thưa HT! Với tư cách là thành viên trong đoàn Việt Nam tham dự đối thoại, xin Ngài cho biết đôi nét tóm lược nội dung của cuộc đối thoại lần 6 này?

HT: Hội nghị đối thoại Liên Tín ngưỡng lần 6 được tiến hành từ ngày 11 đến 15-03-2012 tại



HT. Thiện Tâm và PV Tạp chí

thành phố Semarang, Indonesia có sự tham dự của đại diện Chính phủ các Quốc gia thuộc khu vực châu Á Thái Bình Dương và đại diện các Tôn giáo chính của các nước đó, bao gồm: Australia, Brunei, Darussalam, Campuchia, Fiji, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, New Zealand, Papua New Guinea, Philippines, Singapore, Thái Lan, Đông Timor và Việt Nam với khoảng 200 đại biểu tham dự. Ngoài hai phiên hội nghị toàn thể với 2 chủ đề là: "Xây dựng hợp tác cộng đồng, Phát huy vai trò của xã hội dân sự trong xây dựng hoà bình và ngăn chặn xung đột, Liên tín ngưỡng trong hành động" và "Vai trò của Giáo dục trong việc thúc đẩy hòa bình và an ninh", hội nghị còn được chia thành 3 nhóm, theo đó mỗi nhóm thảo luận một chuyên đề khác nhau. Nội dung của các chuyên đề bao gồm: "Những biện pháp thiết thực giúp các lãnh đạo Tôn giáo và tổ chức xã hội dân sự đẩy mạnh giải quyết xung đột và xây dựng hoà bình: Ý tưởng cùng Thực tiễn"; "Giáo dục và xây dựng năng lực đội ngũ lãnh đạo liên tín ngưỡng kể tục trong các lĩnh vực hoà giải, giải quyết xung đột và xây dựng hoà bình: Tăng cường hợp tác" và "Trau dồi kiến thức về liên tín ngưỡng, liên văn hoá trong các trường học, các viện đại học và cộng đồng dân cư: Những biện pháp thực tiễn". Đoàn Việt Nam đã phân công các thành viên tham dự những chuyên đề này và đóng góp nhiều ý kiến thiết thực cho các nhóm. Cuộc đối thoại liên tín

ngưỡng, qua hai phiên họp chung, diễn ra rất hòa bình, không căng thẳng, đạt được sự hiểu biết lẫn nhau xoay quanh chủ đề “Làm thế nào tăng cường hòa bình và an ninh khu vực”.

3. PV: Xin HT cho biết quan điểm chung của các nước trong cuộc đối thoại Liên Tín ngưỡng mà HT ghi nhận được?

HT: Cuộc đối thoại nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục Tôn giáo theo những tiêu chí sau: Giáo dục tôn giáo, tinh thần chấp nhận sự đa dạng tôn giáo trong một nước, không gây xung đột. Cũng trong hội nghị, các đại biểu đã nhất trí thông qua chương trình hành động liên tín ngưỡng khu vực, đồng thời tạo một trang web chung để mọi người dân có cơ hội chia sẻ lẫn nhau về nhiều lĩnh vực như quyền bình đẳng của phụ nữ, thanh niên, an sinh xã hội và truyền thông, báo chí khu vực v.v...

Sau cuộc đối thoại, các đoàn đại biểu được mời tham quan một số địa điểm tôn giáo chính tại Semarang như: “Sam Poo Koong”. Viện Khổng tử, Thánh đường Hồi giáo tại Java; Bảo tàng lịch sử Hồi giáo, Nhà thờ Tin lành, Nhà thờ lớn và chùa Phật giáo. Đài truyền hình Indonesia đã có cuộc phỏng vấn trực tiếp những thành viên đại diện các đoàn, trong đó tôi cũng có dịp trả lời phỏng vấn, chia sẻ những cảm nghĩ về việc tổ chức hội nghị đối thoại liên tín ngưỡng do một số nước phối hợp với Indonesia thực hiện lần thứ 6 này, Việt Nam hoan nghênh và mong muốn sẽ có nhiều tiến bộ hơn trong việc cam kết thực thi chương trình hành động của hội nghị, nhằm tăng cường hơn nữa sự ổn định, an ninh, hòa bình và phát triển trong khu vực.

4. PV: Thưa Hòa thượng, HT có suy nghĩ gì về chương trình hợp tác liên tín ngưỡng và giáo dục Tôn giáo tại Việt Nam?

HT: Ở Việt Nam, Chính phủ đã có những chủ trương và chính sách rất rõ ràng về tôn giáo và dân tộc. Ấy vậy mà, một số người ở trong và ngoài nước vẫn cố tình xuyên tạc thực tế, gây ảnh hưởng bất lợi cho công cuộc xây dựng đất nước. Có thể nói, Việt Nam là một trong những quốc gia trong khu vực có thể mạnh về tinh thần đoàn kết dân tộc và tôn giáo. Điều này được thể hiện nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước từ trước đến nay về việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân được hiến pháp và pháp luật quy định cụ thể, rõ ràng, nên đời sống của người dân ngày càng được ổn định, an tâm thực hiện nhiệm vụ tôn giáo và tín ngưỡng chính đáng của mình. Tín đồ và chức sắc các tôn giáo thường xuyên gặp gỡ, giao lưu với nhau rất tốt đẹp trong ý thức đoàn kết dân tộc, là thành viên trong ngôi nhà chung của Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam, hầu như tất cả mọi hoạt động tôn giáo đều dựa trên nguyên tắc tốt đời đẹp đạo, nên đã góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Riêng đối với Phật giáo – một tôn giáo lớn của dân tộc, với lịch sử trên 2000 năm có mặt, đã hình thành nên truyền thống phụng đạo yêu nước của Phật giáo Việt Nam đỉnh cao là sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (năm 1981 tại thủ đô Hà Nội) hiện nay đang nỗ lực thực hiện phương châm hoạt động của Giáo hội: “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội”. Với truyền thống và đạo lý của dân tộc hòa quyện với đời sống tín ngưỡng của nhân dân, không hề có sự kỳ thị, phân biệt và xung đột căng thẳng xảy ra giữa các tôn giáo, tín ngưỡng và sắc tộc dị biệt, nếu có chẳng thì chỉ vì quyền lợi cục bộ nhỏ nhen không đáng kể. Nói chung, tất cả đều phấn đấu vì mục tiêu phát triển đạo pháp trong xu thế phát triển của đất nước, dân tộc và thời đại, luôn đề cao cảnh giác và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tôn trọng và tăng cường sức mạnh đoàn kết tôn giáo trong sức mạnh đoàn kết dân tộc, giữ vững độc lập chủ quyền của đất nước, đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế vì hòa bình, thịnh vượng và phát triển chung, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng dân chủ, văn minh, mà nhân dân Việt Nam đang hướng đến. Tôi mạo muội nghĩ rằng, đó cũng là ý tưởng chung của mọi thành phần dân tộc và tín đồ các tôn giáo tại Việt Nam hiện nay. Do đó, theo tôi, có thể nói, Việt Nam hiện nay là tấm gương sáng về sự đoàn kết tôn giáo và dân tộc, một sự đóng góp quý báu cho chương trình hành động liên tín ngưỡng, duy trì hòa bình, an ninh trong khu vực mà Hội nghị đã đề ra cho hiện tại và tương lai.

Về việc giáo dục “Hòa bình” cho Tăng ni, Phật tử, cũng như học sinh, sinh viên các trường, các cấp học, tôi cho rằng đây là một vấn đề cần thiết, ý tưởng này cần được Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như ngành giáo dục của Giáo hội sớm nghiên cứu và tiến hành thực hiện, vì đây là môn học giáo dục ý thức tôn trọng sự chung sống hòa bình nhằm tránh được những mâu thuẫn, xung đột gây bất ổn cho cộng đồng tôn giáo, tín ngưỡng xã hội có thể xảy ra do tính quá khích, cực đoan tôn giáo, dân tộc, văn hóa dị biệt gây nên, để thực hiện quyền tự do tôn giáo và bình đẳng, nhằm góp phần tăng cường sự đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cùng nhân dân các nước trong khu vực xây dựng và phát triển trong hòa bình và an ninh, thịnh vượng. Phật giáo được mệnh danh là một tôn giáo của hòa bình, tôi tin rằng ngành giáo dục của Giáo hội Phật giáo Việt Nam chúng ta sẽ góp phần đặc lực trong việc thực hiện ý tưởng cao quý này.

5. PV: Xin cảm ơn Hòa Thượng! ■

THÔNGIỆP

CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Gửi Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2556 dương lịch 2012

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Hòa chung không khí đại hoan hỷ của người con Phật trên khắp hành tinh, kính mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2556, dương lịch 2012, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi xin gửi tới chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời cầu chúc đại hoan hỷ, đại an lạc, thành tựu mọi Phật sự.

Kính mừng Đại lễ Phật đản năm nay, đúng vào dịp Tăng Ni, Phật tử cả nước vừa long trọng tổ chức thành công Đại lễ kỷ niệm 30 năm thống nhất Phật giáo cả nước thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong suốt 30 năm xây dựng và phát triển, Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu Phật sự trên tất cả các lĩnh vực Đạo pháp và Dân tộc cũng như quan hệ đối ngoại Phật sự quốc tế; được Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cộng đồng xã hội đánh giá cao vị thế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nhân dịp này, Đảng và Nhà nước đã quyết định trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ hai cho Giáo hội, cùng một số chư Tôn đức, Cư sĩ, Phật tử có nhiều thành tựu Phật sự ích đời lợi đạo đã được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, Huân chương Đại đoàn kết Dân tộc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Chính quyền các cấp. Đây là minh chứng ghi nhận những đóng góp to lớn của giới Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với sự nghiệp Cách mạng của Đảng và của Dân tộc.

Đặc biệt, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã và đang tiến hành tổ chức Đại hội Đại biểu các cấp địa phương và tiến tới Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII vào cuối năm nay. Đây là Phật sự trọng yếu có nhiệm vụ tổng kết, đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu, hạn chế, yếu kém, rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị quyết và Chương trình hoạt động Phật sự của cả nhiệm kỳ vừa qua. Thông qua đó, củng cố hệ thống tổ chức, nâng cao chất lượng các hoạt động Phật sự trong nhiệm kỳ tới, trong đó cần chú trọng và quan tâm bảo đảm yếu tố đoàn kết, hòa hợp, đúng Hiến chương Giáo hội và Pháp luật Nhà nước trong việc suy cử thành phần nhân sự điều hành các cấp Giáo hội và là nhân tố bảo đảm cho thành tựu mọi Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời gian qua và trong tương lai.

Kính mừng ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ, Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành tâm, tinh tấn nỗ lực thực hiện tốt công tác Phật sự ích đời lợi đạo, đó chính là đóa hoa vô ưu kính dâng lên Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.

**ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

(đã ấn ký)

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ

DIỄN VĂN ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2556

của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni

Kính thưa quý Phật tử trong và ngoài nước,

Hôm nay, Rằm tháng Tư năm Nhâm Thìn 2012, Phật lịch 2556, Tăng Ni Phật tử Việt Nam cùng với những người con Phật trên khắp thế giới hân hoan thành kính đón mừng kỷ niệm ngày Khánh đản lần thứ 2.636 của Đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta lắng lòng tưởng nhớ đến sự kiện hy hữu, đến đại sự nhân duyên. Dưới cội cây Vô ưu vườn Lâm Tỳ Ni nước Ca Tỳ La Vệ, Đức Phật đản sanh, bước đi bảy bước, mỗi bước có tòa sen báu đỡ chân Ngài. Đây là sự xuất hiện trên đời này của Đấng Thế Tôn, đem ánh đạo vàng đến với nhân loại. Cội cây Vô ưu ấy đã không còn, vườn Lâm Tỳ Ni dần tàn rụi, nhưng chưa đầy ba Thế kỷ sau, vua A Dục đã dò tìm và dựng trụ đá kỷ niệm nơi đản sinh của Đức Phật. Đến nay, trụ đá ấy, suốt hơn 22 Thế kỷ, vẫn còn sừng sững oai nghi tại thánh địa Lumbini thuộc nước Nepal hiện tại. Vô thường, đổi thay vẫn xảy ra, dù trụ đá thiêng cũng có ngày hư hoại, nhưng giáo pháp của Đức Phật trong ý nghĩa vô vi thì không thể tàn phai. Và như thế, hình ảnh đại sự Đản sinh của Đấng Từ phụ vẫn còn mãi trong lòng những người con Phật. Mặt đất rung chuyển, hoa trời tuôn rơi, nhạc trời vang lừng, bảy đóa sen thiêng và kim ngôn “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”

Nội dung 45 năm thuyết pháp của Đức Thế Tôn vẫn còn vang mãi đến ngày nay. Dù trần gian vẫn còn khổ đau vì tam độc tham sân si, dù Phật giáo cũng từng trải qua những thịnh suy, ngày nay, đạo Phật đã phát triển rộng lớn, không những ở các nước truyền thống Phật giáo ở châu Á, mà còn lan tỏa mạnh mẽ trên khắp thế giới trong vận hội mới của nhân loại.

Trong gần nửa năm qua của năm cuối nhiệm kỳ VI, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, một trong những hoạt động Phật sự quan trọng nhất là các cấp Giáo hội đã nỗ lực hoàn tất kế hoạch năm năm đã đề ra và chuẩn bị tổng kết các hoạt động tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII sẽ diễn ra vào tháng 11 năm 2012 tại Thủ đô Hà Nội. Đến nay, các Tỉnh, Thành hội đã khởi sự hoặc chuẩn bị khởi sự tổ chức Đại hội Phật giáo ở cấp địa phương. Đây là Phật sự quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của Đại hội toàn quốc. Hiển nhiên, vấn đề nhân sự quyết định sự thành bại của tổ chức và hoạt động Phật sự. Lục hòa, Tứ nhiếp để giữ sự đoàn kết nhất trí trong Giáo hội là tâm niệm của tất cả chúng ta. Chúng ta cương quyết không để tranh chấp, tiêu cực, bất đồng xảy ra.

Một Phật sự quan trọng nữa, đòi hỏi trí tuệ tập thể, đó là việc chuẩn bị tu chỉnh Hiến chương của Giáo hội để có thể được tổng duyệt trong Đại hội Đại biểu Phật giáo

toàn quốc vào cuối năm nay. Cùng với đất nước, Giáo hội đang trên đà phát triển; hoàn cảnh cơ duyên mới của đất nước, của thời đại khiến chúng ta cần tu chỉnh một vài điểm trong Hiến chương. Giáo hội ta đạt nhiều thành tựu trong tổ chức và trong hoạt động cũng là nhờ mọi thành viên đều tuân thủ Hiến chương và sự tu chỉnh Hiến chương là bình thường và cần thiết để phù hợp với hoàn cảnh và giai đoạn phát triển. Bộ phận Thư ký ban Tu chỉnh Hiến chương thuộc ban Thường trực Hội đồng Trị sự cần làm việc nghiêm túc, cần thảo luận, cần lắng nghe, đúc kết ý kiến đóng góp của các cấp Giáo hội, của quần chúng Tăng Ni, Phật tử để soạn dự kiến các điểm tu chỉnh trình Thường trực Hội đồng Trị sự, từ đó sẽ được thông qua trong Đại hội Toàn quốc lần thứ VII.

Chúng ta có Pháp, có Luật của Đức Bổn sư để lại. Ngài từng dạy, “Này các Tỷ kheo, từ khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến khi Như Lai nhập Vô dư Niết bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, tuyên bố, nêu rõ lên, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, được gọi là Như Lai.” và “Này các Tỷ kheo, Như Lai nói gì thì làm vậy, nên được gọi là Như Lai.” (Kinh Phật thuyết như vậy). Đức Phật đã xuất hiện ở đời, đã chứng đắc Đại giác, đã giảng pháp cao thượng, đã thành lập Tăng già, đã chứng nhập Niết bàn, Ngài đã làm tất cả vì lòng thương tưởng cho đời. Ngài dạy, “Này Cunda, những gì bậc Đạo sư đã làm vì hạnh phúc của loài người, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy ta đã làm xong vì lòng thương tưởng cho các người. Này Cunda, đây là những gốc cây, đây là những ngôi nhà thanh tịnh. Này Cunda, hãy thiền định, chớ phóng dật. Về sau chớ hối tiếc. Đó là giáo huấn của ta cho các người.” (Trung bộ kinh, Kinh Sallekha, số 8). Chúng ta hiểu những gốc cây ở đây chỉ cho sự thanh bần, giản dị trong nếp sống, trong tu tập; những ngôi nhà thanh tịnh là chỉ cho thiền định, cho sự hòa hợp giữa những người con Phật, cho sự tĩnh lặng của tâm thức.

Đức Bổn sư đã ra đời, đã làm những gì cần làm, và đã để lại Pháp và Luật cao thượng cho chúng ta. Những gì còn lại là phần của chúng ta, tức là thực hiện theo Pháp và Luật ấy để tiến đến giải thoát tối hậu. Ngài đã khuyên dạy, “Này các Tỷ kheo, Ta tuyên bố rằng khi các Thầy hướng đến mục đích Sa môn hạnh, chớ từ bỏ mục đích này khi đang còn nhiều việc phải đáng làm.” (Kinh Trung bộ, Đại kinh Xóm ngựa, số 139).

Tinh tấn trong thiền định, trau dồi đạo hạnh, chuyên cần trong tu học, giản dị trong nếp sống, tích cực trong việc xây dựng Giáo hội, phát triển đạo pháp, đóng góp cho hạnh phúc an bình thịnh lạc cho đất nước và cho mọi chúng sinh, phải là bổn phận, trách nhiệm của mỗi chúng ta. Trong niềm cảm ứng tưởng như đang được tắm gội ánh đạo vàng tỏa từ kim thân của Đức Bổn sư, đấng Từ phụ, tôi chân thành kính chúc chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và các Phật tử trong và ngoài nước một mùa Phật đản an lạc, một năm thắng lợi trong các hoạt động vì Đạo vì Đời.

Xin cảm ơn chư liệt vị

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Ý NGHĨA ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2556

“Vui thay Phật ra đời, Vui thay Pháp được giảng”

Hôm nay, ngày Rằm tháng Tư năm Nhâm Thìn – dương lịch 2012, Phật lịch 2556, một lần nữa, những người con Phật trên khắp hành tinh này, hân hoan đón mừng ngày khánh đản của đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni, niềm hỷ lạc dâng trào như tắm gội ánh sáng thiêng liêng từ kim thân của Đức Phật mà hơn 26 thế kỷ qua đã tỏa rạng từ vườn Lâm Tỳ Ni, lan khắp bình nguyên Terai vùng bắc Thiên Trúc và ngập tràn cả thế giới ta bà. Trong niềm vui chung đó, giới Tăng Ni, Phật tử Việt Nam chấp tay nguyện cầu cho Phật pháp trường tồn chúng sinh an lạc.

Sự kiện đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh vào ngày rằm tháng tư, là sự kiện vô tiền khoáng hậu của nhân loại. Sự kiện hi hữu này được kinh tán thán như sau: “Sự xuất hiện của một người, này các Tỳ kheo, khó gặp được ở đời. Người ấy là ai? Là Như Lai, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của Người này, này các thầy Tỳ kheo, khó gặp ở đời”.

Ngài thị hiện ở đời và đem giáo pháp của Ngài để chúng ngộ giảng dạy để cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ, và chúng đạt giải thoát. Chính vì thọ nhận được pháp lạc như thế, nên Tôn giả Udayi trong khi hành thiền độc cư, đã nói lên lời tán thán đức Phật, được ghi trong bản kinh Trung Bộ II: “Thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều pháp bất thiện cho chúng ta. Thế Tôn là vị đã đem lại nhiều thiện pháp cho chúng ta”.

Ngài thuyết pháp chỉ với mục đích duy nhất là đoạn khổ và chỉ ra con đường diệt khổ, tự thân Ngài tuyên bố không tranh chấp hơn thua với ai, không tranh chấp với đời, chỉ có đời tranh chấp với Ngài: “Này các Tỳ kheo, Ta không tranh chấp với đời, chỉ có đời tranh chấp với Ta. Này các Tỳ kheo, người nói pháp không tranh chấp với một ai ở đời”



HT. Thích Bảo Nghiêm,
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự
- Trưởng Ban Hoằng pháp TW GHPGVN

Bồ Tát đản sanh

(Tương Ưng III, 165). Do vậy, hình ảnh bậc Đạo sư của chúng ta là hình ảnh của một vị luôn luôn ung dung tự tại, không âu lo, không sợ hãi, không phiền não, ngày đêm chỉ biết nuôi dưỡng lòng từ thương chúng sinh như con đỏ:

*"Khi ngủ không lo âu,
Ta không thấy tai hại,
Khi thức chẳng sợ hãi,
Một chỗ nào trên đời.
Ngày đêm không khởi lên,
Do vậy Ta nằm nghỉ,
Phiền não bận lòng Ta.
Tâm từ thương chúng sinh"*

(Tương Ưng I, 136)

Với chí nguyện “Từ bị cứu khổ chúng sinh” mà Ngài thị hiện ở đời, rồi xuất gia, tầm đạo, chứng đạo và thuyết pháp độ sinh cho đến hơi thở cuối cùng. Ngang qua kinh nghiệm tu tập tự thân, không có ai là bậc Đạo sư của Ngài để truyền đạt cho Ngài,



Bồ Tát thành đạo

cũng không có ai ban phép mầu cho Ngài, hay tự thân hóa hiện từ một vị Thượng đế, thần linh nào cả. Ngài là một con người như chúng ta, nhờ tự thân nỗ lực mà tìm ra con đường giải thoát giác ngộ.

Thế nên, Ngài có vị trí tối thượng ở đời, một vị trí không thể có một Đức Phật thứ hai trong suốt hiện kiếp của một Đức Phật tại thế. Kinh Tăng Chi, tập I, trang 37 đã ghi lại sự tán thán này như sau: "Sự kiện này không xảy ra, này các Tỳ Kheo, không có được trong một thế giới có hai vị A la hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, không trước không sau, xuất hiện một lần; sự kiện này không có xảy ra".

Với toàn bộ ý nghĩa nội dung đoạn kinh trên, chúng ta thấy ngay trong hiện kiếp này chỉ có một Đức Phật thị hiện, không có hai. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật duy nhất thị hiện ở thời hiện tại của chúng ta đang hiện hữu, có vị trí có một không hai trong lịch sử loài người. Ngài là một con người toàn bích, giác ngộ đã làm cho chúng sinh biết, đã nói, đã chỉ ra con đường trước đây chưa từng ai khám phá, chưa có ai từng tuyên thuyết về sự thật khổ và con đường giải thoát khổ: "Không có một vị Tỳ kheo, này Bà la môn, thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác thành tựu. Này Bà la môn, Thế Tôn là bậc làm khơi dậy con đường trước đây chưa từng hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo". (Trung Bộ III, trang 110)

Chính Ngài là người đầu tiên khám phá ra con đường giác ngộ giải thoát và tự mình thực thi con đường ấy. Con đường ấy là một tiến trình gồm 5

giai đoạn, có thể nói bắt đầu từ Giới rồi đến Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến. Nó được cụ thể hóa thành con đường Thánh đạo mười ngành, khởi đầu bằng chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến, chánh niệm, chánh định, chánh trí và chánh giải thoát. Nhờ vậy, mà Đức Phật đã rỗng lên tiếng rỗng Sư tử, biểu trưng cho sự ưu việt thượng thừa của Chính pháp Như Lai.

Kể từ sau khi thành đạo, Ngài không ngừng thuyết pháp độ sinh và nhanh chóng thành lập các hội chúng. Hội chúng xuất gia bao gồm hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Thức xoa ma ni, Sa di, Sa di ni sống theo nếp sống phạm hạnh, không gia đình, thoát ly sự ràng buộc các dục, thiểu dục tri túc và cuối cùng là chứng đạt tâm giải thoát, tuệ giải thoát, vượt thoát sầu bi khổ ưu não. Đối với hội chúng tại gia bao gồm nam cư sĩ, nữ cư sĩ thọ trì tam quy ngũ giới, sống theo mười nghiệp thiện, không nên tham đắm các dục lạc, làm các công đức thiện lành, sống đúng chánh pháp, thu hoạch tài sản vật chất do chính mình làm ra, lợi mình và lợi người, lợi cả hai. Cả hai hội chúng đều được đức Phật khuyến cáo bằng sự nỗ lực cá nhân để hành trì chánh pháp đã lãnh thọ, đã được truyền trao "Như Lai chỉ là bậc Đạo sư dẫn đường, hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi!".

Do đó, trong cuộc hành trình về miền đất an lạc, Thế Tôn luôn mong muốn các đệ tử của mình tinh tiến lập hạnh nguyện tu trì, thực hành giới, tâm luôn an trú vào định để cuối cùng là bừng sáng trí tuệ mà các kinh điển truyền thống diễn đạt là các đệ tử Như Lai tu hành phải đạt cho được lối cây Phạm hạnh, đừng có bao giờ dừng lại ở giác cây, vỏ cây, vỏ trong, vỏ ngoài và cành lá của Phạm

hạnh. Điều đó có nghĩa rằng một người sống một đời sống hưởng thụ chỉ khi nào đạt được lời cây Phạm hạnh thì mới đạt được cứu cánh hoàn toàn và hạnh phúc lâu dài. Và hạnh phúc chỉ có mặt khi vắng mặt được tất cả mọi khổ đau. Vậy là mọi người con Phật thật sự hạnh phúc và tràn đầy hỷ lạc:

*"Vui thay Phật ra đời,
Vui thay pháp được giảng ..."* (Kinh Pháp Cú)

Chính ngay tại thế giới này, nơi chúng ta đang hiện hữu, không gian và thời gian đang bước sang năm thứ 2 của thập niên thứ hai, thế kỷ đầu thiên niên kỷ thứ III. Thời điểm mà tri thức của con người ngày được nâng lên một tầm cao mới. Văn minh khoa học điện tử đã tạo ra ngày càng nhiều những sản phẩm vật chất tiện nghi phục vụ cho mọi sinh hoạt cuộc sống nhân sinh, hẳn nhiên nhu cầu về tâm linh càng được phải nâng cao hơn nữa trong đời sống hiện đại.

Do vậy, chính ngay trong lúc này, trách nhiệm và sứ mạng của những sứ giả Như Lai, sứ giả hoằng pháp, Tăng Ni Phật tử, đệ tử của đức Phật là tích cực dẫn thân, vui gánh những gánh nặng đang gánh "Luôn du hành vì an lạc, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người" thể hiện tính quyết tâm cao hơn nữa, đem giáo lý cao thượng, tinh giác của đức Thế Tôn, san sẻ vào đời... giúp những con người hữu duyên với Phật pháp, nhận chân được thực tướng của các pháp trong thế gian vốn là vô thường, khổ não, vô ngã, bất tịnh... để luôn giữ được chánh niệm, tinh giác trước mọi chi phối, mê hoặc của ác ma vật chất, sự cám dỗ của sự ham ưa hưởng thụ của nghiệp thức vô minh.

Đó cũng là ý nghĩa đích thực của việc hoằng pháp độ sinh, có giá trị thiết thực lợi đạo, ích đời. Nó càng ý nghĩa hơn nữa khi pháp của đức Phật thuyết giảng khắp nơi trên thế giới, trên mọi miền

đất nước, ngay cả biên cương, hải đảo, vùng sâu, vùng xa ... bất cứ ai hiện hữu trên cõi đời. Hình ảnh tôn giả Phú Lâu Na vượt qua bao chướng duyên để thuyết pháp độ sinh nhằm đem ánh sáng Phật pháp đến những nơi sâu khổ và bất hạnh; đức Phật hoàng Trần Nhân Tông từng đi lên núi, vào rừng, vượt đèo lội suối, dựng am, xây chùa, thuyết pháp "thập thiện" để giáo hóa cho biết bao nhiêu người cùng khổ ở các miền quê. Việc Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc cũng như cho vùng miền ở các tỉnh, thành như: Đắk Lắk, Đà Nẵng, Kiên Giang, Hải Phòng, Bình Dương, Vĩnh Phúc và nhiều sự kiện khác nữa trong thời gian qua cũng không ngoài mục đích đưa đạo vào đời và làm cho đời thêm tươi sáng.

Năm 2012 là năm kết thúc nhiệm kỳ VI của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Việc tổ chức các khóa tu, thuyết pháp, biên soạn tài liệu hoằng pháp cho phù hợp với tầm nhìn hôm nay và mai sau, là nội dung ưu tiên hàng đầu trong chương trình hoạt động của Ban Hoằng pháp. Nhất là tiếp tục triển khai chương trình đào tạo 2 lớp Cao - Trung cấp giảng sư, tập huấn Hoằng pháp viên cho nam nữ Phật tử có năng lực dẫn thân phụng sự Phật Pháp. Đặc biệt, là kết hợp với Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức các khóa bồi dưỡng, tuyên truyền tiến tới Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ VII (nhiệm kỳ 2012 - 2017) Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ diễn ra trong cuối năm 2012, năm nay.

Nhân ngày Khánh đản của Đức Bổn Sư, chúng ta nhất tâm hướng về Ngài, thành tâm dâng nén hương lòng của niềm tin Tam Bảo, của quyết tâm thực thi lý tưởng vì Đạo vì Đời. Ngưỡng mong ánh sáng Từ bi và Trí tuệ của Thế Tôn tỏa chiếu khắp thế gian, đem lại lợi lạc cho hết thảy chúng sinh. ■



Đức Phật niết bàn



TIỂU KINH KHỔ UẨN

HT. Thích Minh Châu

Mahānāma hỏi đức Phật: Dù đã hiểu đức Phật dạy tham, sân, si là cấu uế của tâm, nhưng tham, sân, si vẫn chiếm cứ tâm và an trú, vậy do pháp nào trong tự mình chưa đoạn trừ được? Đức Phật trả lời là do Mahānāma còn là cư sĩ và thọ hưởng các dục. Lại dù một Thánh đệ tử có khéo thấy như thật chánh quán các dục là vui ít, khổ nhiều, nhưng chưa chứng được hỷ lạc do các thiền đưa đến, thời chưa khỏi bị dục chi phối.

Rồi đức Phật giảng về vị ngọt các dục và nguy hiểm các dục (như đã được trình bày trong Kinh Đại Khổ Uẩn số 13). Cuối



ngồi, ngủ, thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại. Vị này dạy rằng do quá khứ làm ác nghiệp nên nay phải khổ hạnh để tiêu mòn các nghiệp quá khứ. Hiện tại, sống chế ngự thân, lời nói và ý để không làm ác nghiệp trong tương lai. Như vậy, nhờ thiêu đốt các nghiệp quá khứ, nhờ không làm các nghiệp mới nên không có sự tiếp tục trong tương lai. Nhờ vậy các nghiệp được diệt trừ, khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ, khổ đau được diệt trừ. Đức Phật liền đặt một số câu hỏi, sáu câu tất cả, và câu nào các Ni Kiền Tử cũng trả lời "Không biết". Cuối cùng các Ni Kiền Tử tuyên bố, hạnh phúc do đau khổ đem lại và Vua Bimbisāra nước Magadha sống hạnh phúc hơn Sa môn Gotama.

cùng đức Phật kể lại cuộc gặp gỡ của đức Phật với các Ni Kiền Tử đang tu khổ hạnh ở Vương Xá. Những vị này đứng thẳng không chịu ngồi nên cảm thọ những cảm giác khổ đau khốc liệt. Khi đức Phật hỏi vì sao lại làm như vậy, các Ni Kiền Tử trả lời, Nātaputta, Giáo chủ của các Ni Kiền Tử, là bậc toàn tri, toàn kiến, toàn diện, dù có đi, đứng, nằm,

Bị đức Phật chất vấn, các Ni Kiền Tử rút lui lời tuyên bố này, và cuối cùng đức Phật chứng minh rằng, đức Phật sống hạnh phúc hơn Vua Bimbisāra, vì Ngài có thể nhập định luôn bảy ngày bảy đêm không di động, còn Vua Bimbisāra thì không thể được như vậy. ■

GIỚI LUẬT CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

PHẬN SỰ ĐỐI VỚI THẦY DẠY HỌC

Vào lúc bấy giờ, các người học trò (antevāsikā) không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các tỳ khưu ít ham muốn, các vị ấy phân nân, phê phán, chê bai rằng:

- Vì sao các người học trò lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học?

Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Nay các tỳ khưu, nghe nói các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Sau khi khiển trách, ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phận sự đối với các vị thầy dạy học cho các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành đúng đắn theo như thế.

Này các tỳ khưu, người học trò nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy dạy học. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này:

Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng lên gổ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa sạch tô rồi dâng cháo. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, rồi đem cất. Khi thầy dạy học đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào làng, nên trao y lót trong, và nhận lại y lót trong

Tk. Indachanda- Nguyệt Thiên (dịch)

(khác từ vị thầy), nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp gọn gàng rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn ẩm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có thị giả đi theo, vị ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, sửa sang cho tề chỉnh rồi trùm y hai lớp lên, thắt lại dây buộc, rửa ráy, cầm lấy bình bát, rồi nên đi theo làm thị giả cho thầy dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát (của vị thầy) và vật được chứa đựng (trong đó). Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên nhắc nhở.

Khi quay trở về, nên đi về trước tiên. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, gế kê chân, tắm chà chân. Nên đi ra rước y và bình bát. Nên trao y lót trong (trước đây) và nhận lại y lót trong (mặc lúc đi). Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên phơi y ở chỗ nắng quá lâu. Nên gấp y lại. Khi gấp y nên lúi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại (nghĩ rằng): "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phía trong rồi gấp lại.

Nếu có đồ ăn khất thực và thầy dạy học có ý muốn ăn thì nên dâng nước (rửa) và nên đem đồ ăn khất thực để gần bên. Nên dâng lên thầy dạy học nước uống. Khi thầy ăn xong nên dâng nước (rửa). Nên nhận lại bình bát rồi đem để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận không chà xát mạnh, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Không nên phơi bình bát ở chỗ nắng quá lâu. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không có

vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra. Khi thầy dạy học đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác rến thì nên quét khu vực ấy.

Nếu thầy dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu (thầy dạy học) thích nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu thích nước nóng, nên chuẩn bị nước nóng. Nếu thầy dạy học có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tắm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng, nên trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy dạy học, nhận lấy y, và để ở một bên. Nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên đắp lên cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào (chỗ) các tỳ khuư trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các tỳ khuư mới tu khỏi chỗ ngồi. Ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Nên kỳ cọ cho thầy dạy học lúc ở trong nước. Khi tắm xong nên đi ra trước, lau khô nước ở thân thể của mình. Sau khi quần y, nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi về trước, và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân. Nên dâng nước uống đến thầy dạy học. Nếu có ý muốn thỉnh (thầy) đọc tụng, nên thỉnh (thầy) đọc tụng. Nếu có ý muốn vấn đạo, nên thỉnh (thầy) vấn đạo.

Ở trú xá nào thầy dạy học cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác rến, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Khi làm sạch sẽ, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tọa cụ và ngoại cụ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn và để xuống ở một góc,

nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem tấm ván gối đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nếu có mạng nhện ở trú xá, khi phát hiện trước tiên nên dời (chúng) khỏi lỗ hổng, nên lau chùi các cửa sổ và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen và bị đốm loang lổ nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải nước rồi quét (nghĩ rằng): "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm." Sau khi gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc.

Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo không làm trầy hoặc va chạm vào phần dưới của cánh cửa lớn, và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng tọa cụ và ngoại cụ, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt (trước đây). Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván gối đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không có vật kê. Khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn chỗ gấp y lại ở bên này, rồi căng y ra (còn tiếp).■

TRUNG TÂM THIÊN PA AUK MIẾN ĐIỆN

Có một buổi sáng tôi ngồi thiền không yên. Lúc xả thiền, mặt mày xây xẩm, tái xanh, phải ngồi lại nghỉ một lúc lâu. Buổi trưa tôi cố gắng ăn nhưng nuốt không vô. Chiều lại, bị ối mưa. Hai thầy hàng xóm chạy qua đỡ tôi lên giường. Độ 15 phút sau có thầy T. Trí và T. Lưu lại, cạo gió và giác hơi cho tôi. Thấy tôi mưa, Thầy bảo tôi uống nước muối pha loãng, và tôi lại mưa thêm một trận nữa; cơ thể mệt đừ suốt tuần lễ sau đó. Tôi nhin đối ít ngày để chữa bệnh, thanh lọc cơ thể...

Năm ngày tết tại Miến Điện (từ 13-4 đến 17-4-2006) Trung Tâm lại đón nhận một số lượng Phật tử khá đông, có ngày lên đến cả ngàn người. Một số tham quan và số khác đến tu học; đa phần là những người trẻ, từ những thành phố lân cận, sắc diện xinh tươi, khác với dân địa phương. Đó là tục lệ của dân Miến. Ngày Tết, ngày nghỉ, họ vào chùa tu.

Thiền đường lớn trên đỉnh núi cao tu bổ tạm xong, được sử dụng để tiếp đón số lượng người đến tu tập đông đảo đó. Họ ngồi đầy cả thiền đường, tất cả đều yên lặng không một lời nói. Từ ban công tầng hai của thiền đường tôi được ngắm cảnh mặt trời lặn đẹp tuyệt vời, với dòng sông bạc nhấp nhô phía dưới; bên trên, một quả cầu đỏ tươi đang lần lần chìm xuống sau dãy núi lam xa tít; trên nền trời là những tia sáng đủ màu sắc và núi rừng bao la một màu xanh thẫm bao quanh. Thật là một cảnh

Hạnh Thức (tiếp theo & hết)

đẹp thần tiên!...

"Tôi qua đây đã được hơn 2 năm rồi. Lúc đầu chỉ định qua tu tập vài tháng rồi về, đã tu ở Shwe O Min (trung tâm Siêu Minh) tại thủ đô Yangon 6 tháng, sau mới lên đây. Thấy người ta tu hành đàng hoàng, giới đức trang nghiêm, đạo tràng thanh tịnh, tôi thích quá. Tôi đã suy nghĩ, dấn vật rất nhiều, đến nỗi phát bệnh. Không lẽ mình cứ phí bỏ cuộc đời tu hành như trước đây mãi sao? 16 năm rồi, đã quá đủ! Và tôi đã đi đến quyết định, bắt đầu làm lại từ đầu. Tôi xin thọ giới lại, đổi màu y, chuyển qua Nam Tông.

Quả thật đạo tràng ở đây thanh tịnh thật. Mọi người đều cao ráo, mặt mày sáng sủa, trầm tĩnh, lúc nào cũng như nở nụ cười. Họ yên lặng, để tâm vào việc tu tập, không nói năng ồn ào tán loạn. Họ đắp chỉ một màu y, màu gạch đậm. Trông họ hình như đã chứng được cái gì rồi. Dự lưu? A La Hán? Trung tâm chiếm hữu cả một khu rừng núi to lớn. Có hai "xóm", xóm trên và xóm dưới, cách nhau chừng 2 Km. Xóm trên nằm ở trong rừng, dành cho chư Tăng, khoảng độ 500 vị; xóm dưới dành cho các tu nữ, độ trên 300 người; và độ vài chục vị cư sĩ (ở Miến và các nước Nam Tông khác không có tỳ kheo Ni, chỉ có các Tu nữ thọ trì 8 giới bát quan trai mà thôi).

Thời khoá biểu hằng ngày như sau:

3 giờ 30 sáng: thức dậy

4 giờ 00 - 5 giờ 30 phút: ngồi thiền
 6 giờ 00: ăn sáng (và sau đó làm vệ sinh, quét dọn, giặt rửa)
 7 giờ 30 - 9 giờ 00: ngồi thiền
 9 giờ 00 - 11 giờ 00: trình Pháp
 11 giờ 00: quá đường (ăn trưa, dưới hình thức khất thực)
 13 giờ 00 - 14 giờ 30 phút: ngồi thiền
 14 giờ 30 - 15 giờ 30 phút: thiền hành
 15 giờ 30 - 17 giờ 30 phút: ngồi thiền
 17 giờ 00 - 18 giờ 00: trình Pháp hoặc thiền hành
 18 giờ 00 - 19 giờ 30 phút: nghe giảng Pháp hoặc nghe băng (băng tiếng Miến)
 19 giờ 30 phút - 21 giờ 00: ngồi thiền

Một ngày tổng cộng 5 thời ngồi Thiền, vị chi là 7 tiếng rưỡi. Pháp môn tu ở đây cũng như hầu hết các nước Nam Tông là thiền Tứ Niệm Xứ và Vipassana. Tứ Niệm Xứ thì lấy niệm thân làm chính, căn cứ theo kinh Quán Niệm Hơi Thở (tức an bang thủ ý/ Anapanasati). Kinh này được Đức Phật dạy cho các Tỳ Kheo để tu tập thiền định:

...“Thở vào một hơi dài, vị ấy biết “ta đang thở vào một hơi dài”;

Thở ra một hơi dài, vị ấy biết “ta đang thở ra một hơi dài”;

Thở vào một hơi ngắn, vị ấy biết “ta đang thở vào một hơi ngắn”;

Thở ra một hơi ngắn, vị ấy biết “ta đang thở ra một hơi ngắn”;

“Cảm giác toàn thân hơi thở, ta sẽ thở vào”, vị ấy tập như vậy;

“Cảm giác toàn thân hơi thở, ta sẽ thở ra”, vị ấy tập như vậy;

“An tịnh thân hơi thở, ta sẽ thở vào”, vị ấy tập như vậy;

“An tịnh thân hơi thở, ta sẽ thở ra”, vị ấy tập như vậy...

Nghĩa là thở vào thì nói (nhắm thầm) “vào”; thở ra thì nhắm “ra”; thở vào sâu thì nhắm “sâu”; thở ra chậm thì nhắm “chậm”...

Nhưng bí quyết ở đây là tập trung tư tưởng vào điểm xúc chạm (nhân trung) và như vậy để vào định hơn. Nếu mình tu tập giỏi, có thể một ngày là thấy được tâm ảnh (nimitta); hoặc trễ thì một tuần, 3 tháng... tùy theo mỗi người. Thấy được nimitta rồi là sắp vô sơ thiền. Từ sơ thiền tới tứ thiền (cõi sắc), cần khoảng vài ngày tới một tháng (cô L.T. từ khi thấy nimitta cho đến khi đi hết tứ thiền mất 8 ngày). Từ tứ thiền (cõi sắc), nếu mình muốn, có

thể đi tiếp lên cõi vô sắc (không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ). Nhưng thường thường, để khỏi phí thì giờ, tu tới tứ thiền họ sẽ dạy cách chuyển qua Vipassana để có được Minh Sát Tuệ, thấy rõ Danh, Sắc, chứng được vô thường, vô ngã, khổ (chiếu kiến ngũ uẩn giai không). Chứng trên sự thể nghiệm, chứ không phải trên lý thuyết suông. Đức Phật cũng thường dạy, không phải do nghe và tư duy suông mà chứng ngộ được. Rồi từ đó mình mới có thể buông bỏ hết để chứng đắc đạo quả và ngộ nhập Niết Bàn...(Xem bài chi tiết về pháp môn tu ở đây của Sư Cô Liên Tường).

Thật là dễ tu, rõ ràng từng bậc thứ lớp, chứng tới đâu là biết tới đó. Mỗi ngày đều phải trình Pháp. Mỗi lần trình Pháp là một lần học hỏi thêm kinh nghiệm của các bạn đồng tu, và vị Pháp sư sẽ biết mình đang ở đâu. Đạo tràng đông như vậy nên có nhiều vị Pháp sư để mình trình (4, 5 vị). Khi gặp vấn đề gì các vị ấy sẽ bày cách cho mình giải quyết.

Về chế độ ăn uống, mỗi ngày chỉ ăn hai bữa, 6 giờ sáng và 11 giờ trưa, theo lối khất thực (tất cả các nước Nam Tông đều không dùng cơm chiều, nhưng được quyền ăn mặn). Đến giờ ăn, tất cả mang bình bát sắp hàng theo hạ lạp trước sau, đi một vòng ngang qua phòng ăn theo lối khất thực, họ dâng gì thì ăn nấy. Các cư sĩ và nữ tu sắp làm hai hàng đứng hai bên để dâng thức ăn vào bát chư Tăng. Vừa nhanh vừa gọn. Có điều mình không thể lựa chọn được thức ăn mình thích hay không thích. Ngày nào hình như cũng chừng đó món ăn quen thuộc và một ly nước (trà sữa, cà phê, hoặc sữa đậu nành...). Đặt biệt có hai nồi cơm riêng, một nồi gạo lứt và một nồi cơm trắng. Đi một vòng nhận thức ăn rồi ai về vị trí nấy, ngồi theo chỗ quen thuộc của mình mỗi ngày; hoặc ngồi bệt xung quanh thiền đường (từng 1 và từng 2), hoặc xuống dưới tầng hầm ngồi bàn bưng bình bát ăn (thường là dành cho các vị khách tăng người phương tây và... Việt Nam như chúng tôi).

Trước đây tôi cũng có tập qua thiền, nhưng không đi tới đâu, vì mỗi ngày chỉ ngồi được 1/2 tiếng hoặc tối đa là 1 giờ. Và theo phương pháp đuổi vọng: “Vọng tới bỏ, không theo; vọng tới bỏ...” Nhưng vọng cứ tới hoài, làm sao hết vọng được? Thành thử tu một thời gian lâu rồi chán, không tu nữa. Nay học được Pháp môn này, rõ ràng mình bạch, lại rất dễ tu, tôi rất thích nên cố gắng đặt hết tâm trí vào đó. Theo thời khóa biểu, và nhờ lực của đại chúng, lần lần tôi vượt qua được những khó khăn tưởng như chẳng bao giờ vượt qua nổi (xem tiếp trang 29).

Một số vấn đề trong A Tỳ Đàm

Edward Conze - Hạnh Viên dịch
(tiếp theo & hết)

Bây giờ đến các ví dụ. (1) gió lay động cành cây; một trái cây rơi xuống, lướt qua tai một người. (1a) Một đối tượng thị giác, v.v., đi vào trường nhãn quan, v.v., gây ra sự tác động vào khả năng thị giác, v.v. (1b) Sự tác động đó làm rung động chuỗi liên tục tiềm thức vốn đang bị cắt đứt hay ngưng chỉ. (2) Người đó thức dậy. Có sự ý thức rằng có một cái gì được nhìn thấy, v.v..., có một số tác nhân kích thích; người đó bị kích động. (3) Ý mở mắt và nhìn. Có sự ý thức rằng đã thấy, nghe một cái gì đó, v.v..., một cái gì được nhìn thấy; có sự thấy. (4) Nhặt trái cây lên. Chú ý đến các tác nhân. (5) Khảo sát trái cây, bằng cách sờ bóp nó. Quyết định xem đó là một đối tượng mong muốn hay không mong muốn, kiểm tra nó xem có thích hợp, không thích hợp, hay trung dung. (6) Tìm hiểu trái cây với các thuộc tính của nó, bằng cách ngửi nó. Tri giác đầy đủ. Các thuộc tính được ghi nhận và chỉ định cho đối tượng. (7) Ăn trái cây, nếm trái mùi vị của nó. Đây là bối cảnh người ta phản ứng trước một vật, trong cách thiện hay bất thiện, với ý nghĩa như thế và tầm quan trọng như thế. (8) (giai đoạn) sau khi nếm trái, từ khi nuốt miếng trái cây cuối cùng trong miệng. Ở đây, có sự hồi quan về đối tượng ở giai đoạn 7, và một ý thức rằng một vật loại đó đã được lãnh hội. Cũng như nước bị tẽ ra, trôi theo thuyền một đoạn ngắn khi nó băng qua dòng chảy xiết, rồi lại trôi về xuôi theo luồng nước cũ⁽¹⁾.

Đến đây chúng ta hãy xem xét tám giai đoạn này từng cái một để hiểu được hệ quả tất yếu đối

với quan niệm Phật giáo về tướng và vô tướng.

1. Khi nói về sự kích hoạt của các căn, chúng ta phải phân biệt (1) khu vực của căn vật lý và cấu trúc vật lý của nó; (2) bộ phận cảm thụ đoạn cuối của căn và các kết nối thần kinh của nó; (3) cảm giác tiếp thu và phản hồi, là cái định nói riêng ở đây.

2. Khi nói về sự cáo tri (hướng tâm) đến sáu cảnh (đối tượng của căn) chúng ta phải xác định rõ cảnh và sự cáo tri. Ở đây (1) đối tượng là một tác nhân kích thích⁽²⁾, nghĩa là cái mà, từ khía cạnh đối tượng, tạo điều kiện cho tri giác bằng cách tác động vào căn, phải được phân biệt rõ với (2) đối tượng đã hoàn toàn phát triển khi nó xuất hiện trước tri giác; (1) là cái định nói ở đây. Không có vật nào tự nó là một cảnh cả biệt như thế. Những gì ta có thể nắm bắt được là một cảnh trên một cấp độ tri giác nào đó, sự trình hiện, và sự đồng hoá với những cái ta cảm thấy là ta đang căn. Khi tất cả những điều kiện sau này bị tước đi, tất cả những gì có thể nói về đối tượng khi nó xuất hiện là có một cái gì được nhìn thấy, được nghe, v.v... Nhưng cái chính xác được nhìn thấy thì không thể mô tả. Nó chỉ là cái được phát hiện, hay đúng hơn là được tạo ra, ở giai đoạn thứ sáu (xác định tâm, votthapana).

Ta không nên nhầm lẫn sự cáo tri diễn ra ở giai đoạn này với sự tác ý. Trên thực tế chúng ta phải

2. Không nên nhầm lẫn 'tác nhân kích thích' được hiểu ở đây với những cái của thuyết tâm lý học Hành vi (hay Tập quán, Behaviourist psychology). Nó mô tả các 'tác nhân kích thích' của nó hoặc bằng các hạn tử sinh hóa, như các tia, các rung động trong không gian, các thể hoá học đã phân huỷ trong không khí hay chất lỏng v.v., hoặc trong liên quan với cơ quan cảm thụ về mặt sinh lý học, như tác động quang hoá (photo-chemical action), các rung động trong nội bạch huyết (endolymph), các thể biến dạng của da v.v... Những 'tác nhân kích thích' của chủ thuyết Hành vi này là những đối tượng của tri giác-tâm (mind-perception), khác với các đối tượng thích đáng của căn định nói ở đây.

1. Một ví dụ khác luôn gây ấn tượng nơi tôi vì nó dễ thương hơn, dù không thuyết phục bằng. Có nhiều đứa trẻ ngồi giữa đường, đang nghịch đất bụi (tương ứng với sự tiến triển của dòng liên tục tiềm thức). (1) một đồng bạc văng vào tay của một đứa; (2) nó bảo, 'cái gì văng vào tay tôi này?' (3) một đứa đáp, 'đó là một vật màu trắng'; (4) đứa khác nắm chặt đồng tiền cùng với đất bụi; (5) đứa khác lại bảo, 'nó đây và vuông'; (6) đứa nữa nói, 'đây là một đồng bạc kahapana'; (7) rồi y đem nó cho mẹ y, để bà dùng làm món trang sức nào đó.

phân biệt rõ ba hoạt động khác nhau, tuy cùng nguồn gốc: (1) Cáo tri, sự quay hướng về một đối tượng, được gán cho ý và ý thức, chứ không cho bất cứ thành phần nào của uẩn thứ tư. (2) Chú tâm, hành vi có chọn lọc chú ý đến một đối tượng là một trong những tác dụng của định, thuộc về uẩn thứ tư. (3) Tác ý (manasikāra), một pháp khác cũng thuộc uẩn thứ tư, có nghĩa là sự thay đổi mức độ chú ý quanh một đối tượng hay công việc, và muốn nói đến các thay đổi trong tâm diễn ra khi một đối tượng được nhìn từ các góc độ khác nhau. Bằng, hay trong, sự tác ý mà tâm biệt hóa khác với chính nó, nghĩa là tâm trước đó khác với tâm bây giờ vì nó đã chú ý đến đặc điểm hơi khác nào đó của cùng một đối tượng. Tác ý làm cho tâm mất khá nhiều thì giờ đối diện, hay đương đầu, với một vật, và việc điều chỉnh sự liên tục tiếp cận nó được ví với người đánh xe. Khi so sánh, cáo tri là thái độ rất sơ đẳng và đơn giản.

3. Sáu thức là các hành vi nhận thức, được hướng về một tác nhân thị giác v.v..., và, vì là sự tiếp thu trần, hoàn toàn tự nhiên các tác nhân, chúng rất mơ hồ, không rõ nét⁽³⁾.

4. Từ xúc có thể có ba nghĩa: (1) Trong trường hợp của năm giác quan, ngoại trừ ý, thì đó là sự va chạm vật lý của một đối tượng vật lý với một căn vật lý, như sự va chạm của hai cái chập chĩa, hay sự hút nhau của hai con dê. Một căn bị thu hút bởi tác động của một đối tượng, và phản ứng lại. Xúc theo nghĩa này có trước giai đoạn ba, không phải cái định nói ở đây. (2) Một trùng hợp ngẫu nhiên, sự hợp lại, gặp nhau, hội tụ của bộ ba căn, cảnh và thức. (3) Các trạng thái tư tâm sở, thuộc Hành uẩn, khiến căn, cảnh và thức tiếp xúc lẫn nhau. Nghĩa thứ 2 là cái định nói. Cảnh làm duyên cho xúc, theo các nhà Hữu bộ, bằng cách làm sở duyên căn là tăng thượng duyên, và thức là đẳng vô gián.

5. Tiếp đến thọ, tức (cảm thọ) lạc, khổ, hay dừng dừng. Trong hầu hết trường hợp ta cần một động tác để thật sự quan sát phản ứng-cảm thọ làm đầu mối cho hành vi tri giác hay tưởng. Cái người ta phải có trước tiên là cảm thọ, có một cảnh quan không thú vị, bèn hỏi cái gì thế?. Trường hợp với âm thanh, thường là khá dễ. Tiếng động gì kinh khủng thế? 'Xe tải à?' 'Không phải, đó là máy bay phản lực. Cũng vậy, với mùi hương có thể dễ dàng quan sát được chuỗi trình tự này. Có lẽ thanh và hương tự bản chất gắn liền mật thiết với tính cách dễ chịu hay khó chịu của toàn bộ một trải nghiệm.

3. AK i 14, 16.

Dùng từ hơi thiếu đúng đắn, là có sự đánh hơi tiên khởi của đối tượng diễn ra ở giai đoạn này. Thường rõ ràng hơn phản ứng cảm thọ khởi đầu trước một tác nhân kích thích này là các cảm thọ về sau⁽⁴⁾ đi kèm theo các phản ứng tư tâm sở của giai đoạn 7 và các nhận thức ở giai đoạn 8, trong khi tâm quần quanh bên ý tưởng về đối tượng. Ở giai đoạn 7 thọ được ghi vào tiến trình rõ ràng có chủ ý, và ta phản ứng trước đối tượng hoặc là trở nên nhạy bén với nó và ham thích những thú vị nó mang đến, hoặc là không hài lòng và ghét nó. Đến cấp độ 8 ta nhìn lại kinh nghiệm của giai đoạn 7 và đánh giá nó. Nếu đó là kinh nghiệm về một đối tượng thú vị, ta có cảm thọ lạc về tinh thần. Nhưng nếu nó không thú vị, ở cấp độ 8 nó dẫn đến loại cảm thọ dừng dừng, trung dung. Tuy nhiên, nếu ta phản ứng trước sự khó chịu, cảm giác ghét bỏ sẽ dẫn đến cảm thọ ưu hay não về tinh thần.

6. Tiếp theo là giai đoạn tri giác, là mối tương quan chủ quan của thể giới tục thức. Ở đây có ít nhất chín biến thái của dữ kiện ban đầu diễn ra. I. Ta (1) ghi nhận và (2) đánh giá các phẩm chất giác quan, rồi (3) quyết định, phân biệt, xếp loại chúng bằng phương tiện ngôn ngữ (như có màu xanh). II. Ta (1) xem các phẩm chất giác quan như là dấu hiệu của các đối tượng của giác quan hay của tư tưởng, (2) đánh giá các đối tượng đó bằng chính chúng, như người thợ mộc đánh giá mẫu gỗ mà ông đã chú ý, lấy dấu hiệu làm chứng cứ thích hợp cho việc đánh giá, như những người thợ xẻ gỗ làm với những khúc gỗ mới đốn hạ; (3) phân biệt một đối tượng và các phẩm chất của nó với môi trường quanh nó; (4) và tất cả việc này phần lớn cũng bằng phương tiện ngôn ngữ. (5) Hình dung lại sự kiện cảm giác thông qua các diễn giải tưởng tượng hư cấu, giống như sự nhận biết về con người phát sinh nơi loài thú khi chúng nhìn thấy các hình nộm ngoài đồng ruộng. (6) Ta tiếp nhận dấu hiệu, chộp lấy nó, tạo ra trong ta khuynh hướng nghiêng về nó, thậm chí gắn bó với nó, bám chặt nó, và đi đến tin tưởng nhằm lẫn về sự diễn giải phiến diện các dữ liệu giác quan, như trường hợp những người mù sờ voi⁽⁵⁾. Đối tượng của tưởng, cái được nhận biết, rõ ràng khác với (1) các tác nhân kích thích giác quan (ở giai đoạn 2) và với (2) cái thực sự là nó. Không giống như tuệ, tưởng không thể đi

4. Tuy nhiên, Thọ, thật ra đã phát sinh từ giai đoạn thứ 3, khi có thể có sự kích động dễ chịu hay khó chịu về vật lý của cơ thể, tuy không có nhận thức rõ ràng về nguyên nhân khách quan của nó. Do vậy, nói cho đúng, thọ có mặt trong cả bốn giai đoạn 3, 5, 7, và 8.

5. Ud. vi 4

sâu vào chân thực tại.

7. Tư tâm sở là phần quan trọng nhất của toàn bộ quá trình vì chỉ có chúng tạo ra nghiệp hay phước lạc trong tương lai. Giai đoạn này cũng được cho là kéo dài hơn các giai đoạn kia. Nó trải qua bảy sát na, trong khi giai đoạn 1 chiếm ba, từ 2- 6 mỗi giai đoạn một sát na, và giai đoạn 8 hai sát na.

Ý muốn (cettanā, tư) là một trong các dhammas. Sự tác ý, phản ứng có mục đích, là một tiến trình hoạt động, nỗ lực và dụng ý, sẽ phối hợp, ra lệnh, hướng dẫn, thúc giục, tạo ra sự hăng hái và nghị lực. Nó được ví như người nông dân năng nổ bận rộn thúc giục những người làm thuê trong vụ thu hoạch; một người thợ học nghề thâm niên trong xưởng mộc vừa làm việc của anh vừa giám sát công việc của các thợ khác; người lãnh đạo một đội chiến binh vừa chiến đấu vừa khích lệ người khác chiến đấu.

Sắp xếp phân chia các ý tưởng phức hợp thành các tư tâm sở, tưởng và thọ có tầm quan trọng vô cùng thực tiễn, nhất là khi chúng dường như liên hệ mật thiết với tự ngã. Lấy vài ví dụ: 'Có thể không có chất đốt trong mùa đông này; rừng của tôi hẳn sẽ mọc ra; tôi có thể bị cách chức; con dao díp của tôi bị mất; Anh ta sẽ làm gì để báo thù? Những ý tưởng như vậy rất có thể kéo tâm xa khỏi Dharma, nhưng hiển nhiên nội dung ý chí của chúng (sợ, sân, tham v.v...) tác dụng mạnh hơn hẳn nội dung cảm quan, và tri giác giác quan không chỉ bị nhúng trong thái độ ý chí, mà còn bị nó bóp nghẹt, và thường có rất ít ảnh hưởng trong các nỗi khổ này.

8. Giai đoạn này chỉ diễn ra khi giai đoạn 7 phản ứng trước một đối tượng mạnh mẽ có vẻ đặc biệt có giá trị. Nó được đánh dấu bằng những tư duy biện luận và ứng dụng (vitakka, vicāra, tầm tứ). Vì hai thuật ngữ này chưa có từ tương đương thích đáng trong tiếng Anh, tuy nhiên, gọi như vậy cũng hoàn toàn rõ nghĩa của nó. Nếu bạn buông thả tâm vào bất cứ những gì nó ưa thích, hay nếu bạn cố tập trung nó vào một đối tượng không đem lại thú vị nào đó, như Niết bàn chẳng hạn, bạn sẽ thấy chẳng bao lâu nó sẽ dừng lại trên một chủ đề thú vị này hay kia, như con chim đáp xuống một cành cây, và bắt đầu nghĩ tưởng về điều đó. Đó là vitakka. Còn vicāra là sự tư duy liên tục về cùng chủ đề đó, sự chuyển dịch quanh quẩn bên nó, nói về nó, suy ngẫm kéo dài về nó. Điều thú vị cần lưu ý là loại tư duy này được cho là hồi quan và bị phủ bác mọi giá trị về nhận thức. Những suy ngẫm như vậy trên thực tế phải chấm dứt trước khi có thể tiến gần đến định. ■

(tiếp theo trang 26)

Lúc đầu tôi phải đổi thế ngồi 5, 6 lần, tay chân nhức mỏi, đầu óc rối nùi như cục chỉ. Dần dần ngồi yên được lâu, không còn cựa mình nhiều, ít đổi tư thế. Bốn lần, ba lần, hai lần và sau cùng là không còn đổi tư thế nữa, ngồi suốt buổi theo thế kiết già. Thân từ từ yên, tâm cũng bớt dao động. Tôi đã tập trung được nhiều vào hơi thở, cảm giác được điểm chạm. Đôi mắt không còn trở ngại nhiều nữa. Tôi tập nhìn mà không thấy, chỉ tập trung vào hơi thở (sau này tôi nhắm hẳn lại được, theo cách tu ở đây).

Có những lúc, sau khi đạt được một ít tiến bộ, thân tâm đã yên ổn không còn cựa quậy nhiều, bỗng dưng tôi bị khựng lại. Đầu óc trống rỗng, chai lì, dậm chân tại chỗ không biết bao lâu!... (Sau này tôi nghiệm ra, có lẽ do ảnh hưởng sức khoẻ). Trong những ngày ở đó, tôi đã 2 lần bị bệnh. Lần đầu bị ói mửa, và lần sau bị tiêu chảy. Mỗi lần như vậy, mệt cả tuần lễ. Lở mũi thường hay bị nghẹt, không tập trung tư tưởng vào điểm chạm được. Tai vì thiếu vận động, vì sức khoẻ yếu nên bị ù. Có những lúc muốn bỏ cuộc, nhưng nhờ lực của đại chúng thúc đẩy, nên tôi mới cố gắng vượt qua được. Thật là một thành công lớn...

"Thưa Thầy hôm nay con ngồi rất là yên. Độ 20 phút sau thì thấy tia sáng loé lên. Lúc đầu chỉ một đốm chớp, sau nhiều lần, và cuối cùng sáng ngập cả toàn thân..." "Tốt, anh hãy tập trung vào điểm xúc chạm, đừng để ý đến nó. Khi nào ánh sáng gom lại một điểm nơi điểm xúc chạm thì lúc đó anh mới có thể theo nó..."

Những lời khuyên của vị Pháp sư làm cho chú TL và tất cả chúng tôi đều hoan hỷ ghi nhận để tu tập...

Thời gian rồi cũng qua nhanh, thấm thoát đã đến ngày chúng tôi phải về lại Đức. Những ngày ở Trung tâm Pa-Auk thật nhẹ nhàng, an lạc. Trước khi đi, Sư phụ và các Thầy trong chùa Viên Giác đều lo ngại, sợ tôi không theo kịp thời khoá gặt gao hằng ngày ấy. Nhưng thấy tôi nhất quyết, người cũng chiều theo và nói: "Ừ thôi thì cứ thử đi, hy vọng lúc trở về sẽ có một chú Phật con!". Lời tiên đoán đó nay hình như đã trở thành sự thật vì lúc đi ba người, lúc về chỉ còn có hai. Một người đã tình nguyện ở lại tiếp tục tu: chú T.L.! Thật là một chuyện đi đặc biệt, bổ ích, khó quên. Tôi đã học được rất nhiều trong chuyến đi này: Một pháp môn vi diệu, một đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh, một đất nước xanh tươi tràn ngập chùa chiền và một dân tộc thuần thành, hiền hoà, chất phát... ■

Sự Khác Biệt Giữa

ĐỨC PHẬT LỊCH SỬ VÀ ĐỨC PHẬT TÔN GIÁO

TTTS. Thích Bửu Chánh
(tiếp theo)

Trong Tương ứng Bộ Kinh có một chương đặc biệt có đầu đề: "Tương Ứng Kosala" nói về các bài thuyết pháp của Đức Phật cho vua Pasenadi.

Đức Phật dạy có ba loại pháp, sẽ đưa đến bất lợi khổ não và bất an trú cho người. Đó là tham pháp, sân pháp, ái pháp.

*"Tham sân si ba pháp
Là ác tâm cho người
Chúng di hại tự ngã
Chúng tác thành tự ngã
Như vỏ và lõi cây
Tự tác thành trái cây"⁽¹⁾*

Lại nữa Đức Phật dạy: "Nhờ sự thân cận mới biết được giới hạnh của một người và đầu thân cận đi nữa cũng mất nhiều thời giờ phải thận trọng quan sát và phải sáng suốt thông minh. Người lơ đãng, không sáng suốt thông minh không đủ thời giờ quan sát, dầu có thân cận cũng không thể xét đoán đúng. Xuyên qua những cuộc đàm thoại hiểu được sự trong sạch của người khác. Trạng thái bất an, rồi ren nghịch cảnh hiểu được nghị lực và trong cuộc thảo luận hiểu được trí tuệ của người khác. Dầu vậy đi nữa, cũng phải mất nhiều thời giờ, thận trọng quan sát và phải sáng suốt thông minh"⁽²⁾

1. HT. Thích Minh Châu – Tương Ứng Bộ Kinh I – Viện Phật học Vạn Hạnh TP. HCM ấn hành năm 1982, trang 86.

2. Narada Thera Đức Phật và Phật pháp – Thành hội Phật giáo Tp.HCM ấn hành năm 1991, trang 186-187.

Đức Phật khuyên các đệ tử không nên xem thường hạng phụ nữ, phải xem phụ nữ ngang hàng với nam giới.

*"Này nhân chủ ở đời
Có một số thiếu nữ
Có thể tốt đẹp hơn
So sánh với con trai
Có trí tuệ giới đức
Khiến Nhục Mẫu thán phục
Rồi sinh được con trai
Là anh hùng quốc chủ
Người con trai như vậy
Của người vợ hiền đức
Thật xứng là đạo sư
Giáo giới cho toàn quốc"⁽³⁾*

Đức Phật thu phục tên sát nhân hung bạo Angulimala vào hạ thứ hai mươi, tên thật của Angulimala là Abimsaka (kẻ vô tội) Đức Phật cảm hóa được Angulimala nhờ qua cuộc đối thoại giữa Ngài và Angulimala. Angulimala hỏi tại sao Đức Phật không dừng lại mà nói là đã dừng lại, Đức Phật trả lời:

*"Angulimala, ta đã đứng rồi
Với mọi chúng sanh, ta bỏ trượng kiếm
Còn người hữu tình không tự kiềm chế"*

3. HT. Thích Minh Châu – Tương Ứng Bộ Kinh I – Viện Phật học Vạn Hạnh TP.HCM ấn hành năm 1992, trang 104.

Do vậy ta đứng, người chưa đứng⁴⁾”

Cuối cùng Angulimala theo Phật xuất gia và chứng A La Hán.

Đức Phật không chỉ thuyết pháp cho hàng vua chúa, trưởng giả mà Ngài còn giáo hóa cả đến gái giang hồ. Trên đường đi Kusinārā Ngài dừng lại ở Vesālī Ngài nghỉ ở vườn xoài của Ambapālī, nàng là người kỹ nữ nổi danh tài sắc của thành Vesālī. Sau này Ambapālī cũng xuất gia và đắc A La Hán.

Sự kiện Đức Phật tế độ tướng cướp Angulimala và nàng kỹ nữ Ambapālī chứng tỏ đạo từ bi mở rộng cửa cho tất cả mọi chúng sanh không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, đẳng cấp xã hội.

Đức Phật là một con người lịch sử như bao nhiêu con người khác, Ngài là một con người lịch sử cụ thể. Sinh hoạt của Ngài được chia làm năm giai đoạn: Buổi sáng, buổi trưa, canh đầu, canh giữa, canh chót.

Buổi sáng Ngài xem ai có duyên lành để tế độ thì Ngài đích thân đến để dẫn dắt chúng sanh ấy vào chánh đạo.

Buổi trưa sau khi giảng dạy hoặc kêu gọi chư vị đệ tử, Đức Phật lui về tịnh thất. Ngài nằm nghiêng mình một bên mặt và định thần một lát lúc dậy Ngài nhập Đại Bi định.

Vào buổi chiều thiện tín đến nghe pháp.

Vào canh đầu từ 6 giờ – 10 giờ đêm là khoảng thời gian Đức Phật dành cho các vị Tỷ Khưu vấn đạo, xin đề mục thiền định và nghe pháp.

Vào canh giữa từ 10 giờ – 2 giờ khuya Chư thiên và Phạm thiên hầu Phật và hỏi đạo.

Vào canh cuối cùng từ 2 giờ khuya đến 6 giờ sáng, chia làm bốn phần:

Từ 2 giờ – 3 giờ Đức Phật đi kinh hành.

Từ 3 giờ – 4 giờ Ngài nằm định thần nghiêng về tay mặt.

Từ 4 giờ – 5 giờ Ngài nhập Đại Bi Định.

Từ 5 giờ – 6 giờ Ngài xem xét có ai hữu duyên cần tế độ thì Ngài tế độ.

Như vậy Đức Phật, nhân vật lịch sử luôn luôn bận rộn với nhiệm vụ đạo đức. Tự nguyện sống đời vô sản đi trì bình khất thực mà không phiền lòng đến ai, rày đây mai đó để hoằng pháp độ sinh.

Đến năm 80 tuổi, trên đường đi Kusinara Ngài

tuyên bố với tôn giả Ananda là 3 tháng nữa Ngài sẽ nhập Níp Bàn.

Trước khi Ngài rời Rājagaha, vua A Xà Thế (Ajātasattu) có sáu vị đại thần tên Vassakāra đến thăm dò ý kiến Đức Phật về việc vua muốn gây chiến nước Vajjian. Đức Phật dạy ngày nào có 7 điều kiện sau đây còn được thực hiện thì dân tộc Vajjian không thể suy đồi, trái lại cường thịnh hơn trước:

1- Dân Vajjian còn tụ tập đông đảo.

2- Tụ họp trong tinh thần đoàn kết.

3- Không ban hành những đạo luật mới mẻ chưa được ban hành, không hủy bỏ những đạo luật có sẵn.

4- Còn tôn trọng hộ độ các vị trưởng lão.

5- Đàn bà, con gái xứ Vajjian không bị cưỡng ép.

6- Còn kính trọng, kính nể các tông miếu.

7- Còn ủng hộ, bảo bọc các vị A La Hán.

Nhân dịp này Đức Phật cũng dạy 7 điều kiện suy thịnh của chư Tỷ Kheo. Đức Phật dạy:

“Khi nào chúng Tỷ Kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời gian này các Tỷ kheo sẽ được cường thịnh không bị suy giảm”.

“Khi nào chúng Tỷ Kheo thường tụ họp và tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, thời này các Tỷ Kheo, thời này chúng Tỷ Kheo sẽ được cường thịnh không bị suy giảm”.

“Khi nào chúng Tỷ Kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với học giới được ban hành, này các Tỷ Kheo, chúng Tỷ Kheo sẽ được cường thịnh không bị suy giảm”.

“Này các Tỷ Kheo khi nào chúng Tỷ Kheo tôn sùng kính trọng đảnh lễ, cúng dường các bậc Tỷ Kheo thượng tọa, những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao, lập trường, bậc cha của chúng tăng, bậc thầy của chúng tăng và nghe theo những lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ Kheo, chúng Tỷ Kheo sẽ được cường thịnh không bị suy giảm”.

“Này các Tỷ Kheo, khi nào chúng Tỷ Kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ Kheo, chúng Tỷ Kheo sẽ được cường thịnh không bị suy giảm”.

“Này các Tỷ Kheo khi nào (xem tiếp trang 33)

4. HT. Thích Minh Châu – Trung Bộ Kinh II – Tu thư đại học Vạn Hạnh Sài Gòn năm 1974, trang 99.

Bộ đội Việt Nam chính là

ĐỘI QUÂN NHÀ PHẬT*

Đà Trang - Võ Văn Thành (thực hiện)

TT - Cởi mở và chân tình. Lúc mạnh mẽ quyết liệt, lúc trầm tư sâu lắng, Thủ tướng Campuchia Hun Sen dành hai tiếng rưỡi trả lời các nhà báo Việt Nam trong dịp dự lễ khánh thành di tích lịch sử địa điểm đoàn 125 tại Đồng Nai.

Đoàn 125 là tiền thân của lực lượng vũ trang đoàn kết cứu nước Campuchia. Chủ đề mở đầu và xuyên suốt, hẳn nhiên là về sự kiện 33 năm giải phóng Campuchia, lật đổ chế độ diệt chủng Pol Pot sắp kỷ niệm vào ngày 7-1. Ông nói:

- Không có gì vui hơn khi chúng tôi được giải phóng khỏi chế độ Pol Pot. Chúng tôi từng đứng trước cái chết và rồi được hồi sinh nhờ quân tình nguyện Việt Nam và phong trào đấu tranh của Mặt trận Đoàn kết cứu nước Campuchia.

*** Quân Đội Nhân Dân:** Gần đây tại phiên tòa xét xử tội ác diệt chủng của Khmer Đỏ, bị cáo Nuon Chea đã có những lời lẽ đi ngược lại lịch sử, đưa ra cáo buộc sai trái về quân tình nguyện Việt Nam, xin Thủ tướng cho biết ý kiến về việc đó?

- Tôi đã nghe những lời của Nuon Chea, một người có vai trò quan trọng trong chế độ Pol Pot và đã bị tòa xét xử trong mấy tuần lễ vừa qua. Ông ta không những không công nhận sai lầm của mình, mà còn đưa ra những cáo buộc đối trá đối với quân tình nguyện Việt Nam. Tôi cho rằng đó là lời nói dối của những kẻ sát nhân.

Có một logic của kẻ xấu là không bao giờ thừa nhận hành vi sai trái của mình, ông ta nói như vậy cốt để làm nhẹ tội của mình, cho nên chúng ta không cần phải đối đáp với ông ta mà hãy để cho tòa án xét xử. Thực tế đã diễn ra hoàn toàn không giống với những gì Nuon Chea đã nói. Sự thật là quân tình nguyện Việt Nam đã giúp giải phóng nhân dân Campuchia khỏi chế độ diệt chủng Pol Pot.

*** VNExpress:** Ông từng thể hiện sự phẫn nộ khi có người nói quân tình nguyện Việt Nam xâm lược Campuchia, vì sao như vậy?

- Tôi đã có phản ứng gay gắt về cách nói đó, vì hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam



tại Campuchia là từ sự yêu cầu của nhân dân Campuchia. Chúng ta có thể hỏi rằng trên thế giới này có đất nước nào đã giúp nhân dân Campuchia, đặc biệt là giải phóng khỏi chế độ diệt chủng Pol Pot và ngăn cản sự quay trở lại của chúng? Câu trả lời chính là nhân dân và quân đội Việt Nam! Thời gian Việt Nam rút quân khỏi Campuchia đã trôi qua hơn 20 năm, chính vì vậy chúng tôi càng không thể chấp nhận được cách nói xuyên tạc và hàm hồ như vậy.

*** Quân Đội Nhân Dân:** Nhân dân Campuchia gọi bộ đội Việt Nam là "Đội quân nhà Phật". Thủ tướng có thể chia sẻ về điều này?

- Nhân dân Campuchia có niềm tin là chỉ có tiên có Phật mới cứu giúp được những phận người khi gặp khó khăn khổ cực.

Đúng vào lúc người dân Campuchia sắp chết, chỉ còn biết chấp tay khẩn cầu tiên Phật tới cứu thì bộ đội tình nguyện Việt Nam xuất hiện. Bộ đội Việt Nam chính là đội quân nhà Phật.

"CAMPUCHIA LÀ MÓN HÀNG HAY SAO..."

*** Tuổi Trẻ:** Trong mối quan hệ Việt Nam - Campuchia có những ý kiến thường hay liên hệ tới một nước thứ ba. Thủ tướng nói sao đối với dư luận này?



- Đây là câu hỏi tốt. Tôi xin khẳng định quan hệ Campuchia - Việt Nam là thành tựu to lớn của hai nước được xây dựng và phát triển trong từng giai đoạn lịch sử, đặc biệt là giai đoạn giải phóng Campuchia khỏi nạn diệt chủng. Đảng đối lập vu cho tôi là nằm dưới sự chỉ đạo của Việt Nam, rồi họ lại nói Trung Quốc lôi kéo Campuchia, rồi có lúc lại nói Mỹ tranh thủ Campuchia. Tôi không hiểu. Campuchia là món hàng hay sao?... Tốt nhất chúng ta đừng bình luận gì cả, hãy cứ để thực tế có câu trả lời.

Tôi cho rằng bất kỳ nước nào cũng cần quan hệ với các nước khác. Việt Nam có nhu cầu quan hệ với Trung Quốc, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu... Campuchia cũng cần quan hệ với các nước trên thế giới, chúng ta không nghe theo những điều sai trái. Chẳng hạn họ nói nên quan hệ với nước này, đừng quan hệ với nước kia..., đó không phải đường lối chính trị của chúng tôi.

*** Tuổi Trẻ:** Thưa Thủ tướng Hun Sen, hai tiếng "Việt Nam" luôn gợi lên cho ông điều gì?

- Tôi không thể nói hết những ý nghĩa xuất phát từ hai tiếng Việt Nam, nhưng tôi có thể nói ngắn gọn hình tượng rằng: "Việt" là sự hồi sinh của Campuchia - "Nam" là sự phát triển của Campuchia từ trước đến nay.

*** Tuổi Trẻ:** Tháng 10-2008, báo Tuổi Trẻ có đăng loạt bài về Thủ tướng Hun Sen trích từ một cuốn sách viết về ông, sau loạt bài này báo nhận được rất nhiều hồi âm mong muốn Thủ tướng chia sẻ thêm về những trải nghiệm trong cuộc sống của mình, những điều ông muốn gửi gắm đối với giới trẻ?.

- Khi tôi rời Campuchia đến Việt Nam để tìm kiếm sự giúp đỡ chống lại chế độ diệt chủng Pol Pot, tôi mới 25 tuổi. Sau đó tôi trở thành Bộ trưởng ngoại giao lúc 27 tuổi. Năm 32 tuổi tôi trở thành Thủ tướng của Campuchia, lúc bấy giờ là một trong những Thủ tướng trẻ nhất thế giới. Như vậy, tôi nghĩ rằng vẫn đề không phải là trẻ hay già, không phải chỉ người già mới làm lãnh đạo được. Kinh nghiệm của tôi cho thấy sẽ là bảo thủ khi ai đó cứ nghĩ đến tuổi già của mình và ngăn cản tuổi trẻ, đó là một sai lầm.

Trước đây ở Campuchia mọi người cũng thường hỏi về lý lịch, hỏi về tuổi ai đó trước khi đề bạt họ. Tôi đã đấu tranh với vấn đề này bằng cách thể hiện mình trong vai trò người chỉ huy quân đội và xây dựng lực lượng quân đội. Không phải những người trên dưới 30 tuổi thì không làm Bộ trưởng, làm Thứ trưởng được mà phải đợi đến khi 40 hoặc 50 tuổi, vấn đề là chúng ta có dám trao công việc cho người trẻ hay không (còn tiếp).■

(*) Trích câu nói của Thủ tướng Hun Sen

(tiếp theo trang 31)

chúng Tỳ Kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỳ Kheo, chúng Tỳ Kheo sẽ được cường thịnh không bị suy giảm".

"Này các Tỳ Kheo, khi nào chúng Tỳ Kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở được sống an lạc, thời này các Tỳ Kheo, chúng Tỳ Kheo sẽ được cường thịnh không bị suy giảm⁽⁵⁾".

Nhìn lại chặng đường hành trình của những ngày cuối cùng của Đức Phật, ta thấy từ Vương Xá tại núi Linh Thứu Ngài đi đến núi Ambalattikā, Nalanda, Pataligāma, vượt qua sông Hằng hướng đến Kotigāma, Nādikā, Vesālī, Veluvana tại đây Đức Phật an cư trong 3 tháng và viếng thăm đến Capala, giảng đường Kutagara ở Mahavana. Rồi Ngài đi đến Bhandagāma, Hatthigāma, Ambagāma, Jambugāma, Bhoganagarapāva, và cuối cùng là Kusināra⁽⁶⁾.

Nhìn lại những hoạt động trong những ngày tháng cuối cùng chúng ta càng thấy rõ tâm hồn của Đức Phật, một con người lịch sử cụ thể đã có những hoạt động cụ thể vì hạnh phúc, lợi ích, an lạc cho quần sanh.

Trên đường đến Kusināra Đức Phật tế độ cho người thợ rèn Cunda, sau khi thợ thực do thợ rèn Cunda cúng dường Ngài bị bệnh kiết lỵ nặng nhưng Ngài vẫn giữ tinh thần bình thản và tiếp tục lên đường đến Kusināra, Ngài đến tại vườn cây Sālā ở Kusināra nơi có bộ tộc Mallas. Ngài bảo Ananda chuẩn bị cho Ngài nằm nghỉ đầu về hướng Bắc, nằm nghiêng mình, chân phải để lên chân trái. Người đệ tử cuối cùng được Đức Phật tế độ là du sĩ Subhadda. Subhadda xuất gia với ngài Ananda, sau một thời gian tinh tấn hành trì đã trở thành A La Hán.

Trên đây là tóm tắt một cách tối thiểu về lịch sử Đức Phật Thích Ca với mục đích chứng minh rằng Đức Phật Thích Ca là Đức Phật lịch sử, có một lịch sử rõ ràng cụ thể, có đời sống bình thường như tất cả mọi người trên thế gian. Ngài được cha mẹ sinh ra, lớn lên, được giáo dục học hành, có gia đình... khi va chạm vào thực tế đầy rẫy những khổ đau Ngài ý thức được bản chất đời sống của thế gian và đi tìm phương pháp thoát khổ (còn tiếp).■

5. HT. Thích Minh Châu – Trung Bộ Kinh III – Tu thư đại học Vạn Hạnh Sài Gòn ấn bản năm 1972, trang 76-77.

6. Theo kinh Đại bát Niết Bàn – Trường bộ III. Tu thư Đại Học Vạn Hạnh xuất bản 1972. HT. Thích Minh Châu dịch.

TẾT CỔ TRUYỀN CÁC DÂN TỘC

Theo Bách khoa toàn thư



LỄ HỘI TẾT KHMER: CHÔL CHNĂM THMÂY

Chôl Chnăm Thmây (hoặc Chaul Chnam Thmay) là lễ hội mừng năm mới theo lịch cổ truyền của dân tộc Khmer. Lễ Chôl Chnăm Thmây cũng là những ngày Tết của Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka. Ngoài tôn giáo chính là Phật giáo, người Khmer còn tin rằng mỗi năm có một vị thần trên trời (Têvôđa) được sai xuống để chăm lo cho cuộc sống và con người trong năm đó, hết năm lại về trời để vị thần khác xuống hạ giới. Những ngày này trở thành, lễ hội truyền thống của cả cộng đồng. Tổ chức nhiều trò vui như đốt đèn trời, đốt ông lói, đánh quay lửa... Các cụ già kể cổ tích, thần thoại, chuyện cũ cho con cháu nghe.

* Thời gian

Thường tổ chức khoảng đầu tháng Chết của lịch Phật giáo Khmer (khoảng giữa tháng 4 dương lịch). Kéo dài trong 3 ngày, năm nhuận kéo dài 4 ngày, tên gọi mỗi ngày tết khác nhau.

- Ngày đầu tiên có tên: Moha Songkran (Chôl sangkran Chmây)

- Ngày thứ hai có tên: Wanabat (Wonbô)

- Ngày thứ ba có tên: Tngai Laeung Saka (Lơm sắ)

- Nếu năm nhuận cũng có tên là: wonbô

Trong các ngày này mọi người đi thăm hỏi lẫn nhau, chúc nhau tài lộc, sức khỏe, phát đạt và cùng nhau tham gia các trò vui. Thời gian có khi kéo dài hơn tuần mới trở lại cuộc sống thường nhật.

* Chuẩn bị

Gia đình nào cũng tập trung ăn mặc đẹp, các trẻ em được may sắm những bộ quần áo mới. Mọi nhà đều sửa sang, quét dọn, trang trí lại, chuẩn bị đồ ăn thức uống đầy đủ cho những ngày tết. Trước đây, người ta giã gạo, chà gạo sẵn, làm bánh. Ngày nay, họ chuẩn bị gạo đầy đủ, cùng các đồ ăn như bánh trái, hoa quả, cá, thịt, rau... tất cả đều sẵn sàng. Mọi công việc thường ngày đều dừng lại, mọi người nghỉ ngơi, trâu bò thả tự do. Người người hào hứng chăm lo cho ngày tết. Sửa sang nhà cửa, chuồng trâu chuồng bò đều phải đầy rơm.

* Đêm giao thừa

Nhà nào cũng làm cỗ, thắp hương, đốt đèn, cúng tiễn đưa vị Têvôđa cũ, đón rước Têvôđa mới. Trên bàn thờ có bày sẵn 5 nhánh hoa, 5 cây đèn cầy, 5 cây nhang, 5 hạt cốm và nhiều loại cây quả. Cả gia đình ngồi xếp chân trước bàn thờ tổ tiên, khấn vái, mong và tin rằng sẽ được thần ban phước lành.

TẾT THÁI LAN

Người Thái Lan gọi ngày Tết cổ truyền mừng năm mới là Songkran (chữ Thái Lan: สงกรานต์). Ngày Tết được tổ chức từ ngày 13-15/4 để đón năm mới. Đây là thời điểm người Thái tỏ lòng kính trọng với Đức Phật, dọn dẹp nhà cửa, té nước vào người cao tuổi nhằm tỏ lòng tôn kính. Trong thời gian diễn ra lễ hội, nhiều cuộc diễu hành, thi sắc đẹp được tổ chức.



Ngoài ra, người ta còn nấu các món ăn truyền thống và mặc các trang phục nhiều màu sắc. Đặc biệt, trong tết Songkran, người dân sẽ té nước lên nhau bằng xô, súng phun nước, bóng...những người càng được té nhiều nước càng may mắn. Lễ hội này có nét giống Lào và Campuchia, tuy nhiên, mỗi nước có nghi thức lễ và hội có vài chi tiết khác nhau.

* Tắm Phật

Ở Thái Lan, Phật giáo là quốc giáo vì vậy nước này ăn tết theo Phật lịch. Theo Phật lịch, năm mới bắt đầu bằng ngày Đản sinh của Đức Phật 15/4 và ngày lễ chính thức được mở đầu bằng lễ tắm Phật trên chùa. Sau lễ tắm Phật, mọi người bắt đầu chào mừng năm mới bằng hội té nước. Từ năm 1941, Hoàng gia Thái đã quy định rằng ngày Tết Songkran bắt đầu vào ngày 13-4 mỗi năm.

* Nguồn gốc Songkran



Lễ hội Té nước của người Thái Lan

Từ Songkran xuất phát từ tiếng Phạn, với nghĩa "Lúc thời gian chuyển dịch, mặt trời đi từ khu vực Hoàng Đạo sang khu vực Kim Ngưu trong vũ trụ", mọi người đón mừng Đản sinh Đức Phật bằng việc phun nước vào người nhau để gột rửa hết buồn

phiền đón mừng năm mới. Mọi người lên chùa dự lễ tắm Phật và mang trái cây cùng những món ăn chay cúng các vị sư, đồng thời thả chim lên trời phóng sinh, sau đó là chúc thọ cha mẹ, ông bà, rồi lấy nước thơm cho vào phun lên người nhau để chúc phúc.

TẾT MIỀN ĐIỆN

Thingyan (MLCTS: sangkran, từ bắt nguồn từ tiếng Pali sankanta, nghĩa là sự di chuyển của mặt trời từ cung Song Ngư sang cung Dương Cưu) là Tết té nước năm mới của Miền Điện, thường rơi vào giữa tháng tư (theo lịch Miền Điện cổ). Ngày lễ diễn ra trong 4 hoặc 5 ngày năm mới. Theo truyền thống, thời điểm diễn ra Tết được tính theo âm lịch Miền Điện nhưng ngày nay được cố định từ ngày 13 đến 16 tháng 4, trùng vào dịp lễ Phục Sinh của các nước phương Tây. Tết Thingyan là một ngày lễ quan trọng nhất trong các kỳ nghỉ lễ và là một phần của kỳ nghỉ hè sau một năm học. Té nước là một phần đặc trưng nhất của lễ hội này và thường diễn ra vào 4 ngày đầu tiên của kỳ lễ. Thingyan tương tự như các lễ hội năm mới ở các nước theo Phật giáo Nguyên Thủy như tết Lào, tết Campuchia và tết Thái Songkran.

* Lịch sử



Bức tranh được cho là cổ nhất của văn hóa Miền Điện

Nguồn gốc của Thingyan là từ đạo Phật chứ không phải từ đạo Hindu. Đấng Sáng tạo Brahma tối cao, tên là Arsi đánh mất vào tay của vua quỷ Sakra (Thagya Min), người đã đặt một cái đầu voi lên thân thể đấng Sáng tạo, khiến cho Ngài biến thành thần voi Ganesha. Đấng Sáng tạo có quyền năng lớn đến nỗi nếu đầu voi của Ngài bị ném xuống biển, nó sẽ làm cho biển cả bốc hơi hết. Nếu nó bị ném lên trời, bầu trời sẽ bốc cháy. Sakra, do đó, đã ra lệnh cho mỗi năm sẽ có một hoàng tử quý lần lượt mang cái đầu của Brahma trên người. Do vậy, năm mới là thời điểm đánh dấu việc chuyển giao cái đầu của Brahma. (còn tiếp).■



Tiếng chuông chùa nơi Trường Sa giá trị gấp nhiều lần

Huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa có rất nhiều ngôi chùa đã được người Việt xây dựng và gìn giữ từ lâu. Được sự quan tâm tạo điều kiện của chính quyền huyện đảo, hoạt động của các nhà chùa ngày càng phát huy hiệu quả, đáp ứng đời sống tôn giáo của nhân dân trên đảo.

Theo Đại đức Thích Giác Nghĩa: Tiếng chuông chùa nơi đất liền rất giá trị, tiếng chuông chùa nơi đầu sóng ngọn gió Trường Sa giá trị gấp nhiều lần.

Được sự chấp thuận của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Khánh Hòa, sắp tới 6 vị chư tăng sẽ ra huyện đảo Trường Sa để hành đạo. PV VOV phỏng vấn Đại đức Thích Giác Nghĩa, hiện đang trụ trì chùa Vạn An và chùa Phước Trí, thành phố Nha Trang là người sẽ ra trụ trì chùa Trường Sa Lớn.



Đại đức Thích Giác Nghĩa



Hải Sơn

PV: Thưa Đại đức, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Khánh Hòa vừa chấp thuận để Đại đức và các chư tăng ra tu hành tại các chùa ở quần đảo Trường Sa, vậy thầy trò đón nhận thông tin này như thế nào?

Đại đức Thích Giác Nghĩa: Từ tâm nguyện chúng tôi 3 lần ra đó để làm đại lễ cầu siêu, bằng sự tri ân, sự thương tưởng đó, cá nhân tôi và các thầy ra đó để tu hành, để hướng tâm lên tam bảo cầu nguyện những anh em của chúng ta đã bỏ mình trên biển Đông được nhẹ nhàng siêu thoát. Đó là những tiếng nói tri ân, hành động tri ân đối với những người hy sinh cho dân tộc. Vì vậy, chúng tôi phát nguyện ra đó để tu hành.

PV: Đã 3 lần đến Trường Sa, nghe được tiếng chùa nơi đầu sóng ngọn gió, điều đó gợi lên cho Đại đức điều gì?

Đại đức Thích Giác Nghĩa: Tiếng chùa nơi đất liền rất giá trị, tiếng chuông chùa nơi đầu sóng ngọn gió Trường Sa càng giá trị gấp nhiều lần. Vì nơi đó, Phật pháp đã có từ lâu, qua thời gian gián đoạn vì điều kiện khó khăn, cho nên người sống ở đó rất cần tiếng chuông chùa, tiếng kinh, tiếng kệ, tiếng mõ... gửi gắm tình cảm thân thương, quý trọng, tri ân.

PV: Vậy chuyến đi lần này, Đại đức đã chuẩn bị tâm thế như thế nào?

Đại đức Thích Giác Nghĩa: Tôi nghĩ rằng, trước đây các bậc cha ông của mình đã sinh sống ngoài đó, đã tạo chùa. Và thời gian trước rất khó khăn, vậy thì nay chúng ta tiếp tục kế tiếp duy trì mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc chúng ta. Cho nên, chúng tôi đem hết tâm tư, nguyện vọng của mình và thời gian còn lại để tu tập. Đối với công dân của đất Việt, chúng ta phải có trách nhiệm bảo vệ và duy trì mảnh đất thiêng liêng của chúng ta.

PV: Đã 30 năm xuất gia và đang trụ trì tại 2 ngôi chùa tại TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, vậy Đại đức đã sắp xếp Phật sự trong đất liền như thế nào?



Đại đức Thích Giác Nghĩa trả lời PV của phóng viên VOV

Đại đức Thích Giác Nghĩa: Sau 3 lần ra làm lễ cầu siêu và thấy được trách nhiệm và bổn phận mình phải làm gì. Vì vậy, tôi nghĩ rằng trong đất liền còn nhiều chư tăng hướng dẫn đồng bào tu học nhưng ở ngoài đó, hoạt động Phật pháp khan hiếm chư tăng. Nên chúng tôi, sắp xếp công việc của 2 ngôi chùa trong này giao lại cho các đệ tử để ra thời gian dài hướng dẫn nhân dân ngoài biển đảo.

PV: Lại thêm một chuyến đi xa dài ngày, chắc hẳn Đại đức và các vị chư tăng sẽ phải vượt qua nhiều khó khăn trong chuyến đi này?

Đại đức Thích Giác Nghĩa: Cuộc sống người tu hành đơn giản không có gì. Điều kiện có phần khó khăn, tất cả chúng tôi những đệ tử của Phật, không có gì ảnh hưởng lý tưởng chúng tôi đã phát nguyện. Ra đến đó, chúng tôi hướng tâm lên sự tu hành là cái cần thiết hơn hết. Chuyến đi này chúng tôi đã chuẩn bị hành trang đầy đủ, hành trang đó là toàn tâm toàn ý để sống còn với mảnh đất thiêng liêng với chân lý giải thoát của Phật pháp. Với một người dân phải có bổn phận với dân tộc mình.

PV: Từ xa xưa trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa đã có người dân Việt, các ngôi chùa từ đó mà cũng hình thành. Hơn thế nữa, các chư tăng cũng từng có mặt trên đảo, việc này nói lên dân tộc Việt Nam đi đến đâu là đền chùa miếu mạo đến đó, thưa Đại đức?

Đại đức Thích Giác Nghĩa: Người Việt Nam đi đến đâu, lập đền để thờ những vị ân nhân, những vị khai ấp, lập làng, khai phá ra chỗ đó, thờ để tri ân. Họ lập chùa để thờ Phật, để cầu an. Cho nên chỗ nào người Việt Nam đến thì chỗ đó có đình chùa miếu mạo. Và người dân Việt Nam cũng từng ra đó để duy trì, bảo vệ. Cho nên, những ngôi chùa ngoài đó hôm nay được Giáo hội và Nhà nước quan tâm trùng tu sửa chữa. Chư tăng chúng tôi tiếp tục ra để duy trì và bảo vệ di sản mà các bậc tiền nhân đã hy sinh và đã tạo ra.

PV: Lần này ra Trường Sa hành đạo, hành trang của Đại đức và các vị chư tăng sẽ có nhiều khác biệt so với những lần trước?

Đại đức Thích Giác Nghĩa: Trải qua thời gian cho nên các pháp khí, dụng cụ bị hư hỏng mai một. Cho nên ra Trường Sa chuyến này, chúng tôi chuẩn bị thêm trống đại, trống nhỏ, mõ, kinh kệ... Tất cả những pháp khí để thờ trong ngôi chùa và những cái để hành trì trong đời sống tu hành thì chúng tôi đã chuẩn bị và chờ ngày ra Trường Sa!

PV: Xin cảm ơn Đại đức, chúc Đại đức vững tâm thực hiện Phật sự tại Trường Sa. ■

Nhịn

Duy Thiện

Nhịn đời hạnh phúc tẩm thân yên
Nhịn sự hờn thua khỏi lụy phiền
Nhịn kẻ hung hăng lòng độ lượng
Nhịn lòng hiếu thắng cõi thần tiên
Nhịn cha mẹ người con hiếu
Nhịn anh nhịn chị anh chị hòa
Nhịn vợ nhịn chồng nhà hạnh phúc
Nhịn xóm láng giềng nghĩa thâm giao

Càng nói nhiều càng phiền não
Càng phiền não càng muốn nói nhiều

(Thiền sư Ajan Chah)

Nhơn tính không bằng nghiệp định
Đức thắng tài người quân tử
Tài thắng đức kẻ tiểu nhân
Nhân tham tiền tức tử
Điểu tham thực tắc vong
Hữu ngân sống
Vô ngân chết.

KHAM NHẪN - Khổ Hạnh Tối Thượng

TK. Trung Thiện

(tiếp theo & hết)

Rồi Tôn giả Punna hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, rồi bộ hành đi đến xứ Sunàparanta. Ngài tuần tự bộ hành và đến xứ Sunàparanta. Tại đây, Tôn giả Punna trú tại xứ Sunàparanta.

Và trong mùa mưa ấy, Tôn giả Punna độ cho khoảng 500 cư sĩ. Cũng trong mùa mưa ấy, Tôn giả chứng được ba minh. Và cũng trong mùa mưa ấy Tôn giả Punna viên tịch.

Rồi nhiều Tỳ khưu đi đến Thế Tôn...

Ngồi xuống một bên, các Tỳ khưu ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, thiện gia nam tử Punna, sau khi được Thế Tôn giáo giới một cách văn tắt, đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy thế nào?

-- Bậc Hiền trí, này các Tỳ khưu, là thiện nam tử Punna. Sở hành là đúng pháp và thuận pháp. Vị ấy không làm phiền não Ta với những kiện tụng về pháp. Hoàn toàn tịch diệt, này các Tỳ khưu, là thiện nam tử Punna.

Như thế bậc Kham Nhẫn, Trí Tuệ tròn đủ, không chất chứa tâm sân hận trong bất cứ hoàn cảnh nào, xứng danh bậc tối thượng, được chư Thiên và loài người chấp tay lễ bái cung kính, được các đồng Phạm hạnh noi gương và học tập:

Voi luyện, đưa dự hội,

Ngựa luyện, được vua cưỡi,

Người luyện, bậc tối thượng

Chịu đựng mọi phi báng.

Kham Nhẫn là sự hỗ trợ mạnh mẽ cho Tinh Tấn, trong khi nỗ lực thiền tập, những cảm thọ nhức

mỏi, đau đớn có thể xuất hiện, nhưng với sức mạnh Kham Nhẫn sẽ vượt qua. Người nào có Kham Nhẫn người ấy cũng sẽ có dũng mãnh tinh cần trong mọi thiện pháp.

Có ba trường hợp, này các Tỳ khưu, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Thế nào là ba?

Các ác bất thiện pháp chưa sanh, cần nhiệt tình làm mạnh đừng cho sanh. Các Thiện pháp chưa sanh, cần nhiệt tình làm mạnh để cho sanh. Để chịu đựng các thân thọ khổ đã sanh, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, cần nhiệt tình làm mạnh. Có ba trường hợp, này các Tỳ khưu, nhiệt tình cần phải làm mạnh.

Khi nào Tỳ khưu, này các Tỳ khưu, đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh, nhiệt tình làm mạnh đừng để cho sanh, đối với các pháp thiện chưa sanh, nhiệt tình làm mạnh để cho sanh khởi. Để chịu đựng các thân thọ đã sanh, khổ đau, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, nhiệt tình làm mạnh. Tỳ khưu ấy, này các Tỳ khưu, được gọi là vị có nhiệt tình, thận trọng, chánh niệm để chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Thật sự khi hành thiền miên mật, thân có thể sẽ cảm thọ không ít khổ thọ. Đi nhiều thì mỏi chân, ngồi nhiều thì mỏi lưng, đứng nhiều thì mỏi cổ, hành giả nên kham nhẫn, vì không lẽ cứ thay đổi oai nghi luôn luôn được sao? Thay đổi oai nghi quá thường xuyên làm sự Định Tâm suy giảm. Nhưng với Kham Nhẫn, chịu đựng, tinh tấn được duy trì sẽ dẫn tới chứng ngộ.

Đặc biệt khi bệnh tật, tai nạn xảy đến, Kham Nhẫn là điều kiện đầu tiên cho sự an vui, định tĩnh



của Tâm.

Kham nhẫn là người bạn thân thiết, gần gũi và giúp đỡ hiệu quả cho tất cả mọi người, nhất là những vị sống độc cư nơi trú xứ xa vắng, đi lại khó khăn, thuốc men thiếu thốn, vật thực ít ỏi.

Kham nhẫn tác thành sự hộ trì cho vô lượng chúng sinh:

Và này các Tỳ khưu, thế nào trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình? Chính do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng ai mẫn. Như vậy, này các Tỳ khưu, trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình.

"... Hồi đó tôi sống ở vùng rừng núi, một lần sơ suất, bước gần một tổ ong đất với tâm trạng lo sợ, bầy ong ấy ngay lập tức tấn công. Tôi bị vài vết chích. Thật sự rất đau đớn, cảm thọ khốc liệt vì loài ong này tôi biết là rất độc, ở quê tôi, chỉ bị bảy, tám mũi chích của nó có người đã chết. Nọc độc của ong khiến cho căn bệnh đau bao tử của tôi tái phát trở lại, tôi chỉ nằm một chỗ, không ăn gì, chịu đựng, kham nhẫn và cố sức Chánh Niệm ghi nhận các vết đau nhói, da diết suốt cả ngày hôm đó, cho đến hơn 12 giờ đêm. Thật sự khi đã chịu đựng được, chấp nhận hoàn toàn, chỉ thả lỏng thân, buông xả tâm thì thấy cảm thọ chỉ là cảm thọ, dù là rất nổi trội, nổi bật nhưng thật sự tâm không hề thấy khó chịu gì, vẫn tĩnh lặng. Lúc đó có thể

thấy rõ sự biến đổi của vết đau, sự phụ thuộc của nhịp tim, hơi thở đối với thọ khổ ấy, thật là chưa từng biết trước đây. Như xem một bộ phim Khám Phá Thế Giới hoàn toàn mới mẻ vậy. Kỳ diệu thay là sức mạnh của Kham nhẫn, vô lượng thay là giá trị của Định của Niệm..."

Kham nhẫn là liều thuốc cực mạnh giúp chữa trị không những Tâm bệnh mà cả thân bệnh:

"...Trong một mùa đông, giữa đêm khuya, tôi chợt tỉnh giấc bởi cơn ho liên tục khác thường, thấy đầu nóng ran lên, nhưng toàn thân lại lạnh. Mình bị cái gì rồi đây. Với một niềm tin khác thường vào thiền tập, niềm tin vào tư thế ngồi kiết già cao thượng của ba đời Chư Phật (bình thường khi hành thiền tôi cũng đã ngồi như vậy), tôi ngồi dậy, bắt chéo chân và tự nhủ rằng: Ta sẽ ngồi đây, và đón nhận tất cả. Thật sự là kham nhẫn với những cơn ho như xé phổi, toàn thân nóng bừng lên như trong lò lửa, mồ hôi vã ra. Hoặc là ta sẽ chết, hoặc là cơn bệnh này sẽ chết, tôi kiên quyết hành trì như vậy, cho đến gần sáng. Sau khi đi kinh hành và nằm nghiêng lưng đôi chút, tỉnh dậy thì thấy thân thể nhẹ bồng, cân bằng, không còn thấy sốt nóng nữa. Nhưng vẫn còn ho, thậm chí chỉ cần không đi vớ là đã ho rồi. Sau gần hai tuần thiền tập, căn bệnh đã gần như khỏi hẳn. Một chú Phật tử làm nghề thầy thuốc Đông y, bảo tôi rằng, sư bị dẫn phế quản rồi, phải uống thuốc mới nhanh khỏi... Đến khi đó tôi mới biết là mình đã vượt qua được một thử thách không nhỏ..."

Một lần nữa với kham nhẫn và tinh cần, vị xuất gia đã vượt lên.

Quả thật với những bậc xuất gia, không có người thân chăm sóc, chỉ có vài ba huynh đệ thì Kham nhẫn là sự hỗ trợ đặc lực nhất để vượt qua mọi chướng ngại của bệnh tật, với họ chính trong lúc đó là giây phút tu tập giá trị.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỳ khưu, một người bị bệnh là người săn sóc bệnh mình được tốt đẹp. Thế nào là năm?

Làm điều thích đáng; biết vừa phải trong khi chữa trị; có sử dụng thuốc; với người săn sóc bệnh muốn lợi ích (cho mình); như thật nói rõ bệnh hoạn: Khi tăng tiến là tăng tiến như vậy, khi giảm thiểu là giảm thiểu như vậy, khi đứng lại là đứng lại như vậy; đối với các thọ khổ thuộc về thân khởi lên khốc liệt, cường liệt, mãnh liệt, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng, có thể nhẫn chịu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỳ khưu, một người bị bệnh là người săn sóc bệnh mình được tốt đẹp (xem tiếp trang 47).

Sen Hồng Nâng Gót Tĩnh

B.C.T

Sen hồng thấp sáng trên sông
Hương giang khoác áo mệnh mỏng gió ngàn
Bụi về gieo rắc tình thương
Trần gian huyền nhiệm khai nguồn đạo tâm ...

Cõi Mộng

Hiền Khánh - Hoa Huệ

Giã từ cõi mộng người ơi!
Đã là bể khổ ngập lời oán than
Vương mang chi cảnh bể bàng
Lời qua tiếng lại thế gian chẳng lường
Khen chê tốt xấu lạ thường
Thương yêu ganh ghét chán chường chúng sanh
Biết rằng cảm giác đã đành
Mà sao cứ mãi loanh quanh miệt mài
Để tâm giao động tháng ngày
Hành trang mang nặng u hoài thương đau
Quay đầu dứt nạn trần lao
An nhiên tự tại trắng sao cõi lòng
Mong ai chung lối tương đồng
Xa rời cõi mộng bên trong Phật về.

Dấu Xưa

Tưởng nhớ Hòa thượng Thích Hộ Nhẫn

B.C.T

Sớm chiều chân đất, vai trần
Tay ôm bình bát gieo trồng phước duyên
Lên đồi Quảng Tế thiêng liêng
Nhớ người hành giả bên triền phù vân ...

Cõi Vê

N.T

Vu vơ ngấm giọt chiều rơi
Vài ba chiếc lá lơ lửng lìa cành
Gót chân ai độc bộ hành
Hạt sương năm cũ thấp xanh cõi về.

TRẦN TỬ VĂN

báo văn khiêm toàn

1. Nhà văn: Bút pháp và văn chương của anh khá sống động và lôi cuốn. Câu cú gãy gọn, ngữ pháp chặt chẽ, khéo dùng từ, diễn đạt phong phú và đa dạng. Anh có hơn 30 tác phẩm văn học đã phát hành và là tác giả kịch bản của 8 bộ phim: Xóm nước đen, Đoạn cuối ở Bangkok, Không thể siết cò, Đô la trắng... đã được trao tặng 8 giải thưởng quốc gia về báo chí, văn học và điện ảnh. Tác phẩm của anh lôi cuốn người đọc vừa thực tế trong cuộc sống, văn chương khá hay, tình tiết đa dạng, nhân vật chính trong câu chuyện, thường ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ. Hiện nay, nhà văn thì nhiều, nhưng tên tuổi và tác phẩm vượt thời gian thì hiếm. Nếu như một nhà văn nhìn con người và xã hội để phản ánh vào tác phẩm văn chương đã là khó, thì tác phẩm đó có in để phổ biến đến mọi người và được mọi người đón nhận xem như người bạn thân để bên chén trà, ly cà phê, chiếc võng đong đưa mà chiêm nghiệm triết lý sống tốt đời đẹp đạo lại càng khó hơn. Điểm đáng chú ý nhất là tác phẩm của anh không dừng ở đó, mà còn phát huy thêm một chân trời mới, đó là tác phẩm được dựng thành phim ảnh. Biến nhân vật trong sách vở trở thành nhân vật trong phim ảnh, giúp người xem hiểu rõ tình tiết câu chuyện một cách phong phú, sống động, thiêng liêng và trữ tình hơn. Có thể nói nhà văn đã chạm đến "Đỉnh núi Phan-xi-păng nghệ thuật".

2. Nhà báo: Nhà văn viết trên sách, nhà báo viết trên báo, tuy hai nhưng là một. Bởi nhà văn và nhà báo đều nhìn con người và xã hội phản ánh tác phẩm, bài viết thực tế sẽ gần gũi và đem lại cái nhìn mới lạ hơn cho người đọc về nhân sinh quan. Là một nhà văn đã khó, trở thành nhà báo lại càng khó hơn. Nghề viết báo là một nghề rất nhạy cảm, người thương cũng nhiều mà người ghét cũng không ít. Đôi khi, sự nổi tiếng lại được tạo nên bởi ganh ghét và đố kỵ của con người, vì bản chất của cuộc đời là trung ngôn nghịch nhĩ, cho nên người viết báo thâm niên phải chấp nhận thực tế phũ phàng ấy mới có thể trở thành một nhà báo gương mẫu, đạo đức, và biết bảo vệ công lý cố nhiên phải trung thành với Đảng, Nhà nước. Trần Tử Văn, đặc biệt có cả hai, vừa là nhà văn, vừa là nhà báo.

3. Nhà đạo đức: Nhà văn, nhà báo sống tốt, tư cách lương thiện, ngôn từ khiêm tốn chính là nhà đạo đức. Nhà đạo đức chẳng qua làm tốt cho



Nhà báo Trần Tử Văn

ĐĐTS. Thiện Minh

Trần Tử Văn - một tên gọi khá thân thương và quen thuộc mỗi khi đọc tờ báo Công An vào ngày thứ ba và thứ bảy hằng tuần. Tôi quen biết với anh hơn 5 năm qua trong công tác Văn hóa và Từ thiện Xã hội. Càng thân, gần, tôi càng quý mến và kính trọng anh ở những tài năng và đức độ sâu lắng tìm ẩn trong mẫu người, giống như viên ngọc quý càng ngắm, càng nhìn thì lại càng đẹp. Đối với anh, tôi có một số cảm tưởng rất ấn tượng ở bốn chức danh: Nhà văn, Nhà báo, Nhà đạo đức và Nhà sưu tầm cổ vật.

xã hội, làm đẹp gia đình, làm thanh cao bản thân. Hơn 30 năm qua, anh Trần Tử Văn đã cống hiến trí tuệ của mình cho văn hóa Việt Nam qua những tác phẩm, bài viết. Gia đình anh khá hạnh phúc, các con đều trưởng thành. Bản thân anh dù chưa phải là người Phật tử, nhưng việc làm của anh hằng ngày không kém một Phật tử thuần thành và ngoan đạo. Điểm đáng trân trọng, anh và Ban Biên tập báo Công An đã khéo léo đưa hình ảnh giới thiệu đình, chùa, miếu trên trang báo rất phong phú và đa dạng, đây là việc làm vô tiền khoáng hậu. Điều đó nói lên tính văn hóa và dân tộc, nhưng càng chứng tỏ một điều rằng Ban Biên tập và anh làm văn hóa luôn có chữ "Tâm". Đúng với câu: "Trăm năm tóc đã bạc màu, chữ Tâm sống mãi giữa màu thời gian".

4. Nhà sưu tầm cổ vật: Đây là thú giải trí lành mạnh và cao thượng. Người có phong cách này, trước hết phải có tâm hồn hoài cổ. Trần Tử Văn hiện nay là Phó Tổng Biên tập báo Công An TP. Hồ Chí Minh, ngoài nghề nghiệp chính của anh, bạn bè và người thân còn biết anh có thú đam mê cổ vật. Đối với anh, sưu tầm cổ vật không có nghĩa là một trò giải trí đơn giản mà còn là trách nhiệm của mỗi công dân trong việc góp phần lưu giữ những báu vật quốc gia. Anh đã bỏ công sức sưu tầm gần 20 năm qua, hiện có gần 1000 món cổ vật quý hiếm đã được cẩn thận sắp đặt theo từng nhóm, từng niên đại khác nhau. Từ các loại đèn phòng cung đình, bình, tách trà, đỉnh xông trầm, lư hương, phù điêu, tượng bằng đồng hoặc gỗ trông rất lạ và ấn tượng của nhiều quốc gia khác nhau, có niên đại hơn thập kỷ qua. Thú vị nhất là bộ sưu tầm các loại tủ, bộ trường kỷ, bàn thờ, liễn, hoành phi, câu đối, tấm chạm cẩn xà cừ trông thật lung linh, huyền ảo đến các loại linh vật như cầm hạt, long - lân - qui - phụng của Việt Nam đã được chế tác từ đầu thế kỷ XX. Chúng ta có thể không hiểu biết nhiều về giá trị của từng món cổ vật qua từng niên đại, nhưng cũng đều cảm nhận khác biệt, đôi khi ở mỗi kiệt tác đều có những dấu ấn nghệ thuật thật kỳ bí đặc trưng cho một giai đoạn của đời người hay một thời kỳ văn minh của xã hội. Đồng thời, anh cũng đã có hơn 25 năm sưu tầm tranh ảnh. Hiện đang trưng bày trong nhà, anh đã có nhiều tác phẩm độc đáo của các danh họa đương đại Việt Nam: Nguyễn

Trung, Hồ Hữu Thử, Trịnh Thanh Tùng, Nguyễn Tấn Cương, Hứa Thanh Bình, Lê Thánh Thư, điêu khắc gia Phạm Cung, Lê Triều Điển v.v....

Tóm lại, Trần Tử Văn, tên của anh cũng hiếm thấy trong đời, con người và công việc cũng khó ai bắt chước. Nhà sư Thiện Chiếu có nói về anh mà tôi mãi tâm đắc: "*Tử đệ môn sinh lòng nhân đức, Văn chương khai bút sáng tâm minh.*" Thông thường, sự thành công của người nam, có sự cống hiến thầm lặng của người phụ nữ sau lưng. Như cụ Phó bản Nguyễn Sinh Sắc có người vợ đáng quý là Bà Hoàng Thị Loan, Nhà văn Nguyễn Hiến Lê có người vợ lý tưởng, đó là bà Nguyễn Thị Liệp v.v... Anh Trần Tử Văn có người vợ đáng yêu, đó là Bà Trang Thị Sương Mai, bà là mẫu người lý tưởng, năng động, siêng năng và cầu tiến trong mọi việc. Bà đã sanh cho anh Trần Tử Văn được hai người con trai, nay đã khôn lớn và trưởng thành, người con đầu nối nghiệp nghề cha; người con sau làm nghề kinh doanh. Trước đây, Bà từng công tác trong nhà in Nguyễn Minh Hoàng. Bà quả thật là người vợ hiền đối với anh Văn, người mẹ gương mẫu đối với các con, một công dân tốt đối với tổ quốc Việt Nam thân yêu.

Bà có ba đặc điểm đáng quý. Một là người phụ nữ chung thủy, biết hy sinh cá nhân mình để lo sự nghiệp và công danh cho chồng. Hai, bà rất giàu lòng nhân ái, nhóm từ thiện Sương Mai đã đóng góp không nhỏ trong việc từ thiện xã hội do nhà nước phát động, xây nhiều nhà tình thương, xóa nhiều cầu khỉ, xây cầu bê tông, phát quà cho trẻ em có hoàn cảnh cơ nhỡ v.v... Ba, là bậc thiện tri thức, có nghiên cứu tư tưởng đạo Phật, và khéo ứng dụng thiền học trong xã hội. Thiền học là nghệ thuật sống lành mạnh và con đường giác ngộ trong Phật giáo, nó giúp chúng ta có khả năng buông xả những căng thẳng trong cuộc sống, thông cảm đối với những người xung quanh, có khả năng mỉm cười trước thử thách chồng gay. Ở một chừng mực nào đó, bà đã ứng dụng được thiền học trong gia đình, bạn bè và những người thân có hiệu quả cao, đồng thời bà xin Ban Giám đốc những trung tâm xã hội để chia sẻ pháp môn thiền học này đến những người trong trung tâm, kết quả cho thấy họ thay đổi tư tưởng và hành vi hướng thiện một cách lạ lùng. Cuối cùng, chúng tôi cầu nguyện đức Phật gia hộ cho anh chị và gia đình có nhiều sức khỏe để làm tốt đời đẹp đạo. ■



IM LẶNG



KHIÊM TỐN

Vừa qua tại chùa Long Vân tỉnh Đồng Nai, Phật tử Diệu Thiện 13 tuổi đã được cha mẹ trợ duyên tổ chức lễ dâng y cúng dường chư tôn đức tăng, ni tại bốn tự trong mùa An cư Kiết hạ. Dịp này, Đại đức Thiện Minh - Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Trụ trì chùa Bửu Quang quận Thủ Đức TP. HCM đã thuyết pháp về đề tài: "Im lặng và Khiêm Tốn".

Hôm nay chúng tôi vô cùng hoan hỷ được gia đình thí chủ anh Sơn, chị Phượng mời đến chùa Long Vân trong dịp gia đình cúng dường dâng y, trai tăng để thuyết một bài pháp. Trong thâm tâm nghĩ là thuyết pháp cho gia đình anh Sơn nghe thôi, nhưng không ngờ đến đây thấy đại chúng đông như vậy. Nhìn các sư cô ở đây Sư thấy có nhiều gương mặt rất quen. Chắc có lẽ là quý vị có học ở trường Cao đẳng Phật học. Sư không biết tên nhưng nhìn thì thấy quen lắm do Sư có đi giảng dạy ở đó.

Có thể nói hôm nay duyên lành đặc biệt. Sư gặp gỡ quý vị ở đây những chư tôn đức ni và

Phật tử trong khóa An cư kiết hạ ở ngôi chùa này. Đức Phật Ngài dạy: Nơi nào có sự trang nghiêm, thanh tịnh, thì nơi đó có thân bằng quyến thuộc. Mừng cho sự hạnh ngộ hôm nay trong không khí hoan hỷ này. Quý vị hãy vỗ tay chúc mừng cho sự gặp gỡ đặc biệt hôm nay, vì chúng ta là bồ đề quyến thuộc với nhau.

Sư thấy nơi đây hội chúng đông, thiết tình cũng không biết nói gì. Những vị đang ngồi tại nơi này là những cội bồ đề cây cao bóng cả.

Sáng nay, tình cờ nâng chén uống trà trong phòng khách của nhà chùa, ngược nhìn lên tờ lịch hôm nay, ngày 21/7 có một câu nói của triết gia người Pháp là Montaigne: "Im lặng và khiêm nhường là một nghệ thuật trong giao tiếp". Chúng tôi trầm ngâm trong giây lát để suy nghĩ về những gì ông Montaigne nói, thấy sao mà gần gũi với lời Phật dạy. Cuộc đời của Đức Phật Thích Ca đã dạy cho chúng ta một bài học im lặng và khiêm nhường quá lớn. Đó cũng là một nghệ thuật tu - một nghệ thuật mà dù tập suốt cuộc đời ta cũng không làm hết.

Lúc vào đây tôi thấy một sư cô cúi xuống sửa ba đôi dép của ba nhà sư. Sư cô quay dép cho mũi dép trở ra phía ngoài. Chúng tôi nhìn sư cô trẻ tuổi làm nghĩa cử đó, chúng tôi thấy đẹp quá. Tôi nhìn sư cô rồi liên tưởng đến vị trụ trì ở đây đã có lỗi giáo dục quá hay, quá đẹp. Một việc nhỏ làm được thì mới làm được việc lớn. Làm việc nhỏ tốt đàng hoàng, thì ta sẽ tu tốt, trưởng thành tốt. Cái kiểu im lặng của nhà Phật trong kinh điển đã nhắc đi nhắc lại rất nhiều.

Im lặng nghĩa là làm thinh. Làm thinh là im lặng. Chúng tôi thuyết pháp là chúng tôi không im lặng. Quý vị nghe là quý vị đang im lặng để ngồi nghe pháp. Chúng tôi trong vai đang thuyết, còn quý vị im lặng. Im lặng đúng chỗ, đúng nơi.

Khiêm tốn là hạ mình xuống. Sư cô hồi nãy đã hạ mình xuống để sửa lại những chiếc dép của người khác. Công việc nhỏ nhưng không phải ai cũng làm được nếu không có giáo dục tốt. Bản tánh tự cao tự đại là liều thuốc độc làm cho chúng ta không tiến xa được, mãi mãi trầm luân sanh tử. Có người nói vui rằng khiêm tốn là vốn của tự kiêu. Nếu mình khiêm tốn đương nhiên đó là nghĩa tốt. Còn tự kiêu ở một chừng mực nào đó nó cũng đúng. Người ta giàu quá, thông minh quá, giỏi quá nên tự kiêu cao.

Trong cuộc sống nếu quý vị biết áp dụng phương pháp im lặng và khiêm tốn thì quý vị sẽ thấy sự màu nhiệm của nó. Cuộc đời Đức Phật là một bài học không ngừng về hạnh tu im lặng và khiêm tốn. Các vị thánh văn đệ tử của Ngài cũng vậy. Trong kinh văn kể khi vua chúa là những Phật tử đến thăm Đức Phật đã thỉnh cầu Ngài đi thọ trai tăng. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng. Cách im lặng này bây giờ khó bắt chước. Vì nhiều khi mình im lặng người khác không hiểu. Trong giới luật, Đức Phật cho phép người xuất gia nói chuyện với người thế gian không quá 6 tiếng. Cách giáo dục trong giới luật, trong kinh điển Đức Phật dạy chúng tăng học hạnh im lặng. Chỉ được nói 6 tiếng nói thôi chứ không phải nói 6 tiếng đồng hồ. Ý Đức Phật Ngài dạy chúng ta phải im lặng, vì im lặng sẽ phát sanh trí tuệ và có im lặng thì sự sâu lắng càng cao. Có những trường hợp phải nói nhưng nói đúng lúc, đúng chỗ. Có người cho rằng: "Im lặng là vàng, nói đàn hoàng là hột xoàn, kim cương, nói cương có người đánh phù mủ". Như vậy, cho thấy rằng nói cũng cần phải học, im lặng cũng cần phải học. Ông bà xưa có câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở". Cho nên, chúng ta phải biết khi nào thì im lặng, khi nào thì nên nói. Im lặng là một sức mạnh. Sức mạnh của người tu là im lặng. Im lặng cũng đồng nghĩa với nhẫn nại, nhịn nhục. Sức mạnh của trẻ em là tiếng khóc. Sức mạnh của phụ nữ là nước mắt. Còn sức mạnh của người tu hành là im lặng, nhẫn nhục.

Có một vị Hoà thượng rất nổi tiếng ở Hoa Kỳ. Mỗi năm Hoà thượng đi Ấn Độ một lần để phát học bổng cho các du học tăng. Hầu hết các du học tăng là những nghiên cứu sinh đều đang theo học các chương trình Phật học để lấy bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ, cử nhân. Một lần, có một du học tăng quỳ xuống xin Hoà thượng ban cho một lời giáo giới để sách tấn quý Thầy tu tập. Hoà thượng nói: "Người tu có gì đâu mà bí quyết cũng không có gì để giáo giới. Chỉ có điều người tu muốn hành pháp tốt phải lìa và liêu". Nghe Hoà thượng nói vậy những du học tăng bỗng giật mình. Sao phải lìa và liêu? Thì ra Hoà thượng muốn ám chỉ rằng vì các du học tăng qua đây thì ai cũng học, học, học nên họ là những con một sách rất cần mẫn. Cho nên giáo giới gì cũng là dư đối với họ. Hoà thượng nói phải lìa và liêu chẳng qua là muốn nhắc họ luôn nhớ nhịn nhục. Nếu học cao hiểu rộng mà không biết nhịn nhục, không biết im lặng thì sẽ trở nên vô trí, đường tu vô nghĩa.

Có bảy pháp để trở thành bậc trí thức, trong đó có pháp phải nói hợp thời, nếu mình nói không hợp thời sẽ phản tác dụng. Do vậy, càng im lặng, người im lặng càng có sức mạnh lớn, có cái nhìn

sâu lắng hơn.

Khiêm tốn là hạnh người tu phải học suốt đời. Khiêm tốn việc tu, việc học, việc giao tế. Càng học cao, hiểu rộng, tu nhiều thì đối với Thầy, huynh đệ, đệ tử, Phật tử, người thân v.v... mà tự cao, tự đại, tự kiêu thì mình trở thành liều thuốc độc. Quý vị càng tỏ ra khiêm tốn thì đó là một sức mạnh vô song. Người ta có thể rót nước mắt vì sự khiêm tốn của mình. Bởi hạnh khiêm tốn luôn giúp ta gần gũi với mọi người chung quanh.

Trong kinh điển Phật giáo có câu chuyện một ông quan được nhà vua tín nhiệm. Làm bất cứ việc gì nhà vua cũng tham vấn ý kiến của vị quan này. Trong triều đình, bá quan văn võ ai cũng nể phục vị quan tài năng và đức độ ấy. Nhưng đôi khi ông quan này nghĩ rằng: Không biết người ta kính trọng, nể phục, thương mình, là do mình có những đức tính tốt, hay người ta kính nể mình chỉ vì chức quan to. Nghĩ vậy, ông bèn muốn làm một cuộc trắc nghiệm. Trong triều có kho báu của nhà vua. Hằng ngày ông quan này đi qua đi lại để thăm dò kho báu của nhà vua. Một hôm, ông quan này len vào bên trong kho báu của Vua ăn trộm một số của báu. Người ta bắt được ông với tang vật còn mang theo người. Quá thất vọng về một ông quan bấy lâu nay luôn được ngưỡng mộ, yêu mến, người ta thông tin cho tất cả mọi người biết về hành vi ăn trộm của ông quan, và đòi vua phải xử tội ông quan này. Nhà vua rưng rưng nước mắt, hỏi ông quan rằng: "Tại sao khanh lại làm như vậy? Tất cả những gì khanh lấy trộm trong túi đây chẳng đáng là bao so với những gì ta đã cho khanh. Chỉ cần khanh nói cho ta biết, hoặc chỉ cần một ánh mắt của khanh thôi, ta cũng có thể biết khanh muốn gì và sẵn sàng ban cho khanh nhiều hơn thế nữa. Ta không hề tiếc với khanh bất cứ thứ gì, nhưng sao khanh lại đi lấy trộm như vậy?" Ông Quan nói: "Tâu đại vương! Tội lỗi của hạ thần đáng chết. Vua cứ xử theo luật của triều đình. Hạ thần làm như vậy mới hiểu được lòng dạ con người rõ hơn. Qua việc này, hạ thần có được một bài học là người ta thương mình, kính trọng mình, ưu ái mình vì những đức hạnh, nhân cách đáng quý của một con người, chứ không phải do chức quan to của hạ thần. Ngày nay, bề hạ đã thấy được bản chất của sự việc. Nếu người ta kính trọng mình vì những phẩm hạnh cao quý, thì một khi đánh mất những đức tính trong sạch đó, thì mình cũng mất đi lòng kính trọng nơi mọi người.

Cũng vậy, một người xuất gia luôn có uy tín, nhưng nếu vi phạm lỗi lầm sơ đẳng của giới luật thì xuất gia cũng trở thành vô nghĩa. Một người có quyền có chức ở ngoài thế gian mà nếu đi sai đường lạc lối cũng đánh mất đi giá trị bản thân và

tước quyền của họ.

Con người phải biết học hạnh khiêm tốn và chân thực. Nếu học cao hiểu rộng mà khinh khi những người chung quanh tự chúng ta sẽ chuốc lấy nỗi khổ, mất đi vàng hào quang. Con người dù nghèo hay giàu nhưng học được hạnh lắng nghe, khiêm tốn, con người đó sẽ có thêm nhiều vàng hào quang. Nói chuyện quá nhiều lại nói những lời vô ích, tự cao tự đắc, hào quang chân thật sẽ biến mất. Giống như câu chuyện ông quan lấy trộm của báu trong kho vua.

Cuộc sống chúng ta cũng vậy. Chúng ta phải học bài học khiêm tốn. Đức Phật trong kinh kể lại rằng, thời Đức Phật là một vị giáo chủ, tín đồ ai ai cũng biết danh tiếng của Ngài. Tuy nhiên, có khi Đức Phật đi chu du hoằng hoá, đến trú xứ của đệ tử của Ngài Xá Lợi Phất, những người này không biết Đức Phật là ai. Nghĩa là họ không biết thầy của thầy mình. Điều đó cho thấy Đức Phật đến với mọi người rất khiêm tốn, đến nỗi đệ tử của đệ tử mình cũng không hay biết.

Ở Miến Điện năm 1950 đến 1954 có Đại hội kết tập kinh điển Pali lần thứ 6. Đại hội quy tụ rất nhiều phái đoàn Phật giáo các nước từ khắp nơi trên thế giới về tham dự, trong đó có phái đoàn Phật giáo Việt Nam. Trong Đại hội này có 6 vị bất thông tam tạng Pali. Những vị Hoà thượng tài giỏi này khi đến giờ tiến lên Pháp tọa, trong khi đại chúng tăng của các quốc gia ngồi trong sảnh thì các Ngài đã đi bằng cách quỳ gối tiến lên phía trước một cách chậm rãi, ung dung, khiêm hạ vô cùng. Chúng tôi có thời gian sống bên Anh quốc tu tập. Trong Giáo hội Tăng già Anh quốc có những vị xuất gia tại Thái Lan cho nên đời sống sinh hoạt tu tập nơi đây cũng có một chút ảnh hưởng của Phật giáo Thái Lan. Mỗi lần các vị sư trẻ tuổi đến dâng lễ các vị đại sư, các vị Trưởng lão, khi còn cách khoảng 5 m là các vị sư trẻ đã quỳ lạy Thầy của mình. Hình ảnh trò dâng lễ thầy đẹp quá. Chúng tôi nhìn thân tướng trang nghiêm, đẹp đẽ của các vị sư phương Tây mà bỗng rớt nước mắt vì sự uy nghi mà vô cùng giản dị, sự cung kính tha thiết chân thành của đệ tử. Phật pháp nhiệm mầu trong sự im lặng không cùng tận là vậy.

Trong hồi ký của nhà văn Nguyễn Hiến Lê, ông có viết về một giai thoại mà chúng tôi rất tâm đắc. Có một nhà văn nổi tiếng ghé thăm nhà văn Nguyễn Hiến Lê với mục đích là muốn bàn luận một số vấn đề về giáo dục. Nhà văn Nguyễn Hiến Lê nổi tiếng về dịch thuật và xuất bản hơn 100 đầu sách. Tuy trình độ văn hoá của nhà văn chưa qua đại học nhưng sách của ông thuộc loại "gối đầu giường" của những người trí thức. Nhà văn Nguyễn Hiến Lê viết và dịch thuật rất nhiều tác phẩm trong một

thời gian không nhiều làm mọi người ngạc nhiên và vô cùng ngưỡng mộ về sức làm việc của ông. Mỗi ngày nhà văn Nguyễn Hiến Lê dịch thuật và viết khoảng 5 trang giấy A4. Suốt cuộc đời ông dành cho sáng tác văn chương và dịch thuật, nên nhiều khi bạn bè của ông cũng không tin ông đã làm việc được như vậy. Ông rất hạn chế việc đi ra bên ngoài mà dành nhiều thời gian ở nhà để làm việc. Trung bình một năm ông xuất bản từ 3 đến 4 tập sách. Việc nhà văn Nguyễn Hiến Lê tiếp xúc với ông nhà văn đang công tác trong ngành giáo dục làm cho mọi người ngạc nhiên, bởi lẽ sau khi ra về nhà văn này hết lời ca ngợi ông. Nhưng trong hồi ký của mình, nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã viết rằng ông dường như đã im lặng lắng nghe nhà văn kia nói thao thao bất tuyệt. Trước khi ra về, nhà văn nổi tiếng kia hỏi ông Nguyễn Hiến Lê rằng: "Ý của ông ra sao?" Nhà văn Nguyễn Hiến Lê nói: "Ông đã nói và trình bày đầy đủ rồi, tôi cũng không có ý kiến gì, như vậy là khá đủ tốt". Một cuộc đối thoại giữa hai nhà văn đã làm cho chúng ta phải suy nghĩ.

Người tu là tu tâm. Học lắng nghe cũng là một hạnh của người tu tâm. Nhưng làm sao thực hiện được hạnh lắng nghe, sự im lặng của người khiêm tốn? Vì bản chất của con người là thích nói. Nói những điều mình không biết nhưng vẫn thích nói. Chúng tôi có dịp sống với một vị sư là huynh đệ lớn hơn chừng 20 tuổi. Sống gần với nhau khoảng 20 năm. Vị sư ấy tu hạnh lạc đà. Quý vị biết rằng con lạc đà vượt qua sa mạc dễ dàng hơn những con vật khác vì trên lưng nó có cái gù chứa nước. Con lạc đà suốt đời vượt qua sa mạc nắng gió với cái túi nước trên lưng và sự im lặng nhẫn nại vô cùng. Cũng vậy, người xuất gia tu hành hãy kham nhẫn học hạnh lạc đà. Im lặng mà đi trên con đường tu tập. Cho dù trên đường đi thấy cái này hay, cái kia hay, thì cứ để lên mà đi tiếp. Hãy biết rằng chung quanh chúng ta đệ tử, huynh đệ, Phật tử v.v... mọi người ai cũng có những cái hay riêng của họ. Mỗi người trước khi xuất gia đều có một cái nghề để sinh sống. Vậy nếu chúng ta biết khiêm tốn, biết lắng nghe, biết im lặng để học hỏi từ những người chung quanh mình những cái hay, cái đẹp của họ thì chúng ta sẽ làm phong phú tâm hồn chúng ta nhiều hơn.

Làm thế nào thực hành Im lặng và Khiêm tốn tốt.

Quý vị hãy nghĩ cuộc đời vô thường để bớt nói nhiều những chuyện vô ích, tránh những bất thiện pháp để im lặng mà tu. Nghĩ đến vô thường, nghĩ đến cái chết để thực hành cho tốt lời dạy của Đức Phật là mở rộng lòng từ bi hỷ xả với chúng sanh, chớ ghét giận làm chi cho mệt. Quý vị hãy kết bạn

với người nào có hạnh im lặng và khiêm tốn để gần gũi và học hai hạnh đó. Bởi họ là những thiện trí thức sẽ giúp ta tiến hoá trên con đường tu tập, chuyển hoá thân tâm ngày càng trong sáng, thiện lành hơn. Đừng ham kết bạn với những người tu chưa thấy đầu vào đầu mà nổ quá chừng hoặc thân cận với các "bà tám" thì cũng mệt cho cái nhĩ căn lắm.

Hạnh Im lặng và Khiêm tốn sẽ có nhiều lợi ích:

1. Được những người chung quanh thương mến. Nhắc đến chúng ta là họ kính trọng vì người im lặng, khiêm tốn không làm cho ai phiền não.
2. Chư thiên, chư thần thánh cũng ái mộ người im lặng, khiêm tốn nên sẽ gia hộ. Người ta thường nói chư thiên hộ trì là như vậy.
3. Im lặng, khiêm tốn là hạnh của người tu nên người xuất gia phải luyện tập hai hạnh này.
4. Gieo duyên lành giải thoát và giác ngộ. Nếu không con đường sanh tử luân hồi không bao giờ ngưng nghỉ.

Hôm nay, chúng tôi hoan hỷ gởi tặng quý vị món quà của sự im lặng và khiêm tốn. Đó là nghệ thuật giao tiếp hay và đẹp. Đức Phật cũng từng dạy hai hạnh này cho người xuất gia trong rất nhiều kinh điển để lại.

Cầu mong quý vị có nhiều lợi ích từ món quà này trong cuộc sống xuất gia và cầu chúc quý vị vô thượng an lạc, kiết tường như ý trong chánh pháp, được 5 pháp chúc mừng trong Phật giáo là: sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và trí tuệ. ■

(tiếp theo trang 40)

Với rất nhiều lợi ích như thế kham nhẫn nên được tu tập. Chúng ta không đi tìm kiếm những cảm thọ khổ, không sân lòng các hình thức hành thân, hoại thể, nhưng chúng ta sẽ chịu đựng, chấp nhận, đón nhận những gì sẽ đến.

Với những người không kham nhẫn, tâm sân rất dễ phát sinh và phải chịu đau khổ:

Có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn. Thế nào là năm?

Quần chúng không ái mộ, không ưa thích; nhiều người hận thù; nhiều người tránh né; khi mạng chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mạng chung; sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỳ kheu, có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn.

Không Kham Nhẫn khó có thể vượt qua được bệnh tật:

Thành tựu năm pháp này, này các Tỳ kheu, một người bị bệnh tự săn sóc bệnh không được tốt đẹp. Thế nào là năm?

Làm điều không thích đáng; không biết vừa phải trong khi chữa trị; không sử dụng thuốc; với người săn sóc bệnh muốn lợi ích (cho mình, cho người bệnh); không có như thật nói rõ bệnh hoạn: Khi tăng tiến là tăng tiến như vậy, khi giảm thiểu là giảm thiểu như vậy, khi đứng lại là đứng lại như vậy; đối với các khổ thọ thuộc về thân khởi lên, khốc liệt, cường liệt, mãnh liệt, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng, khó lòng nhẫn thọ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỳ kheu, kẻ bị bệnh không săn sóc bệnh mình cho được tốt đẹp.

Không tròn đủ kham nhẫn chắc chắn không thể chứng ngộ Đạo Quả. Vậy nên, những ai muốn an vui đời này, không muốn gây hại cho bất cứ chúng sinh nào hãy học tập kham nhẫn, chịu đựng mọi cảm thọ, mọi phỉ báng công kích, mà không sân hận.

*Tôi được biết như vậy
Chư Phật luôn tán thán
Với những ai kham nhẫn.
Như Voi chúa vượt lên
Chịu đựng mọi đạn tên
Cũng như thế người Hiền
Không bị tâm sân hận
Dầu cảm thọ đón đau.
Thống khổ đoạt mạng sống.
Tâm định tĩnh diệu nhiên
Đoạn diệt hết ưu phiền
Chư thiên luôn kính mộ. ■*

Giọt máu cứu đời

Định Phúc

Mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, trên đất nước ta đang có hàng ngàn những số phận không may mắn. Ngay khi bạn ngồi đây thì rất nhiều người đang cần truyền máu để duy trì sự sống. Thế nhưng theo số liệu mới nhất, nhu cầu truyền máu hiện nay đã vượt gần gấp đôi sức cung của ngân hàng máu - bệnh viện truyền máu huyết học. Đặc biệt là khoảng thời gian này trong năm, khi lượng máu thu nhận chỉ đáp ứng được khoảng 1/3 nhu cầu. Phần thiếu hụt còn lại này đang trông chờ vào những tấm lòng nhân ái của chúng ta, thế hệ thanh niên trẻ, khỏe.

Ca dao đã có câu "Một giọt máu đào hơn ao nước lã". Hiến máu nhân đạo là một hành động cao cả, một nghĩa cử cao đẹp của toàn xã hội. Hằng ngày, hằng giờ, trên cả nước chúng ta vẫn luôn gặp phải những hoàn cảnh rất khó khăn vì không có đủ máu kịp thời cung cấp cho những ca cấp cứu. Chỉ cần hiến một phần máu của mình bạn đã cứu được rất nhiều người trước nguy cơ mất người thân, bạn bè và trước tiên là cứu được tính mạng của chính các người bệnh đang cần đến máu.

Đại đức Tịnh Quang, xuất gia theo truyền thống Phật giáo Nam Tông, tuy là vị tu sĩ nhưng Đại đức đã có một bề dày kỷ lục về số lần tình nguyện hiến máu lên đến con số 31. Trước khi xuất gia, Đại đức từng là giáo viên giảng dạy ở trường Cao đẳng Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, sau này Đại đức là đệ tử xuất gia với Thượng tọa Giác Sơn – Trụ trì chùa Siêu Lý (tỉnh Vĩnh Long). Trách nhiệm chính của một vị tu sĩ vốn chỉ là tu học và hành pháp, nhưng không chỉ dừng lại đó, Đại đức đã làm nên một điều kỳ diệu trong cuộc sống, những giọt máu của Đại đức đã cứu sống không biết bao nhiêu mạng người thoát khỏi cơn nguy kịch, tấm lòng từ bi ấy đã trải rộng cho biết bao nhiêu chúng sanh còn đang khổ.

Khi được hỏi về lý do tình nguyện đi hiến máu nhân đạo, Đại đức Tịnh Quang chia sẻ: "Nhiều năm về trước, có những lần vào bệnh viện thăm người thân, thấy nhiều gia đình bệnh nhân nghèo khó không có đủ tiền mua máu để tiếp tế mà bệnh



Đại đức Tịnh Quang

viện cũng không có đủ máu để cung cấp cho bệnh nhân, cho nên tôi mới suy nghĩ là mình sẽ đi hiến máu giúp cho những gia đình bệnh nhân khổ, vừa giúp ích cho xã hội, và vừa tạo được pháp độ ba la mật".

Vừa có tấm lòng từ ái đối với chúng sanh, vừa tạo được cơ hội tích trữ phước báu, trong tinh thần "tốt đạo đẹp đời", vị tu sĩ đã 31 lần hiến máu nhân đạo, đã gửi gắm những suy nghĩ của mình về nghĩa cử ấy: "Người trên thế gian này thường ăn theo thói quen và ăn với tâm hưởng thụ, cơ thể nạp rất nhiều chất bổ vào, cơ thể hấp thụ không hết cũng thải ra ngoài rất uổng phí, trong khi vị tu sĩ Nam Tông tuy không ăn chiều, nhưng vẫn có những vị rất khỏe mạnh, trước khi bác sĩ lấy máu của người hiến, đều có đo huyết áp, cân nặng, đo nhịp tim, và có trả lời 1 số câu hỏi, bác sĩ xem xét nếu đủ sức khỏe thì mới cho hiến máu, cho nên tu sĩ Nam tông vẫn có thể hiến máu giúp người khi sức khỏe tốt, và lại, theo khoa học thì các tế bào máu chỉ tồn tại trong cơ thể 1 thời gian ngắn, các tế bào mới được sinh sản ra, cho nên, hiến máu chỉ là động lực cho tế bào máu mới sinh ra nhanh hơn, nếu để tự nhiên tế bào máu chết bị đào thải rất uổng phí, trung tâm hiến máu cũng có quy định nghiêm ngặt cho người hiến máu, giữ sức khỏe cho người hiến máu là chỉ được hiến máu tiếp theo lần sau là khoảng

thời gian ít nhất tròn 3 tháng mới được. Người tu sĩ Nam Tông đã biết trên con đường đưa đến giải thoát sanh tử luân hồi phải thực hành pháp độ ba la mật, hiển máu là một cách bố thí không lựa chọn đối tượng thí, không biết bệnh nhân nào sẽ nhận máu hiển này, cho nên, đây là thiện sự cần thực hành để bổ túc ba la mật, góp phần tạo duyên lành giải thoát trong ngày vị lai".

Vào năm 2000, Thượng tọa Giác Giới, lúc bấy giờ là Giáo thọ sư chùa Siêu Lý (tỉnh Vĩnh Long), bị té gãy xương chân, phải vào cấp cứu và bác sĩ phải làm phẫu thuật. Bác sĩ nói rằng trong khi phẫu thuật sẽ bị mất máu nhiều cho nên, rất cần máu, thể là rất nhiều chư Tăng, Phật tử tình nguyện hiến máu, nhưng sau khi làm xét nghiệm thì chỉ có Thượng tọa Thường Niệm và Đại đức Tịnh Quang mới đồng nhóm máu. Đó là kỷ niệm khó phai trong những lần hiến máu của Đại đức Tịnh Quang, vừa thể hiện tấm lòng tri ân với thầy tổ, vừa là tấm lòng xả thân cứu người, từ bi của đạo Phật.

Thấm nhuần lời Đức Phật dạy về sự vô thường tạm bợ của thế gian, của sự sống, nhận thức về thân thể này, một khi tâm thức rời khỏi thân xác này rồi, thì xác thân này ví như một đồng gỗ mục, ví như một đồng tro tàn, chẳng có lợi ích chi. Với tâm nguyện của người đã, đang và sẽ tiếp tục đem máu của mình cứu lấy sinh mạng của người khác, Đại đức Tịnh Quang còn có thêm một ước nguyện rất cao quý "Sống hiến máu, chết hiến xác là tâm nguyện của tôi".

Nhận thấy các sinh viên Y khoa nhiều năm không có xác chết để mổ xẻ thực hành trên xác người thật, ít có người chịu hiến xác cho khoa học nghiên cứu cho nên, đại đức đã tình nguyện làm giấy hiến xác cho khoa học, "Sinh viên Y khoa là những bác sĩ tương lai, sẽ giúp được nhiều bệnh nhân, đem đến sự sống cho họ, nếu thực tập trên xác người thật thì khả năng cứu chữa cho người bệnh sẽ được nâng cao, nhân loại sẽ được lợi ích từ những xác chết được tình nguyện hiến xác thay vì đem chôn hay đem thiêu".

Đối với Phật giáo Nam tông, sau khi thân hoại mạng chung, tâm thức liền tái sanh đi ngay đến cảnh giới khác, tùy theo năng lực phước báu hay nghiệp ác của chúng sanh đó. Bởi thế, khi còn sống thì cố gắng tu tập, tạo phước, chứ sau khi chết rồi, thì dù có thiêu trong lửa cũng không biết nóng, dù có chôn xuống đất cũng chẳng biết ngộp, làm tang lễ cũng chỉ là hình thức không quan trọng, bên cạnh đó, còn có sự hỗ trợ của thầy tổ, huynh đệ, quyến thuộc đã tạo nên động lực giúp Đại đức làm giấy hiến xác sau khi chết.

Làm nhiều trách nhiệm với xã hội, vị tu sĩ đã bước qua tuổi 61 vẫn không bao giờ xao lãng trong việc công phu tu tập. Đại đức thường xuyên sang các trường thiền tại Miến Điện (Myanmar) vào những mùa an cư kiết hạ để tu tập thiền định với những vị Thiền sư nổi tiếng tại đất nước chùa vàng này. 6 mùa an cư trôi qua, với 6 lần xuất dương hành pháp nơi xứ Phật, cùng với những kinh nghiệm trong việc tu tập thiền Tứ niệm xứ, hiện tại, Đại đức Tịnh Quang được giao trách nhiệm phụ giúp Thượng tọa Giác Giới – Trụ trì Tổ đình Viên Giác (tỉnh Vĩnh Long) để hướng dẫn cho chư Tăng, Tu nữ và quý Phật tử hành thiền vào mỗi ngày chủ nhật hằng tuần.

Sống tốt đạo đẹp đời, phụng sự đạo Pháp, nêu cao tinh thần tri ân và báo ân đối với các bậc thầy tổ, các bậc cha mẹ và những người Phật tử đã hộ độ trong những chuyến tu học tại Miến Điện, tấm lòng và nghĩa cử cao quý, đang trân trọng và khó kiếm trong xã hội, thật xứng đáng là một tấm gương cho hậu thế noi theo. Khi sống, mình là người có ích cho xã hội và đạo pháp, khi chết xin làm một đồng tro tàn ướp mầm cho những tài năng của đất nước mai sau.

Hy vọng qua tấm gương của Đại đức Tịnh Quang, càng ngày càng có nhiều người, nhiều thành phần xã hội hiểu biết và hiểu đúng hơn về hiến máu nhân đạo, cùng tham gia hiến máu nhân đạo, và vận động mọi người hiến máu tình nguyện, để bệnh viện và bệnh nhân không còn phải khổ vì thiếu máu cho việc điều trị.

Xin thay lời cho những bệnh nhân đã mang trong người dòng máu tình nguyện ấy, vài dòng thơ như là một lời tri ân sâu sắc.

*Trao giọt máu cho người một sự sống
Vì lòng từ ai nỡ nói là không
Trao giọt máu cho người thêm hy vọng
Nên tiếc chi, xin hiến giọt máu hồng.*

*Mỗi giọt máu trao tặng mỗi tấm lòng
Đem bác ái đến tận người chờ mong
Cứu chúng sanh và nguyện thoát trần hồng
Về bờ giác thoát khỏi kiếp sắc không. ■*



Phật Giáo và Truyền Thống Chú Giải

Nguyễn Cửu Long (biên dịch)

Ngay từ lúc tìm hiểu Phật giáo, hình như chúng ta rất cần đến những lời chú giải. Chúng ta có thể thừa nhận rằng hình thức chú giải sớm nhất chỉ đơn giản là giải từ này bằng một từ khác, và chúng ta không chút nghi ngờ là Đức Phật thường xuyên thay thế các từ bằng các từ đồng nghĩa, để làm cho giáo huấn của Ngài được hiểu dễ dàng hơn. Chúng ta thấy có một số bằng chứng về điều này nơi các từ chính Đức Phật đã sử dụng, thí dụ như khi Ngài đưa ra tới bảy từ tất cả đều có nghĩa là “chiếc tô⁽¹⁾” Ngài nói đó là “ngôn ngữ đồng quê” (janapadaniruti). Hình như điều đó Ngài đã cảm nhận được do kinh nghiệm, có nghĩa là khi Ngài phải di chuyển từ nơi này sang nơi khác, Ngài cảm nhận được một từ để sử dụng ám chỉ một vật đặc biệt trong một vùng có hơi khác với cách sử dụng trong vùng khác để gọi cùng một món đồ. Bất cứ ai đã học cuốn *Bihar Peasant Life*⁽²⁾ của ngài George Grierson hẳn sẽ biết chính xác những vấn đề khó khăn mà Đức Phật đã gặp phải. Grierson di chuyển quanh một vùng mà ngài lãnh trách nhiệm là một nhân viên dân sự của nhà nước, ông ghi lại một lượng khá khá những tên khác nhau, mà các dân làng Bihar sử dụng cho tất cả các món đồ được sử dụng hàng ngày cả trong cuộc sống gia đình lẫn cuộc sống trong làng. Chắc chắn Đức Phật cũng đã gặp phải một tình huống rất tương tự như vậy từ hai thiên niên kỷ trước đó.

Một số lượng đáng kể tư liệu chú giải thuộc Phật giáo Nguyên thủy cổ xưa chúng ta có được, chính là tư liệu chúng ta phát hiện thấy trong Tạng Luật (Vinaya-piṭaka). Chúng ta biết rằng, theo gợi ý của nhà vua Seniya Bimbisāra đang trị vì tại Vương quốc Magadha⁽³⁾ Đức Phật đã thiết lập một cuộc tụng kinh Luật Giới Bản kéo dài hai tuần (thể theo việc tu luyện của các giáo phái khác có thói quen tụng Kinh). Chính vì thế, chúng ta chắc chắn một điều là Kinh Luật Bản Giới đã tồn tại ngay từ những ngày đầu Phật giáo. Kinh Luật Giới Bản đã liên tục tồn tại nơi truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, nhưng

được lồng ghép vào Tạng Luật (Vinaya-piṭaka). Nếu đây là một bản văn cổ xưa nhất mà chúng ta đã có được chứng cứ trực tiếp về việc tụng kinh này, thời không phải ngạc nhiên nếu đây cũng là bản văn đầu tiên cần đến một giải thích. Và vì thế, chúng ta thấy một dạng chú thích đơn giản về Kinh tụng này, trong đó các từ đa phần đã được giải thích bằng các từ đồng nghĩa hay các từ giải thích rõ ý nghĩa, thí dụ như từ đầu tiên của điều luật pārajika đầu tiên là yo “bất kỳ ai”, và ngài giải thích từ này như sau: “bất kỳ ai” có nghĩa là ai do các tương quan xã hội, do địa vị xã hội đang nắm, do tên tuổi, bộ tộc, đức hạnh, nơi cư ngụ, môi trường hoạt động, là Trưởng lão hay chỉ là một sa môn hay một người có vị trí trung gian, đây chính là ý nghĩa của từ “bất kỳ ai⁽⁴⁾”. Bản chất của việc chú giải này đã được làm rõ bằng tên gọi là: Pada-bhājanīya “phân tích các từ”. Việc chú giải này cũng đã tồn tại rất sớm, giống như chính Kinh Luật Giới Bản, đã được gán vào trong Tạng Luật (Vinaya-piṭaka) sau từng khoản trong những qui luật giới bản, và chính vì thế, bản văn và tập chú giải đã được truyền lại cho chúng ta chung với nhau.

Bản văn chú giải thuộc Phật giáo Nguyên thủy cổ đại, chính là tập chú giải đã thực sự được gán cho trạng thái tính chất giáo điều (canon) riêng biệt từng khoản một, chính tập kinh Niddesa, là tập chú giải về hai phẩm và một kinh trong Sutta-nipāta. Còn nữa, ở đây chúng ta bắt gặp một lượng chú giải rất lớn thông qua các từ đồng nghĩa. Chúng ta cũng phát hiện thấy một khía cạnh đặc biệt khác về loại chú giải này. Bất cứ khi nào một từ đặc biệt xuất hiện trong bản văn, thời cùng một cách giải thích được ghi lại từng chữ một, thí dụ như bất cứ khi nào có một tham khảo về từ kappa “điều tương tượng” được ghi ngay sau đó, hay một động từ dựa trên từ gốc kapp, chúng ta được biết là có hai loại từ kappa, có nghĩa là taṇhā-kappa và diṭṭhi-kappa, và lại có một cách giải thích giống hệt như vậy được ghi lại, ngay cả nếu như các từ đó quay trở lại trong các đoạn kế liên tiếp nhau. Trong bài thuyết

1. *M III 234, 34tt.*

2. *Grierson, 1926*

3. *Xin đọc Vin I 11, 18 tt*

4. *Vin III, 23, 37 tt.*

trình thứ ba, tôi đã vạch ra rằng những loại nhắc lại được ấn định mang đặc tính truyền khẩu đặc biệt của một bản văn cổ xưa, đem lại hỗ trợ, nếu cần cho việc giả định rằng Kinh Niddesa là tác phẩm rất cổ xưa và được biên soạn ngay cả trước khi được viết thành văn bản mang tính chất giáo điều.

Ngay cả các đoạn chú giải cổ xưa trong chính Kinh Phật Pāli không chỉ là những danh sách các từ đồng nghĩa mà các tập chú giải còn có chức vụ, mặc dù không phải toàn bộ các tập chú giải đã thực hiện cả hai chức năng đó trong cùng một lúc: Các tập chú giải đó giải thích ý nghĩa các từ, và giải thích ý nghĩa một đoạn văn hay một câu văn có các từ khó hiểu xuất hiện, trong đó các từ xuất hiện trong Araṇavibhaṅgasutta là “Kinh Vô Tránh Phân Biệt” thuộc Trung Bộ Kinh (Majjhima⁽⁵⁾) từ arāṇa “một người không xác định được” Đức Phật định nghĩa trong nguyên một câu. Phần kinh còn lại nhằm để giải thích ý nghĩa từng câu trong đoạn đó. Cũng tương tự như vậy, kinh Niddesa cũng chỉ đơn giản là một danh sách dài các từ đồng nghĩa. Cũng bao gồm trong các đoạn chú giải, đem lại cho chúng ta một số ý tưởng về truyền thống chú giải cổ xưa như thế nào, và tư duy truyền thống chú giải chính là ý nghĩa về những phần có liên quan trong sutta-nipāta. Tuy nhiên, đây không phải là một cấu trúc hữu cơ về chú giải, nhưng là một loạt những câu thiếu liên kết, dùng để giải thích các từ riêng lẻ, không nằm trong một văn cảnh đặc biệt nào thuộc sutta-nipāta, nhưng lại nằm trong bất kỳ cách bố trí nào.

Các tập Biên Niên Sử cho chúng ta hay rằng, vào thời nhà vua Asoka còn trị vì trên toàn vương quốc Ấn Độ, Mahinda đã đem Phật giáo truyền sang đảo quốc Sri Lanka⁽⁶⁾. Câu chuyện kể có liên quan đến kinh Dīpavaṃsa, Samantapāḍādikā và Mahāvaṃsa kể cho chúng ta biết bằng cách nào nhà vua Tissa gặp được Mahinda, trao đổi lời chào thăm với nhà vua và đã có một cuộc thảo luận. Cả ba nguồn tư liệu đó đều thống nhất rằng bài thuyết pháp đầu tiên Mahinda đã thuyết pháp cho nhà vua chính là Kinh Cūḷahatthipadādupama “Bài thuyết pháp ngắn về vết chân voi⁽⁷⁾” Kinh Mahāvaṃsa⁽⁸⁾ Mahinda đã thuyết pháp cho nhà vua Tissa về giáo lý đích thực tại hai nơi trong “bài thuyết pháp về hòn đảo” (dvīsu tṭhānesu dhammam bhāsivā dīpabhāsāya) ám chỉ rằng ở những nơi khác ngài không “chuyển dịch⁽⁹⁾” Kinh Dīpavaṃsa và Kinh Samantapāḍādikā

không đề cập gì đến qui trình “chuyển dịch” này, và mặc dù có những ví dụ cho thấy Kinh Mahāvaṃsa bao gồm cả tư liệu lịch sử chính thống đã không được biết tới hay cố ý bỏ qua, trong các tập biên niên sử cổ đại, rất có thể đây chính là nhu cầu cần có “bản dịch” mà tác giả kinh Mahāvaṃsa đã suy ra từ tuyên bố ngay lúc đầu các tập chú giải của Trưởng lão Buddhaghosa, đây chính là những bản dịch sang tiếng Pāli các tập chú giải mà Mahinda đã đem theo sang đảo quốc Sri Lanka và đã được dịch sang tiếng Sinhale nhằm đem lại lợi ích cho cư dân sống trên đảo⁽¹⁰⁾. Tác giả tập Kinh Mahāvaṃsa đã suy nghĩ thật chính xác rằng nếu Mahinda cần đến một “bản dịch” các tập chú giải thời ngài cũng phải “dịch” các bài thuyết pháp mang tính kinh điển nữa. Tuy nhiên, thực chất là qui trình chuyển dịch được đề cập đến đã phải diễn ra chỉ trong hai vị trí được gợi ý đó là lời tuyên bố dựa trên truyền thống. Nếu điều này có thực, chúng ta có thể suy ra rằng ở nơi nào đó Mahinda đã thuyết pháp các kinh dưới dạng Kinh Phật Pāli, ngược lại, trong hai vị trí ngài viết thêm một lời hộ giáo, bằng tiếng Prakrit Sinhale.

Không có bằng chứng nào về ngôn ngữ viết các tập Chú giải mà Mahinda đã đem theo sang Sri Lanka. Rất có thể các tập chú giải này có cùng một thứ ngôn ngữ như trong các bản văn Kinh Phật Pāli. Bất kỳ điều gì xảy ra, hay chúng có thể đã được viết bằng ngôn ngữ của các vị hoàng đạo, ở chỗ chúng tôi biết được họ có thể đã nói một loại ngôn ngữ Prakrit khác nhau. Chúng ta không có bất kỳ chứng cứ nào trước lời tuyên bố của Trưởng lão Buddhaghosa mà tôi vừa mới đề cập đến ở trên⁽¹¹⁾. Đó là ngài Trưởng lão Mahinda đã mang theo mình các tập chú giải, nhưng chúng ta không có lý do để nghi ngờ rằng các tập chú giải đó được mang tới từ Ấn Độ và đặc biệt là miền Bắc Ấn Độ, chính là nơi các tập chú giải đó được mang đến Sri Lanka. Như chúng ta sẽ thấy, các tập chú giải Pāli đôi khi sử dụng một dạng từ trong việc giải thích rất gần gũi với các phiên bản được tìm thấy trong ngôn ngữ Phạn hay tiếng Gāndhārī Prakrit hơn là phiên bản tiếng Pāli đã được bình luận rồi⁽¹²⁾, và ta chỉ có thể giải thích được điều này bằng cách thừa nhận rằng tập chú giải Pāli và các phiên bản tiếng Phạn và tiếng Gāndhārī cũng phải quay trở lại với nguồn chú giải mà thôi. Đó phải là ở tại miền Bắc Ấn Độ (còn tiếp). ■

5. *M III* 230-37.

6. *Dīp XII* 9; *Mhv* 13, 21

7. *M I* 175-84.

8. *Mhv* 14.65

9. Tôi dùng từ “dịch” có nghĩa là sự thay đổi từ một ngôn ngữ bản địa vùng Middle Indo-Arian sang một ngôn ngữ khác.

10. *Sihaladīpaṃ pana ābhata 'tha vasinā Mahā-Mahindena thapitā Sīhalabhāsāya dīpavāsīnam atthāya* (*Ps I* 1, 23*- 24* và *Lamotte*, 1988, 557).

11. *Ps I*, 1, 21*tt.

12. Xin đọc Brough, 1961, tr. 226.

Sóc Trăng: Lễ hoàn công bảo tháp chùa Som Roong

Khemrinh

Sau hơn một năm thi công, ngày 25 tháng 3 năm 2012, chùa Som Roong (P. 5, TP. Sóc Trăng) tổ chức lễ hoàn công ngôi bảo tháp và an vị tượng Phật, hạ cốt các cổ Hòa thượng, trụ trì chùa qua các thời kỳ.

Ngôi bảo tháp được xây dựng trên diện tích 100 m², cao khoảng 25 m, nằm trong khuôn viên chùa; cấu trúc ngôi bảo tháp có 4 lối đi lên, ba bậc thang gồm 20 nấc; 2 bên lối dẫn lên tháp được thiết kế 2 rãnh thân Naga rất uy nghi, cùng các mẫu hoa văn được chạm khắc rất tinh tế, sắc sảo theo mô típ lối kiến trúc Khmer cổ; Chính giữa ngôi bảo tháp được đúc tượng Phật Thích Ca, quay mặt về hướng đông, rất trang nghiêm. Theo Đại đức Lý Minh Đức, trụ trì chùa Som Roong cho biết, ngôi bảo tháp được khởi công từ ngày 02-12-2010 – 7-3-2012 đã hoàn công, với tổng kinh phí xây dựng là 1.298.250.400 đồng, số tiền trên do các mạnh thường quân, bà con Phật tử đóng góp.

Sau khi hoàn công, tối ngày 25-3 Ban quản lý chùa Som Roong tổ chức lễ an vị tượng Phật và hạ cốt 4 vị cổ Hòa thượng, Thượng tọa trụ trì chùa qua các thời kỳ gồm: Lý San, Thạch Mom, Lý Sum, Trần Phiên.

Được biết ngôi bảo tháp chùa Som Roong, là ngôi bảo tháp lớn nhất khu vực ĐBSCL, nó thể hiện tính đặc thù của văn hóa Khmer Nam bộ; đáp ứng nhu cầu cung kính hành lễ của đồng bào Phật tử, góp phần bảo tồn nét văn hóa Khmer để không bị mai một với thời gian. ■



Toàn cảnh bảo tháp chùa Som Roong



Tượng Phật Thích ca trong ngôi bảo tháp

4 loại dinh dưỡng nếu thiếu hụt dễ gây ung thư

EVA

1. Thiếu protein

Thí nghiệm trên động vật cho thấy hàm lượng protein cao trong thức ăn hoặc bổ sung các axit amin, có thể ức chế sự xuất hiện của các khối u trên động



vật. Chính vì thế, sự thiếu hụt protein dễ khiến bạn phải đối mặt với nguy cơ ung thư.

Theo nghiên cứu, trong chế độ ăn uống của bệnh nhân ung thư thực quản thường dễ bị thiếu hụt protein. Do đó, trong quá trình điều trị, bệnh nhân này nên chú ý tới chế độ ăn uống giàu protein hơn, giúp tăng cường khả năng miễn dịch, cải thiện tình trạng dinh dưỡng và có lợi cho sự phục hồi của họ.

2. Không cung cấp đầy đủ lượng vitamin

Các thực hành lâm sàng cho thấy rằng vitamin A acid có thể hỗ trợ điều trị tốt ung thư biểu mô tế bào đáy. Uống vitamin A axit cũng có thể chữa khỏi bệnh nám vú, bàng quang.



Một người lớn khỏe mạnh, tiêu thụ khoảng 3500 đến 5000 đơn vị vitamin A hàng ngày. Theo khảo sát, vitamin C trong máu của bệnh nhân ung thư thực quản có tỷ lệ thấp, chỉ khoảng 1/9, 1/8. Vitamin C có thể ức chế methylbenzylamine và nitrit natri trong cơ thể tổng hợp N-nitrosamine, giảm tỷ lệ mắc ung thư dạ dày. Ở nước ngoài liều lượng lớn vitamin C (mỗi ngày 30 đến 50g) được sử dụng mỗi ngày để điều trị bệnh nhân ung thư, trong đó có 8% ~ 10% bệnh nhân ung thư hồi quy, sự sống còn cũng được mở rộng. Ngoài ra, theo quan sát, da, màng nhầy của khối u có thể liên quan chặt chẽ đến việc thiếu vitamin B2. Điều này đòi hỏi chúng ta nên ăn nhiều rau và trái cây tươi giàu vitamin C.

3. Thiếu nguyên tố vi lượng

Thiếu hụt Iốt, kẽm và đồng có thể gia tăng tỷ lệ mắc bệnh bướu cổ và ung thư tuyến giáp. Chế độ ăn



uống nghèo iodine cũng góp phần vào sự xuất hiện của ung thư liên quan đến estrogen như vú, ung thư nội mạc tử cung và ung thư buồng trứng. Vì vậy, để bổ sung i-ốt thì những thực phẩm phong phú về chất này như rong biển, hải sâm, nghêu, mực, ... nên được tăng lên trong chế độ ăn uống.

Theo khảo sát, hàm lượng kẽm thấp cũng có liên quan đến ung thư thực quản. Thiếu hụt đồng thời cả đồng và kẽm cũng gây ra nguy cơ tương tự. Do đó, nên chú ý tới việc bổ sung hàm lượng kẽm (từ các thực phẩm ngũ cốc: đậu, cá, nghêu, sò...) và hàm lượng đồng (từ các thực phẩm đậu lăng, mầm củ cải, đậu nành, bắp cải...)

Thực tế đã chứng minh rằng selenium có tác dụng chống ung thư. Trong thử nghiệm, nó giúp ngăn chặn

aflatoxin B1, nguyên nhân chính gây ra ung thư gan. Kết quả cho thấy nhóm được bổ sung thì tỷ lệ ung thư gan là 23,5% không được bổ sung là 64,7%.

4. Thiếu cellulose



Khi đời sống nhân dân cải thiện, chế độ ăn uống cũng ngày một tốt hơn, tuy nhiên, thực đơn giàu chế độ carbohydrates lại quá ít lượng chất xơ, xenuloza, cellulose sẽ thúc đẩy sự xuất hiện của ung thư đại trực tràng.

Tỷ lệ mắc ung thư đại trực tràng là do thời gian cư trú lâu dài của thức ăn trong ruột, là tác nhân gây kích thích nhất định (chất độc), ăn thức ăn có chứa cellulose sẽ rút ngắn thời gian thức ăn qua đường ruột, nhờ đó thúc đẩy bài tiết những chất gây ung thư.

Chế độ ăn uống quá nhiều chất béo, cholesterol cao có thể thúc đẩy sự xuất hiện của ung thư đại tràng và vú. Thói quen ăn uống không lành mạnh cũng dễ gây ung thư

Chế độ ăn uống có hàm lượng chất béo cao

Nghiên cứu y tế hiện đại đã chỉ ra rằng chế độ ăn uống quá nhiều chất béo, cholesterol cao có thể thúc đẩy sự xuất hiện của ung thư đại tràng và vú. Điều tra dịch tễ học đã chứng minh rằng ở các vùng có chế độ ăn uống giàu chất béo như Bắc Mỹ, Tây Âu thì tỷ lệ mắc ung thư ruột kết, cao hơn đáng kể so với chế độ ăn ít chất béo ở châu Á và châu Phi.

Quá nhiều lượng calo

Tổng lượng nhiệt của cơ thể sẽ đòi hỏi quá trình trao đổi chất và tiêu thụ tương đương. Nhiệt cung cấp quá nhiều, sức nóng dư thừa sẽ tích lũy chất béo. Kết quả là ngày càng béo phì. Theo số liệu thống kê, thừa cân hơn so với cân nặng bình thường, hoặc hơi nhẹ hơn cũng dễ bị ung thư, tỷ lệ tử vong cũng cao hơn. Nhiệt quá mức sẽ gây ra béo phì, phụ nữ dễ bị ung thư vú, còn nam giới dễ bị ung thư đại trực tràng.■

Tư vấn Luật

Hôn Nhân Gia Đình

Câu hỏi: Xin luật sư cho hỏi pháp luật trong việc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, thì việc chia tài sản chung hay riêng như thế nào? (Tăng sinh TPH)

LS Lâm Thị Mai tư vấn:

Căn cứ Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: Trong trường hợp vợ chồng khi ly hôn thì việc chia tài sản khi ly hôn theo các nguyên tắc sau:

1. Việc chia tài sản khi ly hôn do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng của bên nào thì thuộc quyền sở hữu của bên đó.

2. Việc chia tài sản chung được giải quyết theo các nguyên tắc sau đây:

a) Tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc được chia đôi, nhưng có xem xét hoàn cảnh của mỗi bên, tình trạng tài sản, công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản này. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;

b) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;

c) Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp, để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập;

d) Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật hoặc theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần giá trị chênh lệch.

3. Việc thanh toán nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng do vợ chồng thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua đây tôi tin chắc tăng sinh đã hiểu để khuyên giải Phật tử, chọn giải pháp thỏa thuận hãy thay đổi thái độ, không gây hấn làm căng thẳng, không quá cố chấp quyền lợi tài sản, để xảy ra tranh chấp lại phải tốn một khoản tiền án phí để kiện tụng, vừa mất công sức, thời gian, mà còn rơi vào trạng thái mệt mỏi.

Chúc tăng sinh thành công.■

Tiểu sử cố Tu nữ Diệu Liên (1926-2012)

Trước khi tiễn đưa linh cữu của cố tu nữ Diệu Liên, về nơi an nghỉ cuối cùng ở đài hỏa táng Bình Dương, chúng tôi đại diện Ban Tổ chức Tang lễ và tổ đình Bửu Quang xin tuyên đọc vài dòng tiểu sử cố tu nữ Diệu Liên.

Kính bạch chư đại đức tăng, kính thưa toàn thể quý vị.

Tu nữ Diệu Liên, thế danh: Ngô Thị Vinh, sinh ngày 26-03-1926, tại Sài Gòn. Con của ông bà Ngô Thị Cầu. Bà là con thứ 4 trong gia đình có 6 anh chị em. Thuở nhỏ hiếu học và hiếu thảo với cha mẹ, chẳng bao lâu bà đã học xong tiểu học thời Pháp thuộc.

Thuận theo dòng đời, bà lập gia đình năm 1942 với người chồng tên Phan Minh, sống hạnh phúc bên nhau và sinh được 4 người con: Phan Xuân Hoàng, Phan Xuân Huấn, Phan Thanh Long, Phan Thanh Vân.

Năm 1946 bà giác ngộ lý tưởng Cách mạng, lòng yêu nước trào dâng, nên bà đã tham gia hoạt động Cách mạng ở Cà Mau.

Năm 1954, bà hoạt động Cách mạng ở tại Rạch Giá.

Năm 1961, bà hoạt động Cách mạng ở Sài Gòn Gia Định cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Bà là mẹ của hai liệt sĩ Phan Xuân Hoàng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1967; Phan Thanh Vân hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1968.

Bà đã từng nuôi dưỡng và che chở cho nhiều cán bộ thành đoàn như ông Phạm Chánh Trực nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, tuổi càng cao bà hướng về với đời sống tâm linh, tìm hiểu giáo lý nhà Phật để sống an lạc trong những chuỗi ngày còn lại.

Năm 1980, bà quyết định xuất gia tu học theo truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy tại chùa Từ Quang, quận Gò Vấp, TP. HCM, thầy bốn sư là Hòa thượng Thiện Thắng. Hòa thượng bốn sư đã đặt cho bà pháp danh là Tu nữ Diệu Liên.

Năm 1987, bà thích sống đời sống thiền định, chọn khu rừng mát mẻ của tổ đình Bửu Quang làm nơi sống ẩn dật thiền định. Nơi đây, tu nữ đã học thiền với Hòa thượng Thiền sư Giới Hương, nguyên trụ trì chùa Bát Chánh Đạo.

Đối với dân tộc, bà đã làm tròn bốn phận của một công dân yêu nước, có hai người con liệt sĩ. Nên Đảng và Nhà nước quận Thủ Đức ghi nhận tấm lòng vàng của bà đối với tổ quốc, và đã trao tặng nhà tình nghĩa cho bà ở khu phố 4, phường Tam Bình, quận Thủ Đức vào năm 2004.

Đối với đạo pháp, bà là một tu nữ Trưởng lão của Phật giáo Nguyên Thủy nói chung, và tổ đình Bửu Quang nói riêng, có nhiều đóng góp về vật chất cũng như tinh thần cho đạo pháp. Bà đã đỡ đầu cho nhiều vị sư Phật giáo Nam tông ăn học thành tài, cụ thể là Thượng tọa Thường Niệm, Thượng tọa Thiện Trí hiện đang là Phó Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bình Phước.

Bà giống như một vị Bồ Tát, nơi đâu cần sự giúp đỡ bà sẵn sàng xả thân ủng hộ, không nề hà sắc phục tu nữ. Chẳng ai ngờ, từ năm 2005 đến 2011 bà đã nuôi dưỡng và chăm sóc người anh của mình mang căn bệnh nan y cho đến ngày người anh qua đời.

Đời và đạo tu nữ Diệu Liên đã viên tròn, giờ như chiếc xe đã cũ, do tuổi cao sức yếu tu nữ đã thọ bệnh và đưa vào bệnh viện Chợ Rẫy ngày 08-03-2012 để chữa trị, nơi đây, đã được các y bác sĩ tận tình cứu chữa, nhưng hồi ơ vô thường đã đến, bà đã ra đi vào lúc 10 giờ 40 phút ngày 06 tháng 04 năm 2012, hưởng thọ 87 tuổi.

Sự ra đi của bà là một sự mất mát lớn cho Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam nói chung, và tổ đình Bửu Quang nói riêng, từ đây Giáo hội vắng đi một tu nữ Trưởng lão, có nhiều đức độ và đóng góp trí tuệ cho đạo pháp. Gia đình và những người thân mất đi một người mẹ gương mẫu mãi mãi không bao giờ tìm lại được. Phật tử chùa Bửu Quang mất đi một tu nữ hiền hòa và đức độ. Bà ra đi là một sự mất mát lớn cho tất cả.

Vài dòng tiểu sử, ngưỡng mong giác linh tu nữ từ bi chứng giám.■



Đại Hội Phật Giáo Tỉnh Sóc Trăng

Phước Định



Trong 2 ngày 05 và 06-03-2012, Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng tổ chức thành công Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2012-2017, với sự tham dự hơn 700 đại biểu là các chư tôn đức tăng - ni trong Hội đồng Trị sự, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Sóc Trăng, quý vị khách quý đại diện Đảng và Nhà nước trong tỉnh.

Đại hội đã bầu ra tân Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2012-2017 với sự suy cử Hòa thượng Dương Nhơn tiếp tục tái giữ chức Trưởng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng; Hòa thượng Thích Thiện Sanh, Phó Ban trị sự nhiệm kỳ cũ tiếp tục giữ chức Phó Ban trị sự nhiệm kỳ mới. Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng cũng đã suy cử 47 ủy viên chính thức, và 18 ủy viên dự khuyết.

Trong nhiệm kỳ mới, Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng đề ra kế hoạch phát huy tinh thần đoàn kết, trong sự hòa hợp lấy Pháp lực hòa và Tứ nhiếp pháp làm nguyên tắc cộng trụ, đồng hành đồng sự trong kiện toàn nhân sự; củng cố các tổ chức hội ở cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các chư tăng ni Phật tử thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội" tiếp tục đẩy mạnh công tác Phật sự và vận động Phật tử thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước góp phần xây dựng, và phát triển ngôi nhà chung của Phật giáo Việt Nam.■

Đại Hội Đại Biểu Phật Giáo Tỉnh An Giang

Phước Định



Sáng ngày 10-03-2012, Đại hội Phật giáo tỉnh An Giang lần thứ VIII (2012-2017) đã diễn ra trang nghiêm, trọng thể tại chùa Huỳnh Đạo, thị xã Châu Đốc.

Quang lâm chứng minh Đại hội có Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS kiêm Trưởng ban Kinh tế Tài chánh TWGH cùng chư tôn đức thành viên HĐCM, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo tỉnh An Giang. Về phía ban lãnh đạo tỉnh có ông Vương Bình Thạnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch UBND tỉnh, cùng các vị lãnh đạo tỉnh, chư tôn đức các ban, ngành Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành và hơn 1.000 đại biểu là Phật tử tiêu biểu đại diện toàn thể chư tăng, ni và các hệ phái Phật giáo trong toàn tỉnh cùng về tham dự đại hội.

Trên tinh thần "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội," Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh An Giang tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, hòa hợp nội bộ, đoàn kết tôn giáo để hoàn thành các hoạt động Phật sự và hoạt động hữu hiệu trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần chung lo sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ngoài ra, Ban Trị sự còn triển khai thực hiện các hoạt động từ thiện nhân đạo xã hội khác như khám, chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho hộ nghèo; xây dựng đường giao thông nông thôn, dạy nghề, ủng hộ quỹ khuyến học; hỗ trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn...

Đại hội đã suy cử tân Ban Trị sự Phật giáo tỉnh An Giang khóa VIII (2012-2017) gồm 47 ủy viên chính thức và 15 ủy viên dự khuyết, Hòa thượng Thích Huệ Tài tiếp tục được suy cử làm Trưởng ban Trị sự.■

Trợ lý nghị sĩ Mỹ thăm Học viện PGVN tại TP. HCM

Vũ Giang



Sáng 8-4, đoàn trợ lý nghị sĩ Mỹ do ông Rayanne Bostick, Trợ lý Thượng nghị sĩ Joseph Liberman làm Trưởng đoàn đã đến thăm Học viện PGVN tại TP. Hồ Chí Minh.

Hòa thượng Thích Trí Quảng, Viện Trưởng HVPGVN; Hòa thượng Thích Đạt Đạo, Phó Viện trưởng Tổ chức Hành chánh HVPGVN tại TP. HCM cùng chư tôn đức Hội đồng Điều hành Học viện đã thân mật tiếp đoàn.

Tại buổi tiếp, HT. Thích Trí Quảng thay mặt Hội đồng Điều hành Học viện bày tỏ niềm hoan hỷ trước chuyến viếng thăm của đoàn, đồng thời trình bày văn tắt lịch sử hình thành và phát triển của HVPGVN tại TP. HCM. Trước mối quan hệ tốt đẹp của Việt Nam và Mỹ, Hòa thượng cũng mong muốn có sự lưu hảo tốt hơn nữa, đặc biệt trên phương diện giáo dục Phật giáo.

Dịp này, các trợ lý nghị sĩ Mỹ trao đổi, tìm hiểu các vấn đề tự do tôn giáo ở Việt Nam, các hoạt động của Học viện, số lượng và đời sống tu tập của Tăng Ni sinh, vai trò đào tạo, phát triển nhân lực cho Giáo hội của Học viện. Đoàn cũng bày tỏ mong muốn sẽ có dịp giao lưu, hợp tác với HVPGVN tại TP. HCM trong tương lai. ■

ẤN ĐỘ: Phật giáo đã toàn cầu hóa nền văn hóa Ấn Độ

Diệu Âm (lược dịch)



Varanasi, Uttar Pradesh – Phật giáo không chỉ ảnh hưởng đến nghệ thuật và văn hóa của đất nước, mà còn toàn cầu hóa nền văn hóa Ấn Độ. Với nhận định ấy, vào ngày 21-2-2012, Trung tâm Ưu tú thuộc khoa lịch sử của trường Đại học Mahatma Gandhi Kashi Vidyapeeth (MGKV) đã tổ chức một cuộc hội thảo quốc gia trong 7 ngày về “Vai trò của Phật giáo trong Hội nhập Văn hóa của Ấn Độ” tại hội trường hội thảo của khoa này.

Tiến sĩ Gopal Yadav, người phát ngôn của MGKV, cho biết có hơn 70 đại biểu - bao gồm sinh viên, các học giả nghiên cứu, giảng viên cao cấp từ các trường đại học và cao đẳng của thành phố đã tham gia hội thảo 7 ngày này.

Trong hội thảo, các chủ đề khác nhau như ảnh hưởng của Phật giáo đối với nghệ thuật Ấn Độ, ảnh hưởng của Phật giáo trong việc nâng cao hội nhập xã hội và các tổ chức xã hội khác nhau của đất nước, văn học Phật giáo ảnh hưởng đến văn học Ấn Độ thời Trung cổ và nhiều chủ đề liên quan khác đã được thảo luận đầy đủ. ■



THÁI LAN: Bảo tàng Di tích Phật Pháp

Diệu Âm (lược dịch)

Bangkok, Thái Lan – Bảo tàng Di tích Phật Pháp ở Đường Rama III là một trung tâm rộng 1.500 m², trưng bày hàng nghìn tượng phần lớn là của Phật giáo, cùng với một số tượng của Ấn Độ giáo và đạo Bà La Môn.

Bảo tàng do một gia đình người Mã Lai gốc Hoa điều hành, mỗi ngày có từ 150 đến 800 người đến tham quan.

Phó Chủ tịch của Bảo tàng là ông Clifford Chuan nói rằng gia đình ông đã chọn Thái Lan để lập bảo tàng vì đất nước này là một trong những trung tâm quan trọng của Phật giáo quốc tế, và rằng họ mở bảo tàng để phục vụ cộng đồng, để giáo dục công chúng.

Trưng bày nghệ thuật Phật giáo và các di tích từ Campuchia, Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Tạng và các vùng đất châu Á khác, Bảo tàng Di tích Phật Pháp mở cửa miễn phí cho công chúng hàng ngày từ 10 am đến 9 pm. ■



Ba bản sao tượng Phật Ngọc được trưng bày tại Bảo tàng Di tích Phật Pháp.



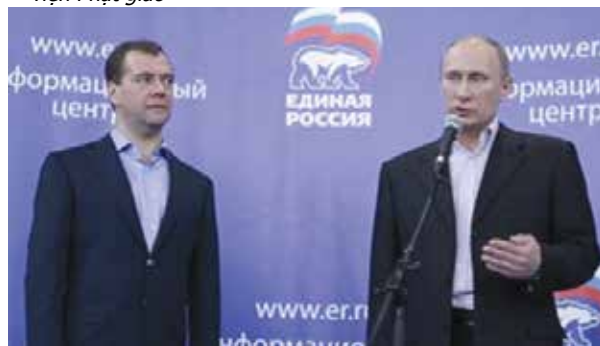
Bảo tàng Di tích Phật Pháp (Thái Lan).

NGA: Tổng thống Medvedev ca ngợi vai trò xã hội của Phật giáo Nga

Diệu Âm (lược dịch)



Tổng thống Nga Dmitry Medvedev với các nhà sư tại tu viện Phật giáo



Tổng thống Medvedev (trái) và Thủ tướng Vladimir Putin

Moscow, Nga – Tổng thống Medvedev đã ghi nhận hoạt động hiệu quả của cộng đồng Phật giáo Nga trong việc tạo được sự hòa hợp dân tộc và tôn giáo trong nước. Ông phát biểu trong thông điệp chúc mừng cộng đồng Phật giáo nhân lễ Năm mới Phật giáo Sagaalga rằng những giá trị của Phật giáo và những truyền thống của các dân tộc đang thực hành Phật giáo tại nhiều nước là một phần không thể tách rời của văn hóa và lịch sử đất nước Nga.

Ông nói: “Phật tử Nga cần thận gìn giữ di sản của tổ tiên và hoạt động vì sức khỏe tinh thần và thể chất của thế hệ trẻ. Tất cả điều này giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nhóm dân tộc và tôn giáo khác nhau”.

Về phần mình, Thủ tướng Vladimir Putin cũng có ghi nhận về vai trò công chúng có hiệu quả của cộng đồng Phật giáo Nga và nói rằng Phật giáo có “những cơ hội lớn cho sự phục hưng” các truyền thống của mình. ■

Đoàn Việt Nam tham dự Đối thoại liên tôn giáo khu vực lần thứ 6 tại Indonesia

PV

Với mục đích tăng cường hơn nữa sự hiểu biết, khoan dung và tôn trọng sự đa dạng của tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa, thúc đẩy sự tương tác giữa con người với con người hướng tới xây dựng hòa bình và an ninh khu vực. Đối thoại liên tôn giáo khu vực lần thứ 6 (RID-6) đã được tổ chức tại Semarang – Indonesia từ ngày 11 đến ngày 15/3/2012 với Chủ đề “Tăng cường hợp tác cộng đồng để thúc đẩy hòa bình và an ninh khu vực: Liên tín ngưỡng trong hành động”.

Đối thoại liên tôn giáo khu vực được tổ chức lần đầu tiên tại Yogyakarta, Indonesia (năm 2004), lần thứ 2 tại Cebu, Philippine (năm 2006), lần thứ 3 ở Waitangi, New Zealand (năm 2007), lần thứ 4 tại Phnôm Pênh, Campuchia (năm 2008), lần thứ 5 tại Perth, Úc (năm 2009). Năm nay Đối thoại liên tôn giáo được tổ chức bởi chính phủ các nước Australia, Indonesia, Philippines và New Zealand. Tham gia Đối thoại có lãnh đạo các tôn giáo, các học giả, đại diện xã hội dân sự và truyền thông từ 15 nước gồm: Australia, Brunei, Darussalam, Campuchia, Fiji, Papua New Guinea, Indonesia, Lào, Malaysia, Philippines, Myanmar, Singapore, Thái Lan, Timor Leste và Việt Nam. Đoàn Việt Nam do ông Nguyễn Hữu Nhường, Chánh Văn phòng ban, Ban Tôn giáo Chính phủ Bộ Nội vụ làm Trưởng đoàn; thành viên trong đoàn còn có: Đại diện Bộ Ngoại giao (Bà Hà Thị Thanh Huyền); Đại diện các tôn giáo: Phật giáo (HT Thích Thiện Tâm), Công giáo (LM Phạm Văn Chính) và Hồi giáo (Ông Mahomed Yousof).

Chương trình Đối thoại bao gồm hai phiên họp toàn thể với chủ đề: “Xây dựng hợp tác cộng đồng: Phát huy vai trò của xã hội dân sự trong việc xây dựng hòa bình và ngăn chặn xung đột tôn giáo. Liên tín ngưỡng trong Hành động” và “Vai trò của giáo dục tôn giáo trong việc thúc đẩy hòa bình và an ninh: Đào tạo và phát triển năng lực các lãnh đạo tôn giáo trong tương lai; Phát triển nhận thức về liên tôn giáo và liên văn hóa trong các trường phổ thông, đại học và các cộng đồng: Các phương pháp thực tế”. Ngoài ra, còn có các chương trình thảo luận và làm việc theo nhóm. Đối thoại liên tôn giáo khu vực lần thứ 6 tổ chức tại Indonesia đã thống nhất được tiếng nói chung và đưa ra Kế hoạch hoạt động.

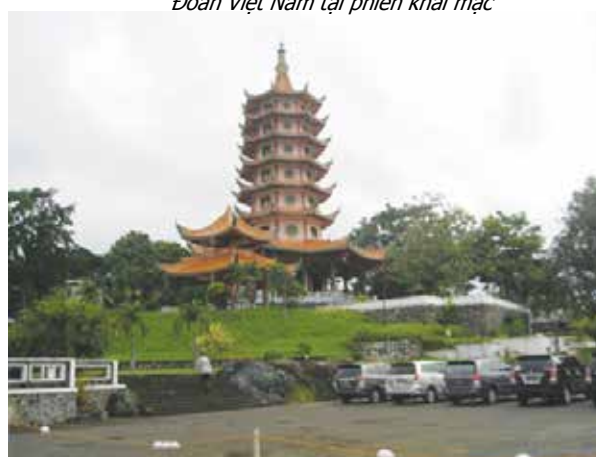
Đoàn Việt Nam đã đóng góp những ý kiến xây dựng về xã hội dân sự, đưa tín ngưỡng, tôn giáo

vào học trong nhà trường ở cấp trung học, đại học. Những đóng góp phát biểu của phía Việt Nam được hội nghị đánh giá cao, coi như một sáng kiến được đưa vào tuyên bố chung của chương trình Đối thoại. Đoàn Việt Nam tham dự Đối thoại liên tôn giáo khu vực lần thứ 6 tại Indonesia đã thành công tốt đẹp, các tôn giáo thể hiện sự đoàn kết, nhất trí đóng góp tiếng nói chung vào sự phát triển của dân tộc.

Nằm trong khuôn khổ của chương trình, đoàn đại biểu các nước đã có chuyến thăm nơi thờ tự của một số tôn giáo chính tại Semarang như: “Sam Poo Koong” – Viện Khổng Tử, Thánh đường lớn Trung tâm tỉnh Java, Bảo tàng lịch sử Hồi giáo, Nhà thờ Tin lành Immanuel (Blenduk), thăm Nhà thờ Lớn và chùa Phật giáo.■



Đoàn Việt Nam tại phiên khai mạc



Tháp chùa Phật giáo

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 18

01	Thượng tọa Minh Hạnh	25 quyển
02	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
03	GĐ BS Phạm Lê An	50 quyển
04	GĐ Minh Quân - Chu Kim Ngọc	20 quyển
05	GĐ. Như Minh - Diệu Phát	10 quyển
06	GĐ Nguyễn Thị Huỳnh Xuân	25 quyển
07	GĐ. Nguyễn Việt Quang - Pd. Đức Thanh	25 quyển
08	GĐ. Lương Dũng - Kiều Oanh	25 quyển
09	GĐ. Văn Thị Kim Phụng	25 quyển
10	GĐ Trần Thị Bảy	20 quyển
11	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
12	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
13	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
14	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
15	GĐ. Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	100 quyển
16	GĐ. Nguyễn Thị Cúc	100 quyển
17	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10 quyển
18	GĐ Mười Trang	10 quyển
19	Cô Mai	10 quyển
20	TN Diệu Liên	05 quyển
21	Nguyễn Huỳnh Lê Hân PD Thọ Hạnh	05 quyển
22	Nguyễn Huỳnh Lê Phát PD Thọ Lộc	05 quyển
23	Lê Thị Đua PD Liên Thọ	10 quyển
24	GĐ Trí Thọ	25 quyển

25	GĐ Phạm Minh Hùng	08 quyển
26	GĐ Đỗ Minh Trung - Oanh Quỳên	50 quyển
27	Chú Hội cô Lại	20 quyển
28	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
29	TN. Quang Ngử (Trần Thị Liên)	05 quyển
30	GĐ Đỗ Đặng	10 quyển
31	GĐ Minh Phúc - Trúc Như'	10 quyển
32	GĐ ĐĐ Bửu Ân	10 quyển
33	GĐ Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển

CHIA BUỒN

Nhân dịp tuần chung thất cụ bà Dương Thị Bằng PD Diệu Bằng hưởng thọ 96 tuổi, là thân mẫu của Phật tử Dương Thị Nhã PD Phước Viên Giám đốc Khu du lịch Vườn Xoài

Ban Biên tập Tạp chí PGNT thành tâm cầu nguyện hương linh cụ bà Dương Thị Bằng được cao đăng Phật quốc.



giá: 20.000 đồng